

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

**LÊ THỊ KIM TUYÊN**

**NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TRONG TRANH  
BÙI XUÂN PHÁI, ỨNG DỤNG VÀO DẠY HỌC MỸ  
THUẬT CHO SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC, THANH HÓA**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MỸ THUẬT  
KHÓA 10 (2020 – 2022)**

**Hà Nội, 2023**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

LÊ THỊ KIM TUYÊN

NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TRONG TRANH  
BÙI XUÂN PHÁI, ỨNG DỤNG VÀO DẠY HỌC MĨ  
THUẬT CHO SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC, THANH HÓA

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học Mỹ thuật

Mã số: 8.14.01.11

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS. TS. Lê Văn Tạo

Hà Nội, 2023

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài luận văn “*Nghệ thuật tạo hình trong tranh Bùi Xuân Phái, ứng dụng vào dạy học mỹ thuật cho sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa*” là công trình nghiên cứu của riêng học viên dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS. TS. Lê Văn Tạo.

Các trích dẫn, số liệu, nhận xét nêu trong luận văn là trung thực, có xuất xứ rõ ràng. Những ý kiến khoa học được đề cập trong luận văn là chưa công bố. Học viên xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung có trong luận văn.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023*

**Tác giả luận văn**

**Lê Thị Kim Tuyên**

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
DH	Dạy học
ĐC	Đối chứng
ĐK	Điều khắc
GDMN	Giáo dục mầm non
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GV	Giáo viên
GVMN	Giáo viên mầm non
H	Hình
LVTN	Làm việc theo nhóm
MT	Mỹ thuật
Nxb	Nhà xuất bản
PL	Phụ lục
QTDH	Quá trình dạy học
SGK	Sách giáo khoa
SV	Sinh viên
SVMN	Sinh viên mầm non
THCS	Trung học cơ sở
TN	Thực nghiệm
tr.	Trang
TTMT	Thường thức mỹ thuật

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN .....	10
1.1. Một số khái niệm liên quan đến đề tài .....	10
1.1.1. Khái niệm về giáo dục học hiện đại.....	10
1.1.2. Khái niệm dạy học và phương pháp dạy học.....	11
1.1.2.3. Một số phương pháp khác dùng trong dạy học mỹ thuật .....	17
1.1.3. Khái niệm mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật.....	19
1.1.4. Khái niệm tạo hình.....	22
1.2. Khái quát chung về cuộc đời và sự nghiệp của họa sĩ Bùi Xuân Phái .....	24
1.2.1. Vài nét về cuộc đời của họa sĩ Bùi Xuân Phái.....	24
1.2.2. Khái quát về sự nghiệp sáng tác của họa sĩ Bùi Xuân Phái.....	25
1.3. Một số vấn đề cơ bản của mục tiêu chương trình dạy học mỹ thuật 2018 theo định hướng phát triển năng lực học sinh.....	28
1.4. Khái quát về khoa Giáo dục mầm non, trường Đại học Hồng Đức.....	30
1.4.1. Đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất.....	30
1.4.2. Đặc điểm sinh viên khoa GDMN.....	32
1.4.3. Đặc điểm chương trình môn mỹ thuật hệ đại học Giáo dục mầm non.....	33
1.4.4. Thực trạng công tác giảng dạy môn mỹ thuật đối với khoa Giáo dục mầm non ở Đại học Hồng Đức .....	37
Tiểu kết chương 1 .....	38
Chương 2: ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TRONG TRANH CỦA HOẠ SĨ BÙI XUÂN PHÁI VẬN DỤNG VÀO DẠY HỌC .....	40
2.1. Đặc điểm nghệ thuật tạo hình trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái.....	40
2.1.1. Bố cục trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái .....	40
2.1.2. Đường nét trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái.....	42
2.1.3. Màu sắc trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái .....	43

2.1.4. Chất liệu trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái .....	45
2.1.5. Phong cách và kỹ thuật thể hiện của họa sĩ Bùi Xuân Phái .....	48
2.2. Vận dụng nghệ thuật tạo hình trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái vào giảng dạy mỹ thuật tại Khoa Giáo dục mầm non, trường ĐH Hồng Đức, Thanh Hoá.....	53
2.2.1. Vận dụng bố cục trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái.....	53
2.2.2. Vận dụng màu sắc trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái.....	56
2.2.3. Vận dụng về đường nét trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái .....	58
2.3. Thực nghiệm vận dụng nghệ thuật tạo hình trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái trong dạy học môn Mỹ thuật tại Khoa Giáo dục mầm non, trường ĐH Hồng Đức, Thanh Hoá.....	59
2.3.1. Mục tiêu thực nghiệm.....	60
2.3.2. Nhiệm vụ, nội dung và kế hoạch thực nghiệm.....	61
2.3.3. Khảo sát về phương pháp dạy học và nội dung vận dụng.....	62
2.3.4. Các nguyên tắc dạy học môn Mỹ thuật tại trường Đại học Hồng Đức ...	66
2.3.5. Tổ chức thực nghiệm sư phạm.....	67
2.3.6. Đánh giá và tổng kết thực nghiệm .....	77
Tiểu kết chương 2 .....	84
KẾT LUẬN .....	86
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	88
PHỤ LỤC .....	93

## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng biểu 2.1: Thống kê về điểm số sau thực nghiệm.....	77
Bảng biểu 2.2: Thống kê chất lượng kết quả điểm sau kiểm chứng.....	78

## **DANH MỤC BIỂU ĐỒ**

Biểu đồ 2.1: Khảo sát thăm dò về mức độ sử dụng PPDH tích cực .....	63
Biểu đồ 2.2: Khảo sát CBGV về tính phù hợp của nội dung vận dụng ....	64
Biểu đồ 2.3: Khảo sát SV về tính phù hợp nội dung vận dụng .....	65
Biểu đồ 2.4: GV dự giờ đánh giá nhóm thực nghiệm .....	80
Biểu đồ 2.5: GV dự giờ đánh giá nhóm đối chứng .....	80
Biểu đồ 2.6: Người học tự đánh giá của nhóm thực nghiệm.....	81
Biểu đồ 2.7: Người học tự đánh giá của nhóm đối chứng.....	81



## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

“*Triết lý giáo dục, chương trình, cơ sở vật chất kỹ thuật, môi trường giáo dục, nguồn nhân lực quản lý và chất lượng đội ngũ giảng viên... của môi cơ sở giáo dục đại học*”. Đó là những yếu tố mang tính cốt lõi để nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam ngày nay. Tuy nhiên yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học luôn mang tính thường nhật và cấp bách. Chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cử nhân đại học tại trường Đại học Hồng Đức (Thanh Hóa) đã có từ trước năm 1990, đến nay đã hơn 22 năm phát triển. Trong nhiều giải pháp đổi mới chất lượng đào tạo GVMN tại Đại học Hồng Đức như cập nhật, đổi mới một số môn học, bồi dưỡng đội ngũ GV thì vấn đề đổi mới phương pháp dạy học ở từng GV là vấn đề có tính thời sự. Đổi mới PPDH của mỗi giảng viên tại một trường Đại học có nhiều hướng tiếp cận, trong đó hướng *cập nhật kiến thức mới và đổi mới PPDH* mang ý nghĩa thường nhật và quan trọng bậc nhất.

Học viên quan tâm đến việc tăng cường bổ sung học liệu và phương pháp khai thác những học liệu mới gắn liền với yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần đạt ở mỗi bài học trong chương trình môn mỹ thuật ở ngành giáo dục mầm non, từ đó có thể tạo nguồn cảm hứng sáng tạo và bổ sung kiến thức mới cho SV mầm non hiệu quả hơn. Mặt khác việc biên soạn bài giảng môn mỹ thuật mầm non, tiểu học là do mỗi GV thực hiện, nên phương pháp khai thác đa dạng nguồn học liệu cho mỗi bài giảng là hết sức quan trọng. Nghệ thuật hội họa của họa sỹ Bùi Xuân Phái là một đối tượng nghiên cứu khai thác rất cần thiết cho những yêu cầu đổi mới chất lượng dạy và học môn mỹ thuật trong ngành SPGDMN của Đại học Hồng Đức.

Yêu cầu “*Đổi mới phương pháp và hệ thống bài dạy học*” đối với GV Đại học và GV phổ thông có những yếu tố khác nhau về mức độ

kiến thức, kỹ năng thực hành và phương pháp tổ chức dạy học... Do đó học viên lựa chọn hướng *đổi mới phương pháp và hệ thống bài dạy học* theo cách vận dụng “*đặc điểm nghệ thuật*” của một số họa sỹ, nhà điêu khắc tiêu biểu vào dạy học ở chương trình GVMN tại Đại học Hồng Đức mà Bùi Xuân Phái xem như là vấn đề mới, trong đó nghiên cứu thực nghiệm trường hợp vận dụng nghệ thuật của họa sỹ Bùi Xuân Phái như một điển hình của luận văn.

Việc lựa chọn nghệ thuật hội họa của họa sỹ Bùi Xuân Phái vào dạy học mỹ thuật trong chương trình đào tạo sinh viên ngành GDMN là một phương pháp tiếp cận, từ đó có thể nhân rộng cho nhiều họa sỹ, nhà điêu khắc, nghệ nhân khác nhằm đa dạng hệ thống nguồn liệu giảng dạy phù hợp với mỗi bài học cụ thể theo yêu cầu ở chương trình đào tạo giáo viên mầm non.

Tuy nhiên, những đặc điểm nghệ thuật trong tranh của họa sỹ Bùi Xuân Phái biểu đạt về màu sắc tươi, sáng, tương phản mạnh, hoặc sử dụng hình, nét tối giản, không câu nệ sự chính xác mà thường mang tính gợi mở rất đa dạng, rất phù hợp với năng lực cảm thụ của sinh viên MN. Do đó học viên lựa chọn họa sỹ Bùi Xuân Phái như một ví dụ điển hình theo hướng khai thác nghệ thuật của một số họa sỹ tiêu biểu vào dạy học MT tại chương trình đào tạo giáo viên mầm non tại trường Đại học Hồng Đức tỉnh Thanh Hóa. Vị trí chương trình thực hiện là học phần “*Mỹ thuật cơ bản*” ở học phần này có các bài dạy vẽ trang trí cơ bản, vẽ tranh đề tài và kỹ thuật xếp dán.

Việc làm nổi bật giá trị ngôn ngữ tạo hình (màu sắc, hình, khối, mảng, nét, bút pháp) trong nghệ thuật Bùi Xuân Phái và nêu được biện pháp ứng dụng trong dạy học mỹ thuật cho sinh viên là mục tiêu, yêu cầu trọng tâm của nghiên cứu. Học viên cho rằng với nội dung trên đảm bảo cho học viên lựa chọn đề tài “*Nghệ thuật tạo hình trong tranh Bùi Xuân Phái, ứng dụng vào dạy học mỹ thuật cho sinh viên Khoa Giáo dục Mầm*

*non Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa*” làm luận văn thạc sỹ Lý luận và phương pháp dạy học của mình. Với mong muốn nâng cao nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo nghệ thuật cho các em sinh viên ngành GDMN, đóng góp tích cực cho mục tiêu đổi mới PPDH tại khoa GDMN tại trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

### **2.1. Các công trình nghiên cứu về tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái**

Việc nghiên cứu về họa sĩ Bùi Xuân Phái đã có khá nhiều bài viết trên báo, tạp chí, sách chuyên khảo là những công trình ở Việt Nam từ những năm giữa thế kỷ XX đến nay. Nhiều cuộc triển lãm cá nhân, triển lãm Hà Nội, triển lãm mỹ thuật toàn quốc đã giới thiệu, trưng bày tranh của ông.

Tác phẩm “*Bùi Xuân Phái – Con mắt của trái tim*” được xuất bản bởi Nxb Trẻ có độ dày 224 trang của nhiều tác giả với các phân tích, đánh giá về 165 tác phẩm tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái. Viết về ông không chỉ là các nhà văn, nhà thơ người Việt Nam như Nguyễn Tuân, Văn Cao... hay nhà nghiên cứu và phê bình mỹ thuật như Phan Cẩm Thượng, Thái Bá Vân... mà còn cả các tác giả người nước ngoài như Feffrey Hatover, Francos Thierry. Mỗi tác giả có những nhận định về cuộc đời, sự nghiệp và các tác phẩm của họa sĩ Bùi Xuân Phái dưới nhiều lăng kính khác nhau, đã tạo nên những mảng màu tư duy phong phú. Cuốn sách đã góp phần cung cấp cho học viên những cái nhìn cụ thể về các tác phẩm tranh cũng như nhiều nhận định khác nhau về phong cách vẽ của họa sĩ Bùi Xuân Phái.

Tạp chí *Người Hà Nội* đăng ngày 19/11/2010 có bài viết “*Hà Nội có phố Bùi Xuân Phái*” [31], đã giới thiệu khá đầy đủ về người họa sĩ tài hoa này với những tác phẩm hội họa đậm chất lãng mạn về những góc phố Hà Nội rêu phong cổ kính. Chưa đề cập tới nét đặc trưng trong nghệ thuật tạo hình của Bùi Xuân Phái.

Tạp chí *Thể thao và Văn hóa* đăng ngày 21/8/2008 có bài viết “*Có một con đường vinh danh Bùi Xuân Phái*” [32], đã viết về họa sĩ với những

cống hiến trong nghệ thuật và vinh danh ông với những giải thưởng mà ông đã để lại cho nền hội họa Việt Nam. Chưa đề cập tới những giá trị nghệ thuật trong sáng tác của ông.

Tác giả Phạm Thị Chinh, (2008), *Lịch sử mỹ thuật Việt Nam*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội [13], đã nêu tổng quan về cuộc đời và sự nghiệp của họa sĩ Bùi Xuân Phái với những giai đoạn hoạt động nghệ thuật, đề tài sáng tác và những giải thưởng ông đạt được. Là một tiếng nói về góc nhìn nghệ thuật tạo hình trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái nhưng đang còn đề cập rất ít.

## ***2.2. Một số các công trình nghiên cứu về lý luận dạy học và phương pháp dạy học***

Lý luận dạy học đại học khác với những lý thuyết thực nghiệm xã hội học giáo dục khác, nó không chỉ bàn đến khai cạnh hiệu quả xã hội và những tác động đa chiều trong không gian giáo dục hiện đại ngày nay. Học viên chú trọng đến các khuynh hướng tổ chức dạy học tại các ngành, các trường khối sư phạm nghệ thuật, trên nền tảng vận dụng lý thuyết căn bản của giáo dục đại học hiện đại. Học viên xin nêu ra một số nguyên tắc trong tổ chức dạy học đại học như một khung tham chiếu gồm:

- + Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học, tính giáo dục và tính nghề nghiệp.
- + Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa cái cụ thể và cái trừu tượng trong dạy học.
- + Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính vững chắc của tri thức và tính mềm dẻo của tư duy.
- + Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức trong quá trình dạy học.
- + Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò tự giác tích cực, độc lập của SV với vai trò chủ đạo của GV trong dạy học.

+ Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa cá nhân và tập thể trong quá trình dạy học.

Lý luận dạy học đại học của các nhà sư phạm mẫu mực trên thế giới cho học viên một số nhận định như sau gắn với luận văn là:

+ Mọi mục tiêu dạy học đại học đều phải gắn với yêu cầu thực tiễn xã hội, lĩnh vực chuyên ngành cần đến.

+ Phát huy năng lực cá nhân xem mỗi cá nhân đều có một tiềm năng nhất định. Điều này đặc biệt quan trọng khi dạy học mỹ thuật (vốn coi trọng năng khiếu bẩm sinh) khi áp dụng vào sinh viên ngành SPMN, thì môn học này buộc mọi SV đều bình đẳng trong nghĩa vụ và đánh giá. Vậy làm cách nào để mọi SV tiếp thu môn mỹ thuật tốt nhất, bình đẳng và công bằng nhất? Phải chăng phương pháp coi trọng năng lực, tiềm lực học mỹ thuật ở mỗi SV để GV có giáo án phù hợp cho mỗi cá nhân? Trong đó khuyến khích SV khai thác các học liệu từ mọi hướng: di sản truyền thống, tác giả tác phẩm điển hình, mà họa sỹ Bùi Xuân Phái là một ví dụ.

Tác giả Lê Thị Thanh Thủy, (2015), *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội [38], nội dung cuốn giáo trình PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ MN đề cập vai trò của hoạt động tạo hình, các hình thức và PP tổ chức với các hoạt động nặn, xếp dán tranh, chắp ghép... Cuốn giáo trình giúp học viên có thêm góc nhìn tham chiếu về chương trình hoạt động tạo hình ở trường mầm non, từ đó đánh giá đúng đối tượng sinh viên ngành giáo dục mầm non và định hướng bài dạy mỹ thuật cơ bản phù hợp năng lực và yêu cầu của giáo viên mầm non tương lai.

Tác giả Phạm Xuân Duy, (2018), Luận văn cao học ngành Lý luận và PPDH bộ môn mỹ thuật, Trường ĐHSN nghệ thuật TW, Hà Nội [16], viết về *Thực trạng giảng dạy mỹ thuật cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục mầm non ở trường CĐSP Hà Nam*. Từ việc đánh giá thực trạng tính

đặc thù của sinh viên chuyên ngành, tác giả đề ra giải pháp và lần lượt giải quyết ở nội dung các chương bàn về biện pháp dạy học môn MT cho sinh viên chuyên ngành giáo dục mầm non.

Tác giả Đào Thị Thúy Anh, (2022), Vai trò của thực hành mỹ thuật đối với giáo sinh ngành Giáo dục Mầm non, Tạp chí Văn học Nghệ thuật, Số 485, tháng 1/2022 [1], bài viết đưa ra một số vấn đề về phát huy vai trò của người giáo viên trong việc tạo hứng thú học tập cho SV và mở ra một số hướng về vai trò của thực hành trong việc học môn mỹ thuật cho SVMN.

Các công trình trên có nhiều giá trị giúp cho học viên tiếp thu về lý thuyết nghiên cứu. Song trong các công trình trên có nội dung đề cập tới giá trị nghệ thuật tạo hình trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái được áp dụng để dạy học góp phần nâng cao nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo nghệ thuật đối với các em sinh viên ngành GDMN, trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa. Đề tài “*Nghệ thuật tạo hình trong tranh Bùi Xuân Phái, ứng dụng vào dạy học mỹ thuật cho sinh viên mầm non trường Đại học Hồng Đức*” là một vấn đề nghiên cứu có đối tượng và mục đích nghiên cứu cụ thể cho sinh viên ngành GDMN. Học viên cho rằng với nghiên cứu này là hoàn toàn mới vì việc bổ sung tư liệu khoa học từ các họa sỹ điển hình Việt Nam mà cụ thể là Bùi Xuân Phái để làm giàu nguồn học liệu thiết kế bài giảng và PPDH cho môn MT ở chương trình GDMN tại trường Đại học Hồng Đức.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

- Nghiên cứu đặc điểm nghệ thuật của họa sĩ Bùi Xuân Phái thể hiện trên yếu tố tạo hình như: màu sắc, đường nét, phong cách, bố cục để vận dụng phù hợp vào giảng dạy học phần MT tại Đại học Hồng Đức.

- Nghiên cứu thực nghiệm sư phạm nhằm đánh giá một số đề xuất trong việc vận dụng nghệ thuật của họa sĩ Bùi Xuân Phái vào dạy học MT tại chương đào tạo GVMN tại trường Đại học Hồng Đức.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Làm rõ cơ sở lý luận liên quan tới đề tài. Khảo sát, tìm hiểu thực trạng chương trình môn học MT ở khoa GDMN, tại trường Đại học Hồng Đức.

- Phân tích các đặc điểm tạo hình nổi bật của họa sĩ Bùi Xuân Phái để vận dụng vào dạy học trong chương trình đào tạo GVMN. Hệ thống các tác phẩm điển hình của họa sĩ Bùi Xuân Phái để vận dụng vào dạy học trong chương trình đào tạo GVMN. Đưa ra một số giải pháp vận dụng các yếu tố tạo hình trong tranh họa sĩ Bùi Xuân Phái dạy học trong chương trình đào tạo GVMN ở trường Đại học Hồng Đức.

- Tổ chức TNSP ở một số bài theo chương trình tại một số nhóm sinh viên (lớp, tổ) nhằm có đủ số liệu, sản phẩm (bài học, bảng biểu thống kê), nhằm đánh giá kết quả của nghiên cứu.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Ngôn ngữ tạo hình trong tranh họa sĩ Bùi Xuân Phái (đường nét, hình, mảng, màu sắc, bố cục, đề tài, chất liệu...). Trong đó lựa chọn một số tác phẩm tiêu biểu để phân tích và ứng dụng trong dạy học ở bậc GDMN.

- Nghiên cứu phương pháp, hình thức để đưa những giá trị nghệ thuật trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái vào dạy học GDMN tại trường Đại học Hồng Đức.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Một số nội dung dạy học môn MT ngành GDMN trường ĐH Hồng Đức, Thanh Hóa.

Đối tượng vận dụng TNSP là sinh viên K23, bậc đại học GDMN, tại Khoa GDMN, trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

*Phương pháp thu thập tài liệu:* Tập hợp tài liệu sơ cấp và tài liệu thứ cấp, tài liệu liên quan luận văn, nghiên cứu các lý thuyết, phân tích các

quan điểm, luận giải, tổng hợp. Tài liệu sử dụng cho nghiên cứu lý thuyết gồm các thể loại văn bản, sách, báo in và sách báo điện tử có nội dung liên quan đến luận văn.

*Phương pháp phân tích và tổng hợp:* phân tích nghệ thuật tạo hình biểu đạt trong tranh họa sĩ Bùi Xuân Phái gồm các yếu tố đường nét, màu sắc, hình mảng, bố cục; từ đó tìm ra những yếu tố có thể khai thác để ứng dụng vào thực tiễn dạy học mỹ thuật cho sinh viên Khoa Giáo dục mầm non.

*Phương pháp đánh giá:* Sử dụng các phương tiện, kỹ thuật, trực tiếp, gián tiếp, phổ quát hay cụ thể, điểm hay đại trà nhằm có thể xác định đúng đắn nhất một hoạt động thực nghiệm sư phạm có hiệu quả đến mức độ như thế nào, để có thể áp dụng hay không áp dụng vào thực tiễn.

*Phương pháp thực nghiệm sư phạm:* Xây dựng mục tiêu, yêu cầu, kế hoạch, thời gian, vị trí, đối tượng cụ thể cho việc thực nghiệm sư phạm tại khoa GDMN, trường Đại học Hồng Đức.

## **6. Những đóng góp của luận văn**

### **6.1. Về lý luận**

Làm rõ đặc điểm về ngôn ngữ và yếu tố tạo hình trong tranh họa sĩ Bùi Xuân Phái gắn kết với môn MT trong chương trình đào tạo GDMN.

Xác định được tính cần thiết trong biện pháp vận dụng đặc điểm nghệ thuật của một số họa sĩ tiêu biểu trong dạy học ở chương trình đào tạo GVMN nhằm nâng cao sự sáng tạo của giảng viên và sinh viên.

### **6.2. Về thực tiễn**

Góp phần nâng cao hiệu quả dạy học, nâng cao nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo nghệ thuật môn MT cho sinh viên ngành GDMN trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa.

Luận văn có thể gợi mở cho các GV khác có thể bổ sung, cập nhật học liệu mới, PPDH mới cho phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng thiết kế bài giảng môn MT ở Khoa GDMN, tại trường Đại học Hồng Đức.



Luận văn làm tài liệu tham khảo trong công tác quản lý cũng như thực hành giảng dạy môn MT chuyên ngành GDMN, tại trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa.

## **7. Cấu trúc luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, Luận văn được kết cấu gồm 2 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn (gồm 30 trang).
- Chương 2: Biện pháp vận dụng và thực nghiệm sư phạm (gồm 33 trang).

## Chương 1

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

#### 1.1. Một số khái niệm liên quan đến đề tài

##### 1.1.1. Khái niệm về giáo dục học hiện đại

Theo học viên ngày nay *Giáo dục hiện đại* có nhiều đổi mới nhanh chóng, động lực của nó dựa trên ba yếu tố: Yếu tố thứ 1 là tốc độ dân số tăng nhanh và tính đô thị hóa mạnh mẽ; dân trí và dân sinh phát triển mạnh mẽ, nhu cầu giáo dục cho trẻ ngày một đòi hỏi cao hơn là yếu tố thứ 2; Công nghệ, kỹ thuật và quốc tế hóa đóng vai trò quan trọng trong tổ chức và tương tác thông tin giáo dục là yếu tố cuối cùng.

*John Dewey (1859-1952)*, một hướng nghiên cứu khác về Giáo dục học hiện đại mà luận văn đề cập là lý thuyết “Bản chất của Giáo dục học hiện đại là quá trình trải nghiệm” của John Dewey (1859-1952), một nhà triết học, tâm lý học Hoa Kỳ. Trước thế kỷ XX người ta quan niệm giáo dục như là quá trình truyền đạt kiến thức, hay là một quá trình khai sáng nhằm giúp con người tự do sử dụng lý trí... Thì với John Dewey (1859-1952), một nhà triết học, tâm lý học Hoa Kỳ đưa ra lý thuyết xem “Giáo dục chính là bản thân cuộc sống” (Education is life itself in Experience and Education, NewYork,1938). Dewey lập luận rằng trái với con vật chủ yếu sống bằng những bản năng bẩm sinh, con người sống chủ yếu bằng kinh nghiệm ứng xử với thế giới xung quanh. Vấn đề cốt lõi của giáo dục hiện đại là xem trải nghiệm là một công cụ, chất xúc tác đặc biệt mà nghiên cứu, tổ chức, triển khai dạy học hiện đại cần hướng đến.

Có thể thấy các lý thuyết về Giáo dục học từ thời Hy Lạp cổ đại (Platon), Trung Hoa cổ đại (Khổng Tử) cho quan niệm về Giáo dục học hiện đại ngày nay, dù tiếp cận theo các bình diện khác nhau thì vẫn có thể nhận thấy khởi nguồn và hướng đến 3 chiều hướng giáo dục: Theo Lý thuyết hành vi, Lý thuyết nhận thức và Lý thuyết kiến tạo [ 44; tr. 21].

Lý thuyết giáo dục hiện đại coi trọng tính kiểm chứng có thể xác nhận được bằng các thang đo hay cách thức (con đường tương tác) cụ thể nhất, chính xác nhất, hiệu quả nhất và phù hợp nhất. Học viên xin trích lược một số công cụ cụ thể hóa lý thuyết của giáo dục hiện đại gồm:

**Jean Piaget ( 1896-1980)** là một nhà tâm lý học, triết học Thụy Sĩ. Luận thuyết học tập của ông có nhiều hiệu quả vận dụng trong nhìn nhận đặc điểm và hướng đi (diễn biến) của trẻ em, có những khác biệt với nhiều lý thuyết: 1. Tính chất sơ khai hình thành hấp thụ hiểu biết ở trẻ em như một động lực tự nhiên. 2. Tính tương tác nghi vấn hướng ngoại và cân bằng hấp thụ kiến thức. 3. Phân kỳ giai đoạn khác biệt mỗi cá thể, nhóm cá thể. Có thể định dạng lý thuyết giáo dục học của Piaget theo ba hình thái, cấp độ là các khối kiến thức. Các quá trình thích ứng. Những quá trình này cho phép chuyển đổi từ giai đoạn này sang giai đoạn khác. Ông gọi đó là: Cân bằng, đồng hóa và thích nghi.

Như vậy nhận định cốt lõi về kết quả tương tác của dạy học của Giáo dục hiện đại cần hướng đến hình thành những giá trị mới về phẩm chất người học, mà phẩm chất ấy liên quan đến từ khả năng vận dụng kiến thức với môi trường bên ngoài và yếu tố bên trong mỗi cá thể, trong đó 3 yếu tố được coi như có tính cốt lõi là: 1. khả năng tiếp hấp thụ kiến thức và kỹ năng, 2. Hình thành cảm xúc tương tác động lực học tập. 3. Khả năng đem kiến thức, kỹ năng vào một môi trường xã hội cụ thể...

### ***1.1.2. Khái niệm dạy học và phương pháp dạy học***

#### ***1.1.2.1. Dạy học***

Dạy học là quá trình dạy của thầy và học của trò, được tổ chức và xây dựng một cách bài bản, có mục đích nhằm truyền đạt lại những kiến thức, kỹ năng của người dạy cho người học, giúp các em phát triển được năng lực về trí tuệ, tư duy sáng tạo; Người học là người tiếp nhận những kiến thức, kỹ năng đó, hình thành thế giới quan lý tưởng và phẩm chất đạo đức dựa trên những kỹ năng, trí thức và trí tuệ.

“Dạy học không chỉ là dạy kiến thức, dạy chữ nghĩa, mà còn gắn với việc “dạy người” [33, tr.27].

Trong quá trình dạy học, tính khoa học và tính giáo dục luôn thể hiện thống nhất, biện chứng với nhau. Diễn đạt các nguyên tắc này một cách ngắn gọn như sau: “Dạy chữ” và “Dạy người” thống nhất với nhau [33, tr.27].

Hiện nay có rất nhiều khái niệm dạy học tiếp cận từ nhiều chiều hướng khác nhau.

Dạy học là toàn bộ các thao tác có mục đích nhằm chuyển các giá trị tinh thần, các hiểu biết, các giá trị văn hóa mà nhân loại đã đạt được hoặc cộng đồng đã đạt được vào bên trong một con người” hay “Dạy học là một quá trình truyền thụ, tổ chức nhận thức kiến thức, kinh nghiệm xã hội và nghề nghiệp cho người học nhằm hình thành và phát triển nhân cách nói chung và nhân cách nghề nghiệp nói riêng [35, tr. 64]

Theo sách *Lí luận dạy học hiện đại* (Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học) của Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường NXB Đại học Sư Phạm, 2021, cho rằng trong tương tác dạy học người ta xem người học là A, người dạy là B; Tương tác giữa A và B (người dạy và người học) có nhiều lý thuyết khác nhau theo các quan điểm xã hội và luận lý khác nhau. Tuy nhiên, trong giáo dục hiện đại người học A là một bội số. Hình thái tương tác B, B', B'' có ý nghĩa quan trọng bậc nhất thay vì tương tác truyền thống A-B.

Việc hình thành tính tự giác trong học tập là yếu tố trong tâm của kết quả giáo dục hiện đại. Nếu mục tiêu dạy học được tạo ra phù hợp, đúng mức, hấp dẫn thì là một động lực kích thích sáng tạo cho người học. Kết quả dạy học hữu ích, khi người học nhận ra được tính ích dụng bởi những tác động mạnh mẽ vào đời sống thực tế, đó sẽ là một động lực, và tiếp tục cho một vòng quay cho một chu kỳ kế tiếp kiến tạo kiến thức mới.

Vấn đề mong muốn để người học tích cực, chủ động, trong nhận thức, huy động mức độ cao những chức năng tâm lý, tư duy là một đích cần nhắm đến của mỗi GV khi thiết kế chương trình môn học hay bài học cụ thể.

Yêu tố văn hóa xã hội như lý thuyết của Jean Piaget hay chuẩn mục tiêu theo thang Bloom cũng cần được người GV vận dụng phù hợp với bối cảnh mỗi bài giảng.

#### *1.1.2.2. Phương pháp dạy học*

Thuật ngữ phương pháp bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp (methodos) có nghĩa là con đường đi đến mục đích:

Phương pháp là phạm trù phức tạp, khi nói đến phương pháp ta có thể hiểu đó là cách tiếp cận của chủ thể đến đối tượng, ta có thể hiểu đó là quy trình thực hiện một công việc, ta cũng có thể hiểu đó là các thao tác cụ thể khi tiến hành một công việc [39, tr. 38].

Lý luận về phương pháp dạy học hiện nay có rất nhiều nhà nghiên cứu giáo dục đưa ra các khái niệm, định nghĩa khác nhau, tuy nhiên dù nhìn nhận PPDH như “một con đường” [19, tr. 25], hay xem PPDH như một “cách thức” khi người giáo viên kết hợp nhiều thành tố như kỹ thuật dạy học, tâm lý học giáo dục, xã hội học giáo dục trên một định hướng, mục tiêu, đối tượng, môi trường cụ thể. PPDH còn là một sự nhất quán giữa hoạt động dạy và hoạt động học; sự tương tác hiệu quả giữa học sinh và GV; giữa học sinh và học sinh; giữa lớp học và nhà trường, xã hội; sự đảm bảo giữa mục tiêu dạy học và điều kiện vật chất cơ bản... Học viên cho rằng PPDH còn là một nghệ thuật dạy học biểu hiện năng lực rõ nhất của một người giáo viên thông qua kết quả hoạt động dạy học được người học và xã hội ghi nhận trong một không gian và thời gian nhất định.

Như vậy có thể xem PPDH là một yếu tố trung tâm trong hoạt động giáo dục, nhờ PPDH ngày một hiện đại, sự không ngừng đổi mới PPDH được xem lý giải do phát triển dân trí, dân sinh, khoa học, công nghệ và quốc tế hóa mạnh mẽ ngày nay là một tất yếu.

Theo thực tiễn hoạt động của GV và SV, hoạt động của SV và GV trong một phổ quát, môi trường định hướng của giáo dục nhằm hướng đến một số mục tiêu cụ thể. Từ đó hình thành những đặc điểm của PPDH. Có thể nêu một số đặc điểm như sau:

- Định hướng thực hiện mục tiêu dạy học;
- Sự thống nhất của PP dạy và PP học;
- Thực hiện thống nhất chức năng đào tạo và giáo dục;
- Sự thống nhất của logic nội dung DH và logic tâm lý nhận thức;
- Mặt bên ngoài và bên trong của quá trình giáo dục;
- Mặt khách quan và mặt chủ quan của dạy học;
- Sự thống nhất của cách thức hành động và phương tiện DH.

*Hiểu theo nghĩa hẹp*, PPDH là các PPDH cụ thể, các mô hình hành động cụ thể trong mỗi nhóm bài học nhất định. PPDH về mặt lý luận có thể là chung nhất có thể áp dụng vào nhiều môn học, cấp học. Tuy nhiên, có 2 vấn đề cần chú ý là:

+ Mỗi cấp học khi vận dụng lý thuyết PPDH sẽ có những điều chỉnh khác nhau cho phù hợp các yếu tố sau:

Một là: Tâm lý học giáo dục phù hợp theo lứa tuổi, ví dụ PPDH ở bậc đại học sẽ rất khác so với bậc Giáo dục phổ thông hay Giáo dục tiểu học.

Hai là: Môi trường dạy học, văn hóa môi cảnh xã hội... cũng là yếu tố tham chiếu điều chỉnh PPDH cho phù hợp.

+ Lý thuyết PPDH chỉ là một khung mẫu tổng quát, khi áp dụng ở mỗi môn hay thì cần tinh chỉnh, chọn lọc các yếu tố nhấn đậm phù hợp hay không cho hiệu quả.

*Vấn đề điều kiện trong thực hiện PPDH trong bối cảnh đổi mới giáo dục ngày nay:*

PPDH chỉ thành công khi các điều kiện đảm bảo dạy học đủ điều kiện căn bản. Đó là các vấn đề:

- Tính thống nhất trong môi trường quản trị giáo dục tại cơ sở.
- Tính vừa mức, phù hợp của môi trường giáo dục (kỷ cương, minh bạch, cơ sở vật chất kỹ thuật, khát vọng đổi mới).
- Chất lượng đội ngũ GV đảm bảo theo quy định của môn học, bậc học.

**\* Phương pháp dạy học tích cực**

"Phương pháp dạy học tích cực là phương pháp dạy học mà ở đó người dạy chính là người đưa ra những gợi mở cho một vấn đề và cùng người học bàn luận để tìm ra mấu chốt của vấn đề cũng như những vấn đề liên quan" [6, tr.8]. Ở phương pháp dạy học tích cực thì người dạy là người dẫn dắt và gợi mở vấn đề và người học sẽ là người chủ động tìm tòi, sáng tạo. Phương pháp dạy học tích cực chính là kích thích tư duy, kích thích lòng ham hiểu biết, sự chủ động và kích thích trí sáng tạo của người học.

Thuật ngữ “Phương pháp dạy và học tích cực” được dùng để chỉ những PPDH nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Nó không phải là một phương pháp dạy học cụ thể, mà là một khái niệm bao gồm nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật cụ thể khác nhau nhằm tích cực hóa, tăng cường sự tham gia của người học, tạo điều kiện cho người học phát triển tối đa khả năng học tập, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề [33, tr.34].

“Một số phương pháp cụ thể theo hướng dạy và học tích cực là: Dạy học lấy học sinh làm trung tâm, Dạy học hợp tác (Dạy học theo nhóm), Dạy học tích hợp, dạy học nêu và giải quyết vấn đề.” [33, tr.35].

Dạy học tích cực thực chất là dạy học hướng vào người học, lấy người học làm trung tâm, chủ thể sáng tạo, với mong muốn giúp người học tự giác, chủ động “tự ý thức tích cực về mình”, từ đó họ tự tin hơn, khát vọng, và quyết tâm hơn. Dạy học tích cực là sự phát huy đa dạng, đồng bộ nhiều yếu tố chủ quan và khách quan giúp cho người học có nguồn lực cáo

nhất phát huy trí hiệu quả trong mỗi bài học. Dạy học tích cực còn cho thấy tính khách quan hơn của vai trò GV, vai trò “cố vấn” hơn là “làm thay”, mục tiêu “thiết kế cách thức học” hơn là cung cấp kiến thức một cách thụ động của GV cho HS như cách dạy truyền thống...

Khi những năng lực tiềm tàng của người học được phát huy hiệu quả và liên tục, nghĩa là PPDH mới đã có hiệu quả; thay vì PPDH thụ động mang tính truyền thống người học chỉ quan tâm vượt qua các mốc định sẵn một cách hình thức (con điểm, bài thi, chu kỳ) thì nay người học sẽ chủ động, trải nghiệm, tự đánh giá mình, khắc ghi bền vững kiến thức, tự chủ động lựa chọn hình thức tiếp cận bài học một cách sáng tạo, hiệu quả nhất...

Việc coi trọng yếu tố người học, mong muốn người học phát huy chủ động trong không gian mở của môi trường giáo dục có chủ đích, để có thể giải phóng năng lượng cho tư duy sáng tạo một cách cao nhất, đáp ứng mục tiêu ở mỗi bài học đó là trọng tâm của PPDH tích cực.

Người giáo viên chủ động áp dụng phương pháp dạy học tích cực có ý nghĩa cách mạng trong nhận thức và hành động trong toàn bộ quá trình tổ chức thiết kế và tương tác với người học một cách toàn diện. Nói cách khác là người giáo viên phải hoàn toàn lĩnh hội sự đổi mới trong PPDH hiện đại, trong đó PPDH truyền thống (GV là trung tâm nay chuyển sang SV là trung tâm; Hình thức cầm tay chỉ việc, đọc, chép thay bằng gợi mở, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo ở người học; khắc ghi theo mẫu thay bằng khám phá tìm mới...).

Người giáo viên muốn thực hiện hiệu quả PPDH tích cực, bắt buộc phải tự nâng cao phẩm chất, năng lực nghề nghiệp, hiểu biết sâu sắc mục tiêu dạy học tích cực; GV phải luôn luôn kết nối SV và thấu hiểu năng lực, nguyện vọng, mong muốn học tập của HS; thiết kế được chương trình, bài giảng phù hợp dạy học tích cực; Luôn quan tâm đến việc bổ sung tư liệu, học liệu, kiến thức mới thay vì lệ thuộc khuôn mẫu định dạng cũ ở mỗi bài, mỗi SGK cũ...



### 1.1.2.3. Một số phương pháp khác dùng trong dạy học mỹ thuật

Trong luận văn này học viên chú trọng sự tích hợp một số PPDH cụ thể trong môn MT ở bậc đại học theo hướng tích hợp các thành tố trong các PPDH cụ thể sau:

- **Phương pháp dạy học quan sát, so sánh:** Hiểu một cách chung nhất quan sát là nhìn – ngắm đối tượng. Hay nói cách khác, phương pháp quan sát là giáo viên tổ chức cho người học quan sát đối tượng theo mục đích nhất định, rõ ràng và thường được có mẫu hình cụ thể. Ví dụ quan sát phong cảnh góc phố hiện thực vào một thời điểm thực tại. Quan sát bức tranh “Xe bò trong phố cổ Hà Nội” của Bùi Xuân Phái ở phòng triển lãm hay tranh đó được đăng trên các trang mạng.

PPDH quan sát, so sánh là một vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng đối với mỗi bậc học ở phổ thông, từ một tri giác cảm tính ban đầu một cách chủ động, tác động tích cực đến tri giác và hình thành nhận thức với nhiều khung bậc.

Trong dạy học MT, quan sát cần có thời gian nhìn kỹ, nhận xét và ghi nhớ đối tượng để thực hiện nhiệm vụ bài tập và không phải sự quan sát thoáng qua hay bất chợt, nó cần phải có thời gian, do vậy, phương pháp quan sát được sử dụng nhiều trong dạy học và trở thành thuật ngữ chuyên môn đối với môn học mỹ thuật.

Người học MT đôi khi muốn nêu được sự khác biệt (màu, hình, cảm xúc...;) của một đối tượng A, bắt buộc so sánh, tương tác nó với đối tượng B cận kề, màu B, hình C chỉ có thể có sắc tính khi nó đặt cạnh màu B, hình C...

- **Phương pháp dạy học trực quan:** Là phương pháp hướng tới khai thác giá trị của sự nhìn, tri nhận đối tượng một cách trực tiếp; đối với dạy học trực quan yếu tố kỹ thuật, mô hình cụ thể có ý nghĩa tiên quyết.

Sử dụng phương pháp trực quan giúp người học huy động sự tham gia của nhiều giác quan vào quá trình nhận thức, đồng thời kích thích phát triển

năng lực chú ý, năng lực quan sát nhận xét, khả năng tư duy phân tích của người học. Đồng thời trực quan trong dạy MT giúp người học dễ hình dung, tạo quá trình học hấp dẫn cụ thể lôi cuốn và phong phú hơn trong bài học.

Tóm lại PPDH trực quan trong MT có thể xem là một PPDH cốt lõi, bao chứa, liên đới với tất cả các PPDH khác. Mĩ thuật là một môn học thâu thị và đây là một vấn đề cốt lõi, PPDH trực quan trở thành PPDH truyền thống nhưng trong bối cảnh công nghệ 4.0 ngày nay thì PPDH trực quan trong môn MT lại trở nên quan trọng hơn bởi công nghệ 4.0 mở ra những không gian thâu thị mới giúp cho tư duy tạo hình có những giá trị phổ quát hơn.

- ***Phương pháp luyện tập thực hành:*** Nội dung các bài học trong dạy MT chủ yếu có gắn với thực hành; thực hành là một phương thức cơ sở cho việc hình thành kỹ năng chuyên sâu. Trong nhiều lĩnh vực người ta thấy sự kết nối kỹ năng chuyên sâu với những hình thái năng lực đặc biệt ở mỗi người, đôi khi có thể đó là một tố chất năng khiếu, thực hành chuyên cần (trong nghệ thuật).

Trong môn MT điều kiện thực hành sáng tạo sản phẩm hay thực hành nghiên cứu đều phải có công tác chuẩn bị cần đủ: Nhận thức thẩm mỹ (biết được cái đẹp của đối tượng, ý tưởng sáng tạo, hình thức và vật liệu, kỹ thuật cho thực hành sáng tạo).

Mỗi lần thực hành là người học được bộc lộ khả năng tư duy của dựa trên quan sát nhận xét. Thông qua sản phẩm thực hành thì giáo viên sẽ đánh giá năng lực thẩm mỹ, năng lực cá nhân và năng lực tự chịu trách nhiệm trước sản phẩm của mình.

- ***Phương pháp gợi mở tư duy hình tượng:***

Học viên cho rằng trong PPDH mĩ thuật theo hướng tích cực ngày nay xem trọng *phương pháp gợi mở bằng hình tượng*, và cho rằng đây là vấn đề rất quan trọng trong dạy học mĩ thuật hiện đại, đặc biệt trong môi

trường giáo dục MT mầm non ở một trường đại học. Tư duy hình tượng có thể xem là cột trụ của nhận thức mỹ thuật, người GV cần đủ năng lực về kiến thức và năng lực sư phạm để gợi mở dẫn dắt sinh viên hướng đến sáng tạo hình tượng MT. Thuật ngữ hình tượng mỹ thuật kinh điển là: “Theo *Journal First published Sat May 7, 2005* thì cuốn sách *Languages of Art* của của Nelson Goodman (xuất bản lần đầu năm 1968, cùng với Ernst Gombrich's *Art and Illusion* (1960) và Richard Wollheim's *Art and Its Objects* (1968), đại diện cho một bước ngoặt cơ bản trong cách tiếp cận phân tích đối với các vấn đề triết học nghệ thuật ở Anh-Mỹ. Lý thuyết về mỹ thuật được Nelson Goodman đề cập “Nghệ thuật là tập hợp có ý thức một hệ thống ký tự có chủ đích, được nghệ sỹ trình diễn theo cấp độ ký tự được dạng phức thể ký tự gợi liên tưởng cho người ta về một giá trị thẩm mỹ trọn vẹn, liên tưởng đến một tinh thần cốt lõi, niềm tin xã hội riêng biệt” [49, tr. 466-481].

Đối với dạy học MT, vấn đề tư duy hình ảnh, hình tượng, biểu tượng là những cấp độ khác nhau mà người GV phải nhận thức và có chiến lược trong thao tác dạy học. Công nghệ kỹ thuật số ngày nay có thể cho phép GV thiết kế sưu tập hệ thống tư liệu, hình ảnh, hình tượng nghệ thuật theo các xu hướng, thể loại rất phong phú, giúp gợi mở tư duy hình tượng cho người học một cách hiệu quả nhất.

Mỗi một loại hình MT thường gắn liền với một vài loại chất liệu, kỹ thuật cũng như đặc điểm trong xây dựng hình tượng.

### ***1.1.3. Khái niệm mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật***

#### ***1.1.3.1. Mỹ thuật***

“Mỹ thuật là ngành nghệ thuật phản ánh cái đẹp bằng màu sắc, đường nét, hình khối.” [7, tr.7].

Theo quan điểm của học viên, mỹ thuật là cái đẹp về nghệ thuật có thể do thiên nhiên hay con người tạo nên và có thể cảm nhận bằng thị giác thông qua cách thể hiện của ngôn ngữ đường nét, hình khối hay màu sắc.

Mĩ thuật là một loại hình nghệ thuật tạo nên các sản phẩm trên mặt phẳng (tranh...) bằng đường nét, hình mảng, màu sắc, đậm nhạt; trong không gian (tượng...) bằng hình khối, sáng tối, đậm nhạt. Mĩ thuật sử dụng nhiều chất liệu khác nhau như: Giấy, chì, các loại màu, vải sợi, (hội họa, trang trí); đất, thạch cao, đá, gang, đồng, xi măng... (điều khắc), cao su, đồng, nhôm... (Tranh khắc, tranh gò). Có thể nói tắt: Mĩ thuật là nghệ thuật của mặt phẳng, của không gian [31, tr.45].

#### *1.1.3.2. Phương pháp dạy học mỹ thuật:*

"Phương pháp dạy học Mĩ thuật là cách thức hoạt động của người dạy (GV) trong việc chỉ đạo, tổ chức các hoạt động học tập, nhằm giúp người học (HS) chủ động đạt được mục tiêu dạy học" [31, tr.43].

Mĩ thuật là bộ môn sáng tạo đặc thù chính vì vậy “dạy - học mỹ thuật là dạy học sinh suy nghĩ và quan trọng nhất là dạy học sinh sáng tạo - tạo ra sản phẩm đẹp bằng nhiều hình thức thể hiện khác nhau từ ý tưởng, bố cục, hình tượng, màu sắc.” [25, tr.44].

Mĩ thuật là một trong những môn học chuyên ngành của chương trình đào tạo GVMN tại khoa GDMN, trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa. Do đó, giáo viên dạy môn học này cần phải có kiến thức chung về phương pháp dạy học nói chung và những phương pháp đặc thù dạy bộ môn MT nói riêng.

Là môn học nghệ thuật do đó PPDH cần phải chú đến 2 thành tố song song là: Tính kỹ thuật trong PPDH tích cực và tính đặc thù môn học (hiểu biết cảm thụ và kỹ năng thực hành mỹ thuật) phải sát với các yếu tố tâm lý lứa tuổi và môi trường cụ thể.

Tuy nhiên, bối cảnh thực hiện đề tài nghiên cứu của học viên là áp dụng ở chương trình đào tạo GVMN tại một trường Đại học. Sinh viên ở ngành GDMN phải học bộ môn nghệ thuật với nhóm môn được cấu thành

3 yếu tố: Mĩ thuật, Âm nhạc và Múa. Thách thức ở đây là phải tìm ra một “Con đường” dạy học MT có thể phù hợp cho nhóm SV có năng khiếu tạo hình hạn chế hơn nhóm khác. Thực tế rất ít SV có thể học tốt được cả môn Âm nhạc, Mĩ thuật và Múa. Do vậy PPDH tích cực ở môn mĩ thuật của học viên trong luận văn này còn bao gồm tìm ra cách thức để nhóm SV trên có thể tiếp cận môn học một cách phù hợp và hiệu quả nhất.

Ngoài ra, môn MT cũng là môn học đòi hỏi sáng tạo, thậm chí luôn phải sáng tạo từ cái thực, cái có thật tạo nên các hình tượng trong tác phẩm là tranh “Tranh vẽ phải vừa thực vừa hư. Thực quá là mị đời. Hư quá là dối đời. Tranh phải lưng chừng giữa thực và hư” [39, tr. 45].

Như vậy có thể nói việc dạy học MT là cách thức gợi mở, khuyến khích, giúp người học có thể sáng tạo, đó là một quá trình thực nghiệm sáng tạo. Việc dạy học cho sinh viên mầm non có thể không như sinh viên chuyên ngành MT. Bởi vì cái sáng tạo ở sinh viên chuyên ngành MT trọng tâm là thực hành tạo ra tác phẩm, còn ở SV ngành mầm non thì trọng tâm là giúp SV cảm thụ nghệ thuật, bổ sung kiến thức mĩ thuật và trải nghiệm thực hành sáng tác, như ở mức độ căn bản nhất.

Mĩ thuật là môn học trực quan, nên việc phát huy thiết kế PPDH gắn với hệ thống đồ dùng, mô hình dạy học (mẫu vẽ, hình vẽ, tranh, ảnh...), đặc biệt khi đồ dùng dạy học được phát huy mạnh mẽ nhờ kỹ thuật, thiết bị dạy học công nghệ số hiện đại.

Có thể nói đối với môn MT thì công nghệ số hóa tư liệu, hình ảnh nếu được thiết kế theo mục tiêu bài học, có hệ thống, khoa học thì sẽ khắc phục rất nhiều cho việc thị phạm mẫu theo lối truyền thống, nhưng tính hiệu quả vẫn được đảm bảo. Đây cũng là một hướng đi lựa chọn tích cực trong PPDH đối với MT ở chương trình đào tạo GVMN tại Đại học Hồng Đức mà luận văn hướng tới.

Do dạy học MT là môn học gắn kết với đặc thù tư duy hình ảnh do vậy nên trong những nhóm phương pháp mang tính phổ biến hiện nay như:

phương pháp đóng vai, thảo luận, nghiên cứu trường hợp điển hình, xử lí tình huống, trò chơi... thì người GV phải căn cứ vào đặc thù của mục tiêu từng bài học, điều kiện kỹ thuật, tâm lý người học để lựa chọn PPDH cụ thể nào là trọng tâm, PPDH nào là kết hợp, từ đó thiết kế và tổ chức dạy học hiệu quả nhất.

Lý luận PPDH chỉ ra một số PPDH cụ thể, tuy nhiên khi vận dụng vào dạy mỹ thuật trong chương trình đào tạo mầm non nên học viên chia PPDH tích cực làm 2 nhóm: nhóm PPDH mỹ thuật ở bậc đại học và nhóm PPDH ở khối Giáo dục Phổ thông.

#### **1.1.4. Khái niệm tạo hình**

“Tạo hình là từ dùng để chỉ các loại hình nghệ thuật tạo nên những hình tượng mang tính tạo hình trực tiếp bằng hệ thống ngôn ngữ tạo hình. Tác phẩm tạo hình mang tác động trực tiếp vào thị giác của người thưởng thức bằng hình khối, màu sắc, bố cục” [45, tr. 23].

Nói đến tạo hình là phạm vi rộng, liên quan tới nhiều loại hình nghệ thuật, “tạo” có thể hiểu là tự tạo hoặc sáng tạo, “hình” cũng có thể hiểu như là hình ảnh, hình tượng.

Có thể kể thấy yếu tố “*tạo hình*” ở các loại hình nghệ thuật như sân khấu, điện ảnh, âm nhạc, thơ ca là rất khác nhau bởi mỗi loại hình nghệ thuật mang theo những đặc điểm ngôn ngữ, tính chất cảm thụ nghệ thuật khác nhau.

Nghệ thuật sân khấu, điện ảnh: biểu hiện *tính tạo hình* là một phức hợp gồm diễn viên hành động thực, nền cảnh sân khấu, âm thanh... tái hiện theo thời gian mang tính không cố định...

Trong khi đó *tính tạo hình* trong văn học, thơ ca là hình tượng ẩn chứa trong ngôn từ và thang âm trong cảm thụ của người đọc...

Tuy nhiên đặc điểm rất khác biệt trong mỹ thuật chính là *hình thức thị giác cố định*. Hình thức thị giác cố định có nghĩa là khác với hình thức tạo hình không cố định trong sân khấu, phim ảnh... Hình thức thị giác cố định

của mỹ thuật thông qua các ngôn ngữ chuyên ngành như: Hình, khối, màu sắc, chất cảm... của các thể loại mỹ thuật như: Điêu khắc, hội họa, đồ họa...

Thông qua các loại hình nghệ thuật nói chung và tạo hình nói riêng mỗi thể loại đem đến cho chúng ta, cá thể thưởng thức cái đẹp những cảm xúc và các cung bậc tình cảm đa dạng về cuộc sống. Nghệ thuật tạo hình là loại hình nghệ thuật tác động đến tư duy thẩm mỹ của con người nhất, ngay từ những cấp học đầu tiên đã được chú trọng phát triển nuôi dưỡng và bồi dưỡng cho thế hệ măng non này. Từng ngày là sự thấm nhuần cả về kỹ năng lẫn cảm xúc thông qua các giác quan mà tác động trực tiếp hay gián tiếp đến chúng ta mà thôi.

**\* *Nghệ thuật tạo hình***

Nghệ thuật tạo hình (hội họa, đồ họa, điêu khắc...) là loại hình nghệ thuật mà người nghệ sĩ thể hiện tác phẩm của mình bằng ngôn ngữ tạo hình, thể loại, chất liệu để diễn tả hình tượng con người, sự vật, cảnh vật ở hiện thực khách quan. Nghệ thuật tạo hình đề cao cảm xúc chủ quan thông qua cách cảm, cách nhìn, cách hiểu và cách biểu đạt tác phẩm [46, tr. 15].

Căn cứ kết quả của khảo cổ học cho thấy những hình vẽ của con người cổ đại trên hang Altamira (Tây Ban Nha) và hang Chauvet và Lascaux (Pháp) hang Acacus (Sahara-Libia) trước CN thì có thể nhận định nghệ thuật tạo hình là hình thức nghệ thuật có sớm nhất của con người.

Hình thái tương tác thị giác là một đặc tính căn bản của nghệ thuật tạo hình; sự biểu đạt qua ngôn ngữ hình, nét, màu sắc, không gian, chất cảm là thuộc tính riêng biệt.

Bằng sự liên tưởng khi cảm nhận các giá trị biểu hiện của nghệ thuật tạo hình sẽ kích thích cảm hứng đến người xem. Thông qua phép thấu thị truyền thống, con người quen với cái thường hằng quanh họ, họ muốn ghi nhận lại cái mà họ thích thú thông qua ngữ tạo hình. Cách làm đó trở nên khả dĩ bởi một số người, ở thời đại cổ xưa xem như một phép thuật biểu

hiện chỉ có ở một số người có năng lực khác thường, gọi là một nghề của mỹ thuật. Về sau việc *tạo hình* không chỉ phục cho một tín ngưỡng, nó còn là những say mê cái đẹp được con người muốn lưu giữ, tô điểm cho cuộc sống trong mỗi cộng đồng.

Lịch sử phát triển của nghệ thuật tạo hình gắn với lịch sử xã hội, nghệ thuật tạo hình khi còn ở thời kỳ trung cận đại chưa phân ngành sâu thì kiến trúc, hội họa, điêu khắc là 3 cột trụ chính. Nghệ thuật kiến trúc và kỹ thuật xây dựng thường là bình diện khác nhau về tính thẩm mỹ và tính công năng đối với một căn nhà. Ngày nay mỹ thuật được phân hóa ra nhiều chuyên ngành khác nhau. Các ngành mỹ thuật tạo hình (gồm các chuyên ngành như: điêu khắc, hội họa, đồ họa), các ngành mỹ thuật ứng dụng (gồm các chuyên ngành như: Thiết kế nội thất, thiết thời trang, Thiết kế đồ họa; thiết kế tạo dáng công nghiệp).

## **1.2. Khái quát chung về cuộc đời và sự nghiệp của họa sĩ Bùi Xuân Phái**

### ***1.2.1. Vài nét về cuộc đời của họa sĩ Bùi Xuân Phái***

Họa sĩ Bùi Xuân Phái (1920 - 1988) sinh ra ở một làng nghề truyền thống nổi tiếng với tranh khắc gỗ dân gian Kim Hoàng, Hà Nội. Học viên cho rằng những những dấu ấn của mỹ thuật dân gian chốn làng nghề này có những ảnh hưởng nhất định đến đặc điểm của nghệ thuật Bùi Xuân Phái. Ông theo học tại trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, khóa 1941-1945; Các họa sĩ tiêu biểu cùng thời kỳ này còn có họa sĩ Nguyễn Sáng, họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm, họa sĩ Dương Bích Liên...

Ông từng làm giảng viên tại trường Cao đẳng Mỹ thuật ở Hà Nội, sống và sáng tạo đến cuối đời ở số nhà 87 Phố Thuốc Bắc, thành phố Hà Nội.

Hà Nội trong tâm hồn Bùi Xuân Phái là một Hà Nội trầm tích văn hóa ngàn năm, Hà Nội của những con phố cổ xiêu xiêu, mái nhà rêu phong, con đường phố nhỏ hẻm vắng, những ô cửa le lói ánh đèn trên gác, hàng cột điện cô đơn góc phố, chiếc xe bò thủng thẳng cuối đường, những bóng người điếm xuyết trong hè phố cổ... Từ những góc quan sát khác nhau, từ



những không gian khác nhau, thời gian khác nhau được nghệ thuật của Bùi Xuân Phái tái hiện với những phát hiện khác lạ, tái hiện, gợi cảm, hướng định tâm hoài niệm đến người xem; định dạng tinh thần Hà Nội cổ xưa còn tiềm ẩn trong những hình nét, mảng màu trầm tĩnh, một vẻ đẹp vĩnh hằng của thời gian còn dấu vết vẫn vương ở những năm 1950-1980.

Đương thời ông chỉ có cơ hội tổ chức triển lãm một lần vào năm 1984, tuy nhiên từ sau những năm 1990 khi nghệ thuật của ông được đông đảo người dân biết đến, được Nhà nước vinh danh, hội mỹ thuật Việt Nam và các nhóm tư nhân bảo trợ đã tổ chức quảng bá, trưng bày tranh của ông rất rộng rãi cho công chúng trong nước và quốc tế.

Nhiều địa phương trong nước đã lấy tên ông đặt cho một số con phố như (phố Bùi Phái ở khu đô thị mới Mỹ Đình thuộc quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, phố Bùi Xuân Phái ở phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình; phố Bùi Xuân Phái ở quận Hải Châu của thành phố Đà Nẵng)... Đó cũng là cách tôn vinh một con người tài hoa và nghệ thuật giàu tính nhân văn của ông.

Nhà nước, Hội mỹ thuật Việt Nam đã trao tặng nhiều giải thưởng cho ông như: Giải thưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực Văn học – Nghệ thuật năm 1996; giải thưởng về triển lãm mỹ thuật cá nhân toàn quốc năm 1946 và 1980. Giải thưởng mỹ thuật Thủ đô Hà Nội năm 1969, 1981, 1983 và năm 1984, huy chương vì sự nghiệp mỹ thuật Việt Nam năm 1997; một số tổ chức văn hóa nghệ thuật nước ngoài trao giải thưởng cho ông như: Giải thưởng Leipzig tại Đức.

### ***1.2.2. Khái quát về sự nghiệp sáng tác của họa sĩ Bùi Xuân Phái***

Nghệ thuật của Bùi Xuân Phái theo học viên chia thành 3 nhóm: Tranh vẽ về phố cổ Hà Nội, thường được vẽ nhiều ở những năm 1954-1960. Tranh chân dung vẽ nhiều ở những năm 1960-1968. Tranh phong cảnh vùng khác Hà Nội, tranh vẽ sinh hoạt, lễ hội, minh họa... thường vẽ giai đoạn 1960-1980. Dù Bùi Xuân Phái vẽ tranh bằng chất liệu sơn dầu

hay màu nước, bút sắt thì phong cách vẽ của ông cũng rất dễ nhận ra bởi Bùi Xuân Phái có cái riêng của màu sắc, cái riêng của hình nét, cái riêng về biểu cảm trong tranh ông.

Quan điểm nghệ thuật của Bùi Xuân Phái xin trích từ nhật ký của ông viết như sau “Phải năng suy nghĩ đến nghệ thuật xem sách, xem tranh (nếu có), tất cả các họa sỹ bậc thầy, để nâng cao tầm mắt, biết được cái thấp, cái cao, vàng son không lẫn lộn” [PL.8; H.1.14; tr.113]. Điều đó cho thấy ông luôn luôn khám phá cái mới không chỉ “cách nhìn riêng” khai thác đối tượng để tạo ra một bố cục khác biệt dù vẽ một góc phố nhiều lần, hay một hòa sắc, mảng màu, nét vẽ luôn luôn thay đổi. Tuy nhiên dù Bùi Xuân Phái muốn luôn thay đổi (luôn học tập) như ông tự bạch thì tranh ông vẫn có một tinh thần, sắc thái rất riêng, dễ nhận biết đó là “*Phong cách Bùi Xuân Phái*” hay “*Phái Phố*”.

+ *Nhóm tranh phố cổ Hà Nội:*

Học viên cho rằng “Vẽ đẹp của Hà Nội những năm 1950-1980 đã gợi mở, khuyến tạo, thức dậy những cảm xúc, tài năng ở Họa sỹ Bùi Xuân Phái, đó là nguồn liệu giúp ông tạo nên những giá trị đặc biệt trong tranh; Tuy nhiên nói một cách khác có thể chính tài năng nghệ thuật của Bùi Xuân Phái đã tái tạo nên một sắc thái, một giá trị “*mang tính biểu tượng thẩm mỹ của Hà Nội cổ kính*” đây là một phạm trù, mang tính tương tác rất sâu xa có căn nguyên từ thực tiễn và nghệ thuật rõ rệt nhất.

Nhóm tranh Phố cổ Hà Nội có thể là một thương hiệu của nghệ thuật Bùi Xuân Phái, nhiều tranh có góc nhìn khác lạ, mảng màu vẽ thanh thoát, tượng như rất hồn nhiên, vẽ một lần là được hiệu quả ngay, rất gần gũi với lối tư duy của trẻ mầm non vốn rất trong sáng và hồn nhiên.

Những bức tranh phong cảnh của ông khiến người xem như hoà mình vào cùng với mọi sự vật, con người được biểu hiện trên tranh, ông không chỉ vẽ những bức tranh phong cảnh đơn thuần mà còn diễn tả cả tâm

trạng đan xen vào từng mảng màu, bút pháp trên tranh. Những tác phẩm thời kỳ Nâu giai đoạn 1960 – 1970 như Hà Nội kháng chiến, Phố cổ Hà Nội... được phác họa một cách rõ nét, một chút buồn man mác như đang tiếc nuối điều gì đó, những mảng màu nâu trầm, vệt bút xám thẫm, mái nhà thâm nâu dưới bầu trời ngả xám tạo không gian trầm lắng. Đây là thời kỳ đã tạo ra cái chất riêng của Bùi Xuân Phái khi ông lồng ghép tâm trạng, nội tâm chất chứa điều gì đó ảm ức về bản thân trước thế sự nhân gian.

Tranh phong cảnh của Bùi Xuân Phái nhẹ nhàng, êm đềm, bình yên với những cảnh phố phường, những cảnh đẹp dung dị đời thường. Bùi Xuân Phái luôn quan tâm đến việc diễn tả, thể hiện lại những thời điểm thực tại của tự nhiên và lựa chọn được sự độc đáo trong phối cảnh, cắt cảnh, sử dụng màu sắc. Tranh phong cảnh, tranh sinh hoạt của họa sĩ Bùi Xuân Phái có nhiều yếu tố có thể vận dụng vào dạy học mầm non, đặc biệt cách phối màu thường gần màu gỗ, tươi sáng, mảng diện tối giản dị, tính biểu cảm cao. Tuy nhiên GV phải chọn lọc một số tranh phố cổ Hà Nội có gam tươi sáng phù hợp cho đối tượng là trẻ mầm non.

+ *Nhóm tranh chân dung*: Học viên cho rằng Bùi Xuân Phái vẽ chân dung cũng mang theo một phong cách riêng, chân dung Bùi Xuân Phái cũng có một sắc như tranh Phố cổ Hà Nội của ông. Đó là cách biểu hiện hình nét tối giản, lưu loát đến mức rất tự nhiên, màu sắc kiềm ước và ưa dùng màu gốc, tương phản mạnh, cá tính bộc lộ mạnh mẽ như tranh *Chân dung tự họa (1985)*, sơn dầu [PL.8; H.1.1; tr.106]; *Chân dung thiếu nữ (1986)*, sơn dầu [PL.8; H.1.2; tr. 106]; *Chân dung thiếu nữ 3 (1965)*, sơn dầu [PL.8; H.1.3; tr.107]; *tranh Họa sĩ (1967)*; sơn dầu [PL.8; H.1.4; tr.107].

+ *Tranh sinh hoạt, lao động*:

Có thể nhận định trong thể loại tranh tranh sinh hoạt, lao động của Bùi Xuân Phái thì nhóm tranh vẽ nude (khỏa thân) mang hình thức nghệ

thuật biểu hiện, theo phong cách vẽ của Pierre Auguste Renoir, Edouard Manet, Amedeo Modigliani... Màu sắc trong tranh khỏa thân của ông là những mảng hòa sắc (harmonis) tươi, tính tương phản màu nóng - lạnh kiểu phong cách hậu ấn tượng và biểu hiện phương Tây. Tuy nhiên luận văn này học viên không nghiên cứu sâu vì không phù hợp chương trình giáo GDMN.

Một số tranh sinh hoạt lao động của Bùi Xuân Phái thường vẽ vào những năm 1970 - 1980 có phối màu sáng, mảng, miếng tối giản, nét màu vẽ hoạt tựa như lối họa phóng bút. Nhóm tranh này rất gần gũi với lối cảm thị thẩm mỹ hồn nhiên của SV mầm non. Tiêu biểu như tranh *Hồ Gwom (1968)*, sơn dầu [PL.8; H.1.6; tr. 108]; *Phố vùng cao (1968)*, sơn dầu [PL.8; H.1.7; tr. 108]; *tranh Trung thu (1982)* màu nước, vẽ theo hình thức đồ họa [PL.8; H.1.8; tr.109], *tranh Trước giờ biểu diễn (1976)*; sơn dầu [PL.8; H. 1.11; Tr. 112], *tranh Vợ chồng nhà chèo (1986)*, sơn dầu [PL.8; H.1.12; tr. 112].

### **1.3. Một số vấn đề cơ bản của mục tiêu chương trình dạy học mỹ thuật 2018 theo định hướng phát triển năng lực học sinh**

Chương trình giáo dục mới dạy học mỹ thuật 2018 theo định hướng phát triển năng lực học sinh là đảm bảo phát triển những phẩm chất, năng lực của học sinh, nội dung giáo dục những kiến thức thiết thực, cơ bản và hài hòa để các em học sinh phát triển toàn diện cả về trí, đức, thể, mỹ, luôn chú trọng thực hành và vận dụng kiến thức để giải quyết những vấn đề trong đời sống và trong học tập, tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hóa dần lên các lớp học cao hơn, nhằm hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi.

Từ tháng 12 năm 2018 Bộ giáo dục và Đào tạo đã chính thức ban hành Chương trình giáo dục Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực và áp dụng cho các cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông.

Chương trình giáo dục mỹ thuật giúp học sinh làm chủ kiến thức, biết vận dụng kiến thức vào đời sống nhằm nâng cao kỹ năng, kỹ năng sống thực tế, hình thành và phát triển năng lực mỹ thuật dựa trên những kiến thức và kỹ năng mỹ thuật, biết áp dụng các kiến thức mỹ thuật với thực tế đời sống xã hội và các loại hình nghệ thuật khác, có ý thức trân trọng những di sản văn hóa, có kiến thức và cảm thụ nghệ thuật, hiểu được những ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác, có khả năng định hướng được nghề nghiệp cho bản thân nhằm phát triển và nâng cao khả năng sáng tạo cho người học, có những trải nghiệm thực tế, khám phá mỹ thuật thông qua nhiều các hình thức hoạt động khác nhau góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất như: Lòng yêu nước, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, tinh thần tương thân tương ái, chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm, phát triển các năng lực tự chủ trong quá trình học tập, phát triển các mối quan hệ giao tiếp xã hội, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và năng lực sáng tạo.

Chương trình GDPT mới nhằm giáo dục mỹ thuật cho học sinh được xây dựng nhằm nâng cao năng lực cho học sinh chính vì vậy phải nắm vững các quy trình mỹ thuật theo phương pháp mới, không chỉ truyền tải kiến thức cơ bản, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tạo hình mà thông qua trải nghiệm phải nâng cao năng lực thẩm mỹ, giúp các em học sinh có thái độ, cảm xúc trước cái đẹp, nhận biết và ứng dụng cái đẹp vào cuộc sống.

Có nhiều những phương pháp dạy học tích cực điển hình như: Phương pháp dạy học theo dự án; phương pháp dạy học tích cực theo nhóm; phương pháp trò chơi; phương pháp tự giải quyết vấn đề; phương pháp nghiên cứu điển hình; phương pháp dạy học theo góc; phương pháp đóng vai. Phụ thuộc vào đặc thù của từng bài học, từng chủ đề mà GV sẽ linh động sử dụng những phương pháp khác nhau cho phù hợp với từng đối tượng HS, từng bài học cụ thể để có thể phát huy được hết năng lực của HS.

Giáo viên Mĩ thuật sử dụng các phương pháp dạy học mới để khuyến khích học sinh chủ động nhằm truyền tải kiến thức cho HS như: Lấy người học làm trung tâm; khuyến khích HS tương tác; kích thích tư duy sáng tạo của HS; kích thích phát triển nhận thức của các em HS thông qua các hoạt động thực tế.

GV phải là người đưa ra những gợi ý mang tính gợi mở cho các em HS thảo luận vấn đề và tự đưa ra kết luận.

Việc sử dụng phương pháp giáo dục phổ thông mới giúp cho học sinh có nhiều thời gian thực hành hơn, chính vì vậy giáo viên luôn phải linh hoạt trong quá trình giảng dạy để rèn khả năng tự học, làm việc nhóm cho học sinh từ đó phát triển năng lực chuyên biệt cho học sinh.

Giáo viên phải sử dụng, tìm tòi những kĩ thuật, những phương pháp dạy học phù hợp từng nhóm đối tượng nhằm phát triển năng lực cho các nhóm đối tượng học sinh, xây dựng chiến lược dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh hay phù hợp với từng địa phương cụ thể.

Giáo viên có thể thường xuyên tổ chức dạy học Mĩ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm, vẽ cùng nhau, vẽ tranh theo nhạc, tạo hình 3D từ các vật liệu, xây dựng cốt truyện để có thể khơi gợi được cảm hứng cho các em HS giúp các em phát huy năng lực, khơi gợi năng khiếu thẩm mĩ của HS thông qua các hoạt động.

## **1.4. Khái quát về khoa Giáo dục mầm non, trường Đại học Hồng Đức**

### ***1.4.1. Đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất***

Trường Đại học Hồng Đức được thành lập từ năm 1997, là một trường công lập, thuộc tỉnh Thanh Hóa. Là trường công lập đa ngành, với mục tiêu phát triển đào tạo nhân lực chất lượng cao ở trình độ đại học và trên đại học, ưu tiên cho các lĩnh vực lao động công nghiệp chế biến nông nghiệp, hóa dầu, xây dựng, thương mại, giáo dục phổ thông của tỉnh Thanh Hóa và khu vực.

Hiện nay nhà trường ưu tiên phát triển cho 4 lĩnh vực đào tạo: Sư phạm, Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật – Công nghệ và Nông – Lâm – Ngư nghiệp; Mục tiêu ổn định quy mô số lượng đào tạo với quy mô: 14.000 SV trong đó 15% đào tạo ở bậc trên đại học.

Theo đó, về cơ sở vật chất của nhà trường cơ bản đảm bảo thực hiện các hoạt động dạy học, đào tạo đa ngành nghề, đây là một trong những điều kiện thuận lợi để nhà trường tổ chức các hoạt động dạy học, đào tạo, nghiên cứu khoa học trong đó có đào tạo ngành GDMN.

Là một trường Đại học có bề dày về công tác đào tạo đa ngành nghề thuộc khu vực Bắc Miền Trung, trường ĐH Hồng Đức xác định rõ nhiệm vụ đào tạo cung cấp nguồn nhân lực có tri thức khoa học đa lĩnh vực nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu lao động nghề nghiệp cho địa phương và các tỉnh, thành lân cận. Do vậy, nhà trường luôn xem trọng yếu tố đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo là vấn đề then chốt. Nhiều giải pháp nhằm thu hút và nâng cao trình độ cán bộ, giảng viên như: Thực hiện đề án “Liên kết đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài”; xây dựng và thực hiện quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ từng cán bộ, giảng viên... Đồng thời luôn tạo cơ hội cho giảng viên được tiếp cận, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá kết quả dạy học trong quá trình đào tạo. Nhờ có nhiều biện pháp khuyến khích phát triển chất lượng đội ngũ, GV của trường nhận thức sâu sắc vấn đề tự đạo, xem đó là vấn đề mang ý nghĩa then chốt và có tính quyết định cho sự nghiệp đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo chung.

Khoa Giáo dục mầm non là một trong 12 khoa đào tạo của trường ĐH Hồng Đức, Thanh Hóa; bộ môn MT là một trong 03 bộ môn của khoa và gồm 5 giảng viên, trong đó có 01 thạc sĩ chuyên ngành MT, 01 thạc sĩ chuyên ngành lý luận và phương pháp dạy học MT, 02 thạc sĩ chuyên ngành Văn hóa học. Tất cả các giảng viên đều được đào tạo chính quy các

chuyên ngành như: Sư phạm mỹ thuật, Hội họa ở các trường ĐH có uy tín như: Đại học Mỹ thuật Hà Nội, ĐH Sư phạm Nghệ thuật TW. Đây là một trong những thuận lợi cơ bản của Khoa và Nhà trường trong tổ chức, thực hiện dạy học các chuyên ngành gắn với MT. Từ đó cho thấy, đội ngũ giảng viên có sự vững vàng về chuyên môn và nghiệp vụ, có lòng yêu nghề và sáng tạo trong công việc được giao. Tuy nhiên, việc vận dụng các phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học cần được phối hợp đồng thời với các phương pháp, hình thức dạy học khác, bởi, sinh viên là người chủ động, tích cực trong học tập, nhận thức sẽ là nền tảng cho tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non – đặc biệt là tổ chức hoạt động tạo hình trong giáo dục bậc học mầm non sau khi ra trường.

#### **1.4.2. Đặc điểm sinh viên khoa GDMN**

Sinh viên ngành GDMN là những sinh viên đã tốt nghiệp phổ thông, có độ tuổi từ 18 đến 23, được lựa chọn tuyển sinh theo quy chế của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Đầu vào (thi tuyển) của ngành GDMN tại trường có một số đặc điểm như sau:

*Sự khác biệt vùng miền:* do Thanh Hóa có địa bàn rộng lớn (diện tích 11.106 km<sup>2</sup>, 202 km bờ biển, 192 km biên giới với các nước Lào, Campuchia và Trung Quốc). Những yếu tố khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, năng lực học tập sẽ khác nhau ở các nhóm kinh tế, văn hóa, tộc người là tất yếu cần có giải pháp tích cực trong PPDH.

*Khác biệt về văn hóa:* (11 huyện miền núi với các dân tộc Mường, Thái, Mông, Thổ, Dao, Khơ mú, Tày, Nùng, Hoa, Khmer, Giarai, Tà Ôi... Điều này khiến cho ngôn ngữ sinh hoạt và học tập có những khác biệt cần được GV có giải pháp phù hợp.

*Khác biệt về dân sinh và dân trí:* Đây cũng là vấn đề khá chênh lệch ở ba vùng: Vùng cao, miền núi, hải đảo; trung du đồng bằng... SV từ các khu vực trên khi vào học một chương trình sẽ có nhiều khác biệt ở mỗi



nhóm là một tất yếu mà GV cần dành nhiều công sức để có PPDH phù hợp cho mỗi nhóm.

Bên cạnh đó, do đặc thù của ngành học và công tác sau khi ra trường gắn với những việc chăm sóc trẻ lứa tuổi từ 18 tháng đến 05 tuổi, do vậy hầu như số lượng sinh viên nữ theo học ngành GDMN là 100% (có thể xem là tuyệt đối). Vì vậy, trong các hoạt động học tập và nhận thức của sinh viên vừa có thuận lợi, vừa có khó khăn, đặc biệt trong những nội dung học tập, giáo dục nghiệp vụ sư phạm thì các bạn nữ sẽ có những hoạt động thiên về cảm xúc phù hợp với đặc tính nữ và nhu cầu công việc là cần trở thành một cô giáo mầm non tương lai có nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc và lòng yêu mến trẻ.

Mặt khác, Mĩ thuật là môn học nghệ thuật, đặc trưng của môn học là bồi dưỡng giáo dục thẩm mĩ và phát triển, vận dụng năng lực tạo hình vào giáo dục mầm non; tuy nhiên, sinh viên nói chung và sinh viên ngành GDMN nói riêng, trước khi nhập học khả năng nhận thức về MT còn có những hạn chế nhất định so với kiến thức các môn học khác ở bậc học phổ thông, ví dụ: văn, toán, sử, địa. Bởi, bậc học phổ thông hiện nay (2017) học sinh chỉ được học môn Mĩ thuật từ 1 đến lớp 9, tức là môn MT chỉ dạy học ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông chương trình không có học sinh không được học. Đồng thời, thi tuyển sinh đầu vào ngành là khối M, với môn năng khiếu hát, kể chuyện, đọc diễn cảm. Không tuyển sinh đầu vào bằng môn MT. Đây là một trong những hạn chế cơ bản trong quá trình tiếp thu về kiến thức kĩ năng tạo hình của sinh viên, do vậy, việc tổ chức dạy học môn MT trong đào tạo ngành GDMN cũng có khó khăn nhất định.

### ***1.4.3. Đặc điểm chương trình môn mĩ thuật hệ đại học Giáo dục mầm non***

#### ***1.4.3.1. Các môn dạy học mĩ thuật ở GDMN***

Môn MT trong chương trình đào tạo GVMN trường Đại học Hồng

Đức có cấu trúc gồm 4 học phần đó là: Mĩ thuật cơ bản, Mĩ thuật kiến thức nâng cao, Lý luận và PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ MN. Trong khuôn khổ của luận văn HV đề cập đến học phần Mĩ thuật cơ bản, học phần này tương ứng 11 bài.

Nội dung học MT cho GVMN được thiết kế: Kiến thức chung, thực hành sáng tạo. Học phần Mĩ thuật cơ bản gồm 03 tín chỉ tương đương 63 tiết lên lớp, trong đó có 27 tiết lý thuyết và 36 tiết bài tập, thảo luận và thực hành. Cụ thể như sau:

Bài 1: Một số vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình;

Bài 2: Lược sử mĩ thuật;

Bài 3: Luật xa gần – giải phẫu tạo hình;

Bài 4: Màu sắc;

Bài 5: Hình họa;

Bài 6: Ký họa;

Bài 7: Bố cục;

Bài 8: Trang trí cơ bản;

Bài 9: Chữ mĩ thuật và ứng dụng trang trí;

Bài 10: Những kiến thức cơ bản của môn nặn;

Bài 11: Những kiến thức cơ bản của môn xếp dán.

Việc lồng ghép thực hành sáng tạo MT được thực hiện như sau:

- Một số lý thuyết chuyên ngành MT gồm: Một số vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình (Bài 1); Lược sử mĩ thuật (Bài 2); Luật xa gần và giải phẫu tạo hình (Bài 3).

- Nội dung dạy học thể hiện thực hành đặc thù của chuyên ngành: Chữ mĩ thuật và ứng dụng trang trí (Bài 9), Những kiến thức cơ bản của môn nặn (bài 10), Những kiến thức cơ bản của môn xếp dán (Bài 11).

- Nội dung dạy học kết hợp lý thuyết và thực hành: Màu sắc (Bài 4), hình họa (Bài 5), ký họa (Bài 6), bố cục (Bài 7), trang trí cơ bản (Bài 8).

Một số yêu cầu khi GV triển khai chương trình trên gồm:

- Cần linh hoạt hơn nhóm bài trên, cần chủ động mở rộng biên độ, mức độ cần đạt, nội dung và tỷ lệ thực hành, lý thuyết cho phù hợp;
- Chủ động điều chỉnh hình thức và PPDH cho phù hợp đối tượng SV đặc thù;
- GV có thể căn cứ thực tiễn SV, bối cảnh, tiến độ chung, tăng giảm hình thức học nghiên cứu hay trải nghiệm, thực hành sáng tạo cho hiệu quả.

Hàng năm, cùng với việc rà soát chỉnh sửa đề cương chi tiết của Khoa và chương trình đào tạo của Nhà trường thì các học phần trong bộ môn MT quản lý tiến hành rà soát để điều chỉnh sao cho phù hợp với công cuộc đổi mới chất lượng đào tạo, vì vậy, chương trình môn học hoàn toàn có thể sắp xếp theo những cách khác nhau về các dạng bài.

Khuyến khích tính tự chủ sáng tạo cho GV đứng lớp khi triển khai chương trình chính là mục tiêu nhằm một số vấn đề sau:

- Khung chương trình chỉ mang tính ràng buộc tương đối trong môn MT. Giảng viên có thể căn cứ thực tiễn để điều chỉnh một số nội dung theo tuần tự phù hợp với tình hình thực tế nếu xét thấy tính hiệu quả hơn;
- Tăng tự biên chỉnh, bổ sung, cập nhật học liệu nhằm hiện đại hóa theo kịp nguyện vọng của xã hội và người học.
- Kết hợp các yếu tố, nội dung lồng ghép giữa lý luận, trải nghiệm, thực hành sáng tạo trong các nhóm bài, nhằm đa dạng hình thức tiếp cận mục tiêu kiến thức và kỹ năng cho SV.

#### *1.4.3.2. Đặc điểm nội dung môn Mỹ thuật ngành Giáo dục mầm non*

GDMN là một ngành đặc thù, tính đặc thù của nó chính là đối tượng trẻ mầm non.

Chương trình GDMN phải đạt được một tổng thể kiến thức, kỹ năng đa lĩnh vực, vì mỗi GVMN phải thực hành thao tác dạy học toàn bộ nội dung mà trẻ mầm học hàng ngày theo học. Mặt khác GVMN không chỉ dạy

trẻ phát triển kiến thức, kỹ năng sống mà hơn hết mỗi GVMN vừa là người dạy học, làm bảo mẫu, làm y tế chăm sóc trẻ hàng ngày... Chính vì thế các môn học trong chương trình GDMN có phổ rộng, nhiều lĩnh vực, trong đó có môn MT. Cụ thể như các môn: Tâm lý học mầm non, Giáo dục dinh dưỡng cộng đồng, Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non, Dinh dưỡng trẻ em, Vệ sinh trẻ em, Phương pháp làm quen với văn học, Phương pháp phát triển ngôn ngữ. Và các môn năng khiếu Âm nhạc, Mĩ thuật.

Chuẩn đầu ra cần đạt đối với SV mầm non gồm:

*Về kiến thức:* Sinh viên mầm non cần nắm vững lý thuyết và PPDH áp dụng vào dạy trẻ mầm non. Có kiến thức và kỹ năng thực hành sáng tạo mĩ thuật ở mức tốt theo trong chương trình đào GVMN tại trường Hồng Đức.

*Về kỹ năng:* Sinh viên GDMN có khả năng sư phạm và thực hành sư phạm ở mức độ tốt và có khả năng tổ chức, quản trị tốt hoạt động GDMN tại cơ sở.

*Về thái độ:* Sinh viên GDMN có khát vọng nghề một cách tích cực luôn mong muốn tự đổi mới và phát triển.

Như vậy căn cứ mục tiêu chương trình, chuẩn đầu ra của GVMN tại Đại học Hồng Đức thì môn MT là một học phần với 11 bài cụ thể. Quan niệm cho rằng trẻ mầm non dễ được thu hút với môn học nghệ thuật vì môn học này gắn với tính ham muốn khám phá cái sinh động, cái mới lạ và thích hợp tâm sinh lý hiếu động của trẻ là vừa chơi vừa học. Nhiều công trình khoa học nghiên cứu trẻ mầm non cho thấy MT vừa là một ngôn ngữ, biểu đạt như một loại ký hiệu dễ thực hiện, dễ nhận biết, chưa phân hóa tính năng khiếu cao. Do vậy tính phổ cập rất mạnh mẽ và đồng đều. Khai thác tích cực môn MT cho trẻ tham gia nhiều hình như: xếp hình tạo đồ chơi, tô màu theo sơ đồ, sắp xếp trang trí lớp học, xé dán màu theo cảm hứng âm nhạc, nhìn vật em vẽ, em dán, em tô màu...

Những yêu cầu kiến thức và kỹ năng thực hành MT là ở mức không cao, nhằm phù hợp đối tượng học là SV ngành GDMN. Tuy nhiên, yêu cầu

mức độ kiến thức và kỹ năng phải đạt mức tốt nên đó là một thách thức không nhỏ với một bộ phận SV năng khiếu MT hạn chế. Chính vì vậy luận văn hướng đến một biện pháp đổi mới PPDH theo hướng vận dụng nghệ thuật của họa sỹ tiêu biểu vào dạy học chương trình GDMN như một cách để thiết kế bài giảng sinh động hơn, thu hút người học một cách hiệu quả hơn. GDMN ở môn MT là một môn học đa nghĩa, đa dụng ích cần được GVMN nghiên cứu, luôn luôn đổi mới và phát triển theo mỗi giai đoạn lịch sử yêu cầu.

#### ***1.4.4. Thực trạng công tác giảng dạy môn mỹ thuật đối khoa Giáo dục mầm non ở Đại học Hồng Đức***

##### ***1.4.4.1. Ưu điểm***

Nhà trường và Ban chủ nhiệm khoa luôn quan tâm bồi dưỡng các các bộ theo đúng quy hoạch đã đề ra. Nâng cao trách nhiệm và năng lực chuyên môn thông qua các hoạt động tổ chức đoàn thể như các diễn đàn, hội thảo khoa học, cimena sinh hoạt chuyên môn định kì hàng tháng, các hoạt động nghiên cứu khoa học như hướng dẫn sinh viên làm khóa luận, thực tế, thực tập.

Được cung cấp đầy đủ trang thiết bị đồ dùng dạy học như phương tiện máy chiếu, phòng học đặc thù có đầy đủ ánh sáng lẫn vật mẫu, mô hình giúp việc truyền đạt kiến thức tới các em sinh viên được phong phú hơn.

Có chính sách ưu đãi, khuyến khích GV tự đào tạo, NCKH và tu nghiệp nâng cao trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn của chức danh GVĐH...

##### ***1.4.4.2. Nhược điểm***

Bộ môn Mỹ thuật hiện nay số lượng giáo viên đang còn thấp do lượng giảng viên chuyên công tác và nghỉ chế độ có biến động, thành ra quá trình hoạt động chuyên môn của tổ có độ thưa hơn. Đồng thời, hiện nay trình độ tiến sĩ ở bộ môn chưa có, kèm với số người có chuyên ngành gần tỉ lệ chiếm 50% khiến cho sự phát huy tối đa năng lực dạy MT của bộ môn

còn hạn chế về tư tưởng.

Thêm vào đó là khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy, hoặc tiếp cận với kiến thức theo xu hướng quốc tế, cập nhật các phương pháp dạy học tiên tiến áp dụng vào từng nội dung cụ thể, bài học cụ thể bị hạn chế.

#### *1.4.4.3. Nguyên nhân*

Nguyên nhân đầu tiên phải nói đến là nhận thức của mỗi giảng viên trên giảng đường đại học. Nguyên nhân thứ hai là do chính sách của Khoa và Nhà trường chưa hỗ trợ được cho cán bộ giảng viên được môi trường giao lưu học tập bồi dưỡng cập nhật sự thay đổi trong giáo dục hiện nay đang ngày càng diễn biến nhiều hướng đa diện.

#### ***Tiểu kết chương 1***

Lý thuyết giáo dục hiện đại ở thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI cho thấy những khuynh hướng phát triển của giáo dục hiện đại, đó là sự phản chiếu một tinh thần, khát vọng mong muốn giáo dục có thể tạo ra những thế hệ lao động mới có trình độ kiến thức, kỹ năng, thái độ cao, đáp ứng tích cực nhất trước yêu cầu của thời đại.

Ngày nay, khi Việt Nam hội nhập sâu rộng thế giới trên nhiều bình diện thì GDMN có thể thấy là một mũi nhọn hội tụ tính quốc tế mạnh mẽ nhất. Cơ sở GDNM có yếu tố nước ngoài đầu tư hay chương trình GDMN có yếu tố quốc tế tại các đô thị lớn ở Việt Nam là khá cao. Vấn đề đặt ra ngày nay về đổi mới chất lượng đào tạo, quản trị, đầu tư cho GDMN là bức thiết. Trong đó đổi mới PPDH mầm non theo hướng coi trọng hoạt động trải nghiệm, lấy hoạt động dạy học các môn nghệ thuật dạy học hiện đại cần hướng đến.

PPDH là cách thức thực hành hoạt động giáo dục được người GV lựa chọn làm công cụ giáo dục nhằm phát huy tích cực nhất, hiệu quả nhất, phù hợp nhất cho người học.

PPDH mỹ thuật là một PPDH cụ thể áp dụng vào một môn dạy học, có những vấn đề chung, phổ quát với PPDH các môn khác, nhưng lại bị chi phối những vấn đề mang tính đặc thù, cụ thể ở môn học. PPDH mỹ thuật mầm non coi trọng việc khai thác các yếu tố đặc thù như: Phương pháp quan sát vật mẫu, phương pháp so sánh, liên hệ hình khối màu sắc vật cận kề, phương pháp gợi mở tư duy hình tượng...

Vận dụng giá trị nghệ thuật của Bùi Xuân Phái vào dạy học MT cho SV mầm non là một nghiên cứu điển hình cho PPDH theo hướng khai thác bổ sung tư liệu làm cho bài học trở nên phong phú đa dạng phù hợp với mục tiêu đổi mới chất lượng đào tạo GV mầm non ngày nay.

Luận văn tập trung nghiên cứu khẳng định một số vấn đề phù hợp với mục tiêu giải quyết khoa học mà luận văn đặt ra như: Đặc điểm chung về nghệ thuật của Bùi Xuân Phái như: các thể loại sáng tác (tranh phố cổ Hà Nội, tranh chân dung, tranh sinh hoạt...), phân tích ngôn ngữ tạo hình trong tranh Bùi Xuân Phái ở mỗi thể loại, nhằm làm nổi bật tính cách sáng tạo và chỉ ra những khả năng khai thác nghệ thuật của Bùi Xuân Phái vào dạy học MT cho SV mầm non.

## Chương 2

### ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TRONG TRANH CỦA HOẠ SĨ BÙI XUÂN PHÁI VẬN DỤNG VÀO DẠY HỌC

#### 2.1. Đặc điểm nghệ thuật tạo hình trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái

##### 2.1.1. Bố cục trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái

Bố cục trong tranh Bùi Xuân Phái có tính rất nhất quán. Yếu tố bố cục trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái liên quan đến các thể thức mà ông sử dụng ở mỗi đề tài hay nhóm đề tài: tranh phố cổ Hà Nội, tranh chân dung, tranh sinh hoạt, lễ hội...

Nhóm tác phẩm vẽ về phố cổ thì hầu như là dạng bố cục cắt cảnh theo góc phố, sự phát hiện của họa sĩ về tính biến điệu không gian do điểm nhìn khác nhau sẽ mang lại hiệu ứng khác nhau.

Tranh *Xe bò trong phố cổ*, sơn dầu (1972) [PL.9; H. 2.1; tr.116] có bố cục 4 mái nhà phía trái và mảng tường lớn phía phải, như những khối hộp đứng, được cân bằng nhịp điệu một cây cột nghiêng xiên xiên phía góc phải tranh. Nhịp điệu nét được phá vỡ do độ đậm nhạt thay đổi, làm cân xứng và hạn chế những đường thẳng dọc tranh quá nhiều. Nhờ có độ đậm nhạt nét tập trung tâm tranh mà bố cục có trong tâm hơn.

Tranh *Ngõ Phát lộc 2*, sơn dầu (1968) [PL.9; H.2.4; tr.117] có bố cục 3 nếp nhà, do tác giả chọn điểm nhìn xiên góc, và chọn nhà 1 tầng ở giữa tranh nên nhịp điệu phân trên tranh và dưới tranh rất sinh động. Bố cục ở tranh này không chỉ được khai thác hình, mảng mà tác giả sử dụng màu sắc với độ tương phản sáng - tối, đậm - nhạt, nóng - lạnh để tạo ra các nhịp điệu và trọng tâm tranh một cách sinh động.

Tranh *Phố cổ Hà Nội* (1972) [PL.9; H.2.9; tr.120] với một mảng màu xanh dương nhẹ của một góc phố rêu phong và bóng dáng mờ xa hình một vài thiếu nữ trong khung cửa; Các yếu tố hình, nét, mảng được tác giả sử dụng tối đa tính công năng trong biểu cảm, bằng cách kết hợp nét, mảng



màu uyển chuyển, nét mảnh, nét mập, ngắn dài, liên tục, đứt đoạn, sáng, nhạt, đậm xen kẽ nhịp nhàng. Có thể nói bức tranh như một bản Sonat vang ngân du dương gợi cảm giác nhẹ nhàng, du dương cho người thưởng ngoạn. Tranh phố của họa sĩ Bùi Xuân Phái cùng một chủ đề là phố cổ, đều miêu tả những mái nhà xiêu vẹo với các gam màu khác nhau, nhưng điểm lại từng tác phẩm thì không có sự trùng lặp về cách tạo hình bố cục trong tranh của Bùi Xuân Phái; vẫn là những mái nhà đỏ trầm, những bức tường rêu phong nhưng không bức tranh nào giống với bức tranh nào.

Bùi Xuân Phái xây dựng bố cục có nhiều điểm nhìn mới lạ, ông lựa chọn nhiều góc quan sát tạo nên bố cục và biểu cảm khác lạ trong tranh: mái nhà trong tranh được khai thác dưới các diện hình mảng khác nhau, có bức tranh khai thác chính diện của những căn nhà, có bức tranh thì nhìn một mặt mái nhà, có những bức tranh có chú ý của tác giả khi tạo hình các mái nhà xiêu vẹo xếp chồng lên nhau... những sáng tác của ông có hình, khối biểu đạt mới mang nhiều nét, mảng mà chúng ta hay bắt gặp trong tranh trẻ mầm non, đặc biệt là tranh trẻ 5 - 6 tuổi, lứa tuổi bắt được nhịp cảm xúc, cảm quan của cuộc sống xung quanh.

Nghệ thuật bố cục của Bùi Xuân Phái theo học viên là sự thể hợp một sự kết hợp đa dạng ngũ tại hình trong một không gian nhất định. Giá trị của nghệ thuật Bùi Xuân Phái chính là tính công năng biểu cảm mạnh mẽ, độc đáo. Ví dụ khi vẽ Phố cổ Hà Nội, ông sử dụng tối đa khả năng diễn đạt của hình, nét, bố cục, màu sắc ở mức tối giản nhất nhằm diễn đạt mạnh nhất, nhanh nhất, rõ ràng nhất về một thông điệp trị của các phố cổ, đó là sự lắng đọng của thời gian, sự êm đềm bình dị, sự kiêu diễm của nét xưa đọng lại, lưu luyến trên từ ô cửa, cây cột điện, hè phố, mái ngói, hàng cây...

Đối với sinh viên mầm non khi học môn MT các em phải biết cách xây dựng bố cục để tạo ra các tác phẩm tạo hình, một trong những điểm

mới lạ trong tranh Bùi Xuân Phái gắn với các em sinh viên khi học vẽ tranh đề tài.

### **2.1.2. Đường nét trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái**

Đường nét trong tranh họa sĩ Bùi Xuân Phái là một thành tố nổi bật tính cách nghệ thuật của ông. Đường nét trong tạo hình có nhiều hình thức: Đường nét là đường tiếp xúc giữa hai mảng khối (điều khắc); đường nét là đường biên của mảng màu khác sắc độ; đường nét là đường viền một mảng, khối; đường nét là đoạn màu sắc có độ dài, to nhỏ khác nhau, đứt đoạn hay khép kín theo các chiều, hướng... Tranh Bùi Xuân Phái thể hiện cả 3 hình thức trên.

Nhóm tranh có hình thức đường nét là đoạn màu sắc có độ dài, to nhỏ khác nhau, đứt đoạn hay khép kín theo các chiều, hướng gồm: tranh *Xe bò trong phố cổ, sơn dầu (1972)* [PL.9; H. 2.1; tr. 116], tranh *Ngõ Phất Lộc, sơn dầu (1968)* [PL.9; H.2.2, tr.116], tranh *Phố Phái 1, sơn dầu (1961)* [PL.9; H.2.3; tr. 117], tranh *Phố cổ Hà Nội (1972)* [PL.9; H.2.9; tr.120].

Nhìn chung thể loại nét là *đoạn màu sắc có độ dài, to nhỏ khác nhau, đứt đoạn hay khép kín theo các chiều, hướng...* Thể loại nét này có thể vận dụng trong môn mỹ thuật mầm non ở nhóm bài vẽ phong cảnh hay đề tài sinh hoạt, do tính chất nét không liên tục nên tính tạo hình có chiều sâu hơn.

Yếu tố nét trong tranh Bùi Xuân Phái đôi khi được hợp kết với nhau theo nhiều chiều hướng, độ thừa mau, độ mập, mảnh khác nhau tạo nên như bản hòa tấu, những giai điệu, như những hợp âm trong âm nhạc.

Những nét cọ trên toan sơn dầu ở nhóm tranh chân dung, phố cổ Hà Nội [PL.9] là những đoạn màu sắc có độ dài, to nhỏ khác nhau, đứt đoạn hay khép kín theo các chiều, tách bạch, đứt khoát tạo nên khả năng biểu cảm rất mạnh mẽ.

Có thể nói yếu tố nét trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái chiếm

một ưu thế quan trọng, tuy nhiên nét trong tranh sơn dầu, bột màu của ông thường mang tính biểu cảm hình khối, không gian theo truyền thống hơn là phối cảnh.

Nét trong tranh Bùi Xuân Phái không hẳn hoàn toàn như yếu tố nét trong tranh dân gian Việt Nam, đôi khi chính nét là những chấm phá biểu đạt một dáng người, nhân vật trong tác phẩm *Ngõ Phái lộc 3*, sơn dầu (1967) [PL.9; H. 2.6; tr. 118].

Nhiều tác phẩm của ông sử dụng nét rất linh hoạt thể hiện sự mềm mại, khi thì nổi bật do sử dụng sắc độ tương phản mạnh, đôi khi nét lại chìm ẩn trong nền vẽ về một cây cột điện góc phố, mái nhà xô nghiêng, dáng chiếc xe bò thùng thình ở góc phố như bức *Xe bò trong phố cổ*, chất liệu sơn dầu (1972) [PL.9; H. 2.1; tr.116].

Ngôn ngữ đường nét trong tranh họa sĩ Bùi Xuân Phái có nét đặc trưng tương ứng với đặc điểm ngôn ngữ tạo hình trong tranh của SV mầm non, trên yếu tố tương đồng ấy, giảng viên nắm bắt và khơi gợi cho sinh viên học mỹ thuật ngành GDMN biết cách khai thác các vấn đề của tạo hình để thực hiện các bài tập theo chương trình đào tạo.

Họa sĩ Bùi Xuân Phái sử dụng những hình thức nét rất đa dạng, khẳng định hoặc biểu đạt tính cách, không gian, biểu cảm hình tượng trong tranh rất gần gũi với cảm nhận thẩm mỹ của SV mầm non

Vận dụng phong cách vẽ nét trong tranh Bùi Xuân Phái là sự cung cấp thụ cảm thẩm mỹ mới, kỹ thuật sơ giản mà hiệu quả cao cho SV mầm non áp dụng vào học cách sử dụng màu tô lên đồ vật, hay trang trí đồ chơi, trang trí góc lớp học tập...

### **2.1.3. Màu sắc trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái**

Màu sắc trong tranh Bùi Xuân Phái khá đa dạng, có thể chia làm 2 nhóm phong cách xử lý màu sắc: Nhóm tranh có bảng hòa sắc màu lạnh, trầm, độ tương phản dịu nhẹ, sâu lắng như tranh *Phố Phái 1 (1961)*, sơn

dầu [PL.9; H. 2.3; tr.117], *Phố Phái 2 (1965)*, sơn dầu [PL.9; H.2.5; tr.118], [PL.9; H.2.6; tr.118], *Phố cổ Hà Nội (1972)*, sơn dầu [PL.9; H.2.8; tr. 119]. Nhóm tranh mang đặc trưng hòa sắc tương phản mạnh mẽ, tươi sáng như tranh *Xe bò trong phố cổ (1972)*, sơn dầu [PL.9; H.2.1; tr.116], tranh *Góc phố cổ Hà Nội (1972)*, sơn dầu [PL.9; H.2.10; tr.120], *Xe bò trên phố cổ (1976)*, sơn dầu [PL.9; H. 2.11; tr.121], tranh *Góc phố 2 (1970)*, sơn dầu [PL.9; H.2.12; tr.121], *Hà Nội kháng chiến (1968)*, sơn dầu [PL.9; H. 2.7; tr.119], *Phố cổ Hà Nội (1972)*, sơn dầu [PL.9; H.2.8; tr.119].

Cá tính sáng tạo nghệ thuật của họa sĩ Bùi Xuân Phái thể hiện rõ nhất ở việc dùng màu, không chỉ sự độc đáo trong phối màu mà còn là sự kết hợp màu sắc dưới dạng mảng, nét rất đa dạng về: chiều hướng và độ mảnh, mập, dài ngắn khác nhau, nhằm tạo ra một hiệu ứng chuyển động không gian rất tinh tế và sinh động.

Người ta thường nói tranh vẽ phố của Bùi Xuân Phái nhuộm màu thời gian, khi xem tranh của ông, chúng ta thấy thời gian hiện hữu qua từng khung cảnh. Có những mảng tường khơi gợi trí tưởng tượng của người nghệ sĩ, tạo ra những cái đẹp bất ngờ.

Cách phối màu giàu tính biểu cảm, kỹ thuật tối giản đến mức tự nhiên như phóng bút, họa sĩ Bùi Xuân Phái gợi cho người xem cảm nhận sự hồn nhiên gần gũi với tranh của SV mầm non mang đậm yếu tố hồn nhiên trong thể hiện màu sắc.

Quá trình tiếp nhận những yếu tố nghệ thuật trong tranh họa sĩ Bùi Xuân Phái cũng là cách mà các em sinh viên khoa mầm non Đại học Hồng Đức có thể chuyển tải những kiến thức về tạo hình bao gồm *ngôn ngữ tạo hình* và *yếu tố tạo hình* thể hiện trên những bài thực hành mang hơi hướng sáng tác chuyên nghiệp.

Khai tác tối đa những vấn đề trong nghệ thuật tạo hình của họa sĩ và gắn với tính tạo hình của các em SV để chúng ta thấy rằng hiệu quả của

việc vận dụng là vô cùng cần thiết để tạo sự phong phú đa dạng trong nghệ thuật dạy học hiện đại ngày nay, khi mà xu hướng phát triển giáo dục luôn luôn thay đổi theo cảm quan và nhân sinh quan của mỗi khách thể khi tiếp cận nghệ thuật nói chung và MT nói riêng.

#### **2.1.4. Chất liệu trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái**

Đối với việc dạy học theo chương trình mầm non thì chất liệu mỹ thuật không bị bắt buộc gò bó, thông thường chủ yếu là màu goát, đất màu, sáp màu, xé giấy màu là chủ yếu. Tuy nhiên nghiên cứu chất liệu ở nghệ thuật Bùi Xuân Phái chủ yếu dành cho SV mầm non. Mục đích của tiêu mục này là bồi dưỡng nâng cao kiến thức, nhận dạng chất liệu cũng như một số kỹ thuật sử dụng chất liệu ở tranh Bùi Xuân Phái.

##### **- Sơn dầu**

Chất liệu sơn dầu trong hội họa Việt Nam xuất hiện vào đầu TK XX khi người Pháp mở mang một số trường kỹ nghệ, mỹ nghệ ở Việt Nam. Gồm các trường như: *Trường mỹ thuật Thủ Dầu Một* (1901) với các nghề gỗ, điêu khắc, khảm xà cừ, đúc đồng. *Trường mỹ nghệ Biên Hòa* (1907) đào tạo về gốm, sứ và đúc đồng. *Trường nghệ thuật bản xứ Gia Định* (1913) đào tạo một số nghề như: chạm khắc, đồ họa. *Trường mỹ thuật Đông Dương ở Hà Nội* (1925) đào tạo một số nghề: hội họa, điêu khắc, sơn dầu, sơn mài, vẽ lụa...

Là một họa sĩ từng học tại trường Mỹ thuật Đông Dương, ông chuyên về chất liệu sơn dầu. Sự đam mê sáng tạo gắn trọn cuộc đời với Hà Nội nên tranh ông dù vẽ chủ đề nào thì vẫn thấy một Hà Nội cổ kính, lãng mạn, sâu lắng. Có thể nói nghệ thuật Bùi Xuân Phái là một hình thức kỹ thuật trong nhóm tác giả người Việt Nam tiếp thu kỹ thuật và chất liệu sơn dầu phương Tây vào biểu đạt tinh thần văn hóa Việt Nam một cách sáng tạo nhất.

Chất liệu sơn dầu trong tranh Bùi Xuân Phái khá đa dạng về kỹ thuật, nếu bức tranh *Trước giờ biểu diễn* (1976), *sơn dầu*, tranh *Vợ chồng*

*nhà chèo, sơn dầu* (1986), có bút pháp mạnh, dứt khoát, sử dụng các mảng sơn dầu sáng vàng, xanh dương đậm, chút màu vàng đất nhạt làm nền trung gian, nhiều vật màu sắc tím chìm sâu biểu cảm mạnh mẽ về một phối cảnh sân khấu dưới ánh đèn.

Khuynh hướng vẽ cách điệu, thiên sang trừu tượng và vẽ theo phong cách lập thể với nhiều điểm nhìn trong các tranh *Họa sĩ* (1967), sơn dầu, tranh *Ngõ Phát lộc 3* (1967), sơn dầu. Thủ pháp sử dụng sơn dầu ở nhóm tranh này là hình, mảng gần như đồ họa, độ chênh về sắc độ chủ yếu do nét tạo ra ở đường viền. Tuy nhiên đường viền được sử dụng rất kiệm ché, nhiều vị trí độ chênh về sắc độ không có đường viền. Lối sử dụng sơn dầu này của Bùi Xuân Phái gần gũi với phong cách của họa sỹ Vincent Willem Van Gogh người Hà Lan (1853-1890) một danh nổi tiếng hậu ấn tượng.

Hiệu quả biểu đạt sơn dầu trong tranh tranh Phố của Bùi Xuân Phái thể hiện hiệu quả cái thần thái trầm tích văn hóa ngàn năm, cái lãng mạn, tinh khiết nhưng trầm tĩnh cảnh vật con người Hà Nội ở giữa thế kỷ XX. Cảm xúc khi vẽ tranh của các tác giả là một yếu tố quan trọng nhất dẫn đến sự thành công của tác phẩm, những hoạt cảnh từ thiên nhiên đến con người được tác giả sắp xếp theo ý đồ, hướng đi của ánh sáng, xếp theo bố cục đã được tính toán trước của tác giả, những đồ vật để tác giả có thể thể hiện lên bức tranh có thể là những mái nhà, xích lô, hoặc xe đạp... khi đúc kết lại những điều đó người xem có thể hiểu được về tranh phố của Bùi Xuân Phái. Trên mỗi bức tranh những họa sỹ đều thể hiện một nét độc đáo riêng biệt khác nhau, đều thổi hồn vào tranh những nét chấm phá của riêng họ tạo đặc trưng riêng của từng bức tranh.

Tài hoa của ông đã làm cho chất liệu sơn dầu ở phương Tây có thể thăng hoa ở Việt Nam với cách phối màu tinh tế, lối xử lý hình, nét mảng

màu tối giản và với những lớp sắc độ lung linh và chuyển động đa hướng trên mặt tranh, như một bản nhạc vang lên bất tận.

### ***Chất liệu màu nước và màu bột***

Chất liệu màu nước được Bùi Xuân Phái thể hiện ở các tranh: *Trung thu* (1982), màu nước, tranh *Trung thu đã đến* (1982), màu nước, [PL.9; H. 1.9; tr.116]. Tranh màu nước của Bùi Xuân Phái tuy không nhiều, nhưng kỹ thuật phối màu, cách vẽ phóng bút, xử lý chuyển mảng, chuyển độ, phối sắc màu khá tinh tế. Hiệu quả biểu cảm cao. Vận dụng kỹ thuật màu nước của Bùi Xuân Phái cho dạy học trong chương trình MT mầm non là khá nhiều tiềm năng.

Chất liệu màu bột, màu bột nghiền tinh chế có keo và sáp hỗn hợp, trở thành sáp màu, hay chì màu là vật liệu rất thông dụng trong môn mỹ thuật mầm non bởi tính chất tiện dụng của nó. Sinh viên mầm non khi học mỹ thuật cần được thực hành nhiều loại chất liệu thông dụng này vì tính thực dụng và hiệu quả đối với đối tượng trẻ mầm non. Nếu người giáo viên mầm non khi hướng dẫn cho trẻ mầm non tập tô màu lên hình có sẵn hay tập vẽ bất chước, mô phỏng theo một hình đơn giản bằng màu thì vật liệu này vừa an toàn, vệ sinh lại vừa dễ quản lý trong không gian lớp học.

### ***Một số chất liệu khác***

Cũng như nhiều họa sỹ đầu thế kỷ XX, được xem là lớp người tiên phong của nghệ thuật hiện đại Việt Nam, Bùi Xuân Phái còn thực nghiệm sáng tác trên nhiều chất liệu khác nhau như: gỗ, giấy, vải, giấy báo ...

Dù sử dụng chất liệu sơn dầu như một sở trường hay sử dụng màu bột như một phương tiện vẽ nhanh, cảm hứng sáng tác tức cảnh trước phong cảnh là góc phố, Hồ Gươm, mái nhà lợp liêu xiêu hay hoàng hôn về trên đường phố Hà Nội cổ kính, vấn đề chất liệu, kỹ thuật, góc nhìn trực quan, góc nhìn thẩm mỹ trong ông luôn luôn mới lạ trước một sự vật rất cũ, rất bình dị.

Có thể lời tự bạch của Bùi Xuân Phái là một triết lý sáng tạo của riêng ông “*Phải cái nhìn cho hay, để vẽ cho hay. Cả hai đều khó cả. Phải khổ công rèn luyện để bớt khó*”. “Cái nhìn” trong mỹ thuật của Bùi Xuân Phái tưởng như rất cũ, rất thông thường, nhưng nếu xem kỹ tranh ông sẽ thấy cái “Thần thái diệu mỹ” trong câu nói đó. Phái Phố là một tập tranh, nhiều tác phẩm độc lập, đúng hơn là những ghi chép mang tính “Nhật họa” về xúc cảm mạnh mẽ mỗi lần Bùi Xuân Phái thấy Hà Nội cổ hiện lên trong tâm hồn đồng điệu của ông.

Tác giả Nhật Thịnh viết:

Tranh phố cổ của Bùi Xuân Phái có những phố Hàng Bạc, Hàng Bò, Hàng Mắm, Hàng Muối, Hàng Tre, Mã Mây... đều xuất sắc. Bắt nguồn từ hiện thực Phố cổ Hà Nội, Bùi Xuân Phái khai thác từ thập niên 50, 60, 70 nên còn mang đậm nét cổ kính. Các mảng màu trên tranh mang đường viền đậm nét. Tranh phố cổ của Bùi Xuân Phái gửi gắm những kỷ niệm, những hoài cảm, nỗi buồn man mác, tiếc nuối băng khuâng trên từng nét vẽ như dự báo về một sự đổi thay và biến mất [33, tr. 25].

Tác giả Anh Phương viết:

Người ta thấy Phố Phái quen mà lạ. Quen vì mọi người nhanh chóng nhận ra phong cảnh vì phố thực, nhưng lạ vì cái thực ấy được nhìn qua lăng kính của Phái, tường thuật nhiều câu chuyện khác nhau trên cùng một khu phố, những vẽ đẹp của đời sống của người Việt Nam trong thế kỷ 20 đã được thể hiện theo phong cách và tình cảm sâu đậm của Bùi Xuân Phái [34, tr. 35].

## **2.1.5. Phong cách và kỹ thuật thể hiện của họa sĩ Bùi Xuân Phái**

### **2.1.5.1. Phong cách sáng tác**

Theo *Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê (chủ biên) nói về phong cách :



“Những đặc điểm có tính chất hệ thống về tư tưởng và nghệ thuật, biểu hiện trong sáng tác của một nghệ sĩ hay trong sáng tác nói chung thuộc cùng một thể loại” [42, tr. 43]. Công trình *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, của Nguyễn Như Ý (chủ biên) định nghĩa phong cách là: “Những đặc điểm có tính hệ thống định hình về nghệ thuật, sử dụng ngôn ngữ của một cá nhân” [40, tr. 35].

Sách *Mỹ học Mác- Lênin* của Đỗ Văn Khang (chủ biên), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004, đã nói về phong cách như sau:

“Phong cách là bản chất sáng tạo của chủ thể, bản chất đó gắn liền với cuộc sống tâm hồn, trí tuệ, trái tim người nghệ sĩ” [23, tr. 112]. Tài liệu cũng cho rằng, phong cách thể hiện rõ bản lĩnh nghề nghiệp của người họa sĩ, hai thành tố quan trọng làm nên một phong cách nghệ thuật là tính dân tộc và tính thời đại. Chủ thể sáng tạo chỉ tồn tại khi sản sinh ra những giá trị thẩm mỹ đích thực trong đó phong cách được coi là diện mạo của chủ thể sáng tạo. Có thể hiểu phong cách là vốn sống và bản lĩnh nghề nghiệp. Chủ thể sáng tạo chỉ có thể tạo được phong cách của riêng mình sau một quá trình lao động say mê, nghiêm túc, lúc đó lượng sẽ đổi thành chất.

Đặng Thị Bích Ngân trong *Từ điển thuật ngữ mỹ thuật phổ thông*, (chủ biên), Nxb Mỹ thuật 2012, cho rằng phong cách là:

“Cá tính của tác giả được thể hiện lên tác phẩm qua toàn bộ những yếu tố làm nên giá trị của tác phẩm (nét bút, màu sắc, hình khối, đậm nhạt...). Phong cách phản ánh cảm xúc, tâm tính, trí tuệ, tài năng và quá trình lao động nghệ thuật của tác giả. Phong cách không phải là giả tạo và không thể cố tình tạo ra được” [25, tr. 51].

Trong Mỹ thuật phong cách nghệ thuật được coi là những đặc trưng bất biến của một cá nhân hoặc nhóm nghệ sĩ. Đối với hội họa phong cách riêng được tạo nên nhờ quá trình sử dụng điều phối các chất liệu, bút pháp,

hình tượng nghệ thuật. Từ chất liệu, hình tượng đến khai thác nội dung chủ đề đều phải mới, riêng biệt không lặp lại, vay mượn, bắt chước và không giống với bất kỳ một họa sĩ nào khác.

Phong cách sáng tác của họa sĩ Bùi Xuân Phái được chia làm hai giai đoạn, giai đoạn khởi đầu 1950 đến 1960 và giai đoạn 1960-1988.

*Có thể nhận định một số đặc điểm nghệ thuật của Tranh Bùi Xuân Phái ở Giai đoạn 1950 - 1960 là:*

Đây là thời ông có những nỗi niềm trắc ẩn, tâm trạng sáng tác của ông mang nhiều nét trầm lắng; đa số tranh phố cổ ông vẽ trước năm 1960 có gam màu xanh dương nhạt, hòa sắc với màu nâu xám, lạnh. Những tranh phố thời kỳ này vẫn mang dạng tìm kiếm một phong cách cần định hình. Vẫn góc phố cũ của Hà Nội, người xem dễ dàng xác thực được ông vẽ đi vẽ lại nhiều lần, có điều phố cổ của ông cũng như chân dung một thiếu nữ, đối với ông, mỗi khoảng khắc lại mang một tinh thần khác biệt. Lối khai thác cái “hồn” bên trong của cảnh vật này vốn đã được thi hào Nguyễn Du sử dụng ẩn dụ nhiều lần trong tác phẩm Truyện Kiều. Phong cách ấn tượng Pháp cuối thế kỷ XIX cũng đã coi trọng cái “hồn” của thiên nhiên ở các không gian, góc nhìn khác nhau. Nghệ thuật là tấm gương phản chiếu tâm hồn nghệ sỹ, đúng vậy giai đoạn sáng tác từ 1950- 1960 Bùi Xuân Phái có thể xem như một giai đoạn trải nghiệm, ông dành hết tâm sức, tình yêu Hà Nội, hoài niệm những cảnh, tình, hình tượng, biểu tượng đẹp cổ kính của đất Thăng Long còn nhiều dấu vết còn lại ngày nay. Cái khát vọng tưởng như siêu hình về Hà Nội trong ông như vượt quá khả năng tự thân của nghệ thuật mà ông theo đuổi khiến ông không bao giờ vừa lòng. Tranh của ông ở giai đoạn này như một hàn thử biểu đo được cường độ lao động, với hàng trăm tranh vẽ không ngày nào ngừng nghỉ. Tính không định dạng rõ ràng trong phong cách và kỹ thuật như một sự khám phá vẫn không có điểm

dùng, nó toát lên một nghị lực phi thường của một người nghệ sỹ chân chính [PL.9; H. 2.5; tr.118], [PL.9; H. 2.6; tr.118]...

*Đặc điểm nghệ thuật của Tranh Bùi Xuân Phái ở Giai đoạn 1960-1988 là:*

Giai đoạn 1960 đến 1988 có thể xem phong cách sáng tác của họa sỹ Bùi Xuân Phái đã định hình rõ ràng. Tranh phố cổ Hà Nội trong giai đoạn này đã bộc lộ tinh thần một Hà Nội với những gam màu nâu sáng khi vẽ về một cảnh tĩnh lặng quý hiếm trong một góc phố lập lòe ánh đèn [PL.9; H.2.8; tr.119], [PL.9; H. 2.10; tr. 120], [PL.9; H. 2.11; tr.121]. Những nhóm tranh màu nâu đất, sắc trầm, xen sắc vàng sáng, tạo một cung bậc cảm xúc ngân vang trầm lắng, cộng hưởng với lớp người cao tuổi vốn dễ xúc động khi được gọi về một quá khứ Hà Nội mà họ vốn là chủ nhân của lịch sử...

Nhóm tranh có hòa sắc xanh dương, pha trộn nhiều vạt màu sắc xanh cây, tím than sắc đục trầm lắng, tạo cho một giai điệu tươi trẻ, gọi lên một khát vọng tươi sáng. Lớp người trẻ tuổi rất ưa thích một Hà Nội thanh lịch tràn đầy sức sống mới [PL.9; H. 2.9; tr.120], [PL.9; H.2.12; tr.121].

Nhóm tranh màu xanh ghi, sắc xám, ông vẽ trong những năm 1970 đến 1980 vẫn vẽ những góc phố cổ Hà Nội nhiều lần trước, nhưng ông muốn biểu đạt một tinh thần mới, đó là những mặt ẩn khuất bên trong của hình dáng bề ngoài cảnh vật. Thông điệp của ông chắc chắn muốn người xem trả lời câu hỏi của nghệ sỹ ẩn trặc như thơ của Thâm Tâm xuất hiện năm 1941 mà lớp người hoài xưa rất quen thuộc: “Đây cảnh cũ, đâu người xưa”. Rất dễ cảm nhận *tranh phố cổ Hà Nội* của Bùi Xuân Phái được đồng đạo người nhiều tầng lớp khác nhau yêu mến, nghệ thuật của ông dễ dàng nhận diện, như một giai điệu ngân nga ca ngợi cái đẹp của Hà Nội ngàn năm văn hiến.

### 2.1.5.2. Thủ pháp nghệ thuật và kỹ thuật tạo hình của Bùi Xuân Phái

Chủ nghĩa hình thức Nga – một trong những trường phái cách tân nhất ở thế kỷ XX – đã đưa ra quan niệm “Nghệ thuật như là thủ pháp” và “Tác phẩm nghệ thuật không phải là thủ pháp rời rạc mà là một tập hợp những thủ pháp theo qui luật nội tại của tác phẩm”. A. Tolstoi (nhà Văn Nga TK XIX) nói về thủ pháp trong văn học như sau: “*Truyện ngắn đòi hỏi ở người viết một công việc tổ chức và cấu trúc truyện hết sức nghiêm ngặt. Quả thực có một thứ kỹ thuật tinh xảo, kỹ thuật viết truyện ngắn*” [4, tr. 48].

Xét về mặt nghĩa đen tu từ thì “thủ pháp” theo Hán – Việt là cách thức (pháp) điều khiển (thủ), chắc chắn dùng để chỉ thao tác đặc biệt (thủ pháp) trong sáng tạo nghệ thuật do giới chuyên môn quen dùng. Họa sĩ Bùi Xuân Phái là một trong số ít họa sĩ của Việt Nam có xây dựng hệ thống tư liệu vẽ một cách cẩn thận và liên tục ghi lại nhật ký. Những gì ông đã viết trong nhật ký của mình chỉ là những suy tưởng của riêng bản thân ông. Nhưng tất cả những điều đó đều là những trăn trở của họa sĩ Bùi Xuân Phái về nghệ thuật. Đồng thời cũng là những suy tư để làm sao có thể vẽ đẹp hơn, đến được gần hơn với bản chất nghệ thuật.

Nghệ thuật khác biệt mang đậm cá tính sáng tạo để có thể tạo ra một thương hiệu “Tranh phố Bùi Xuân Phái” chính là ở thủ pháp sáng tạo độc đáo mà người xem chỉ có thể nhận biết được như một tín hiệu rất riêng trong tranh của ông. Đó là một thủ pháp khác lạ trong: Cái nhìn (góc nhìn và quan niệm về sự nhìn của ông về thế giới tự nhiên và xã hội); thủ pháp tạo hình, khối, mảng nét (hồn nhiên nhiều khi lệch lạc tưởng như là sự ngẫu thơ); thủ pháp phối màu (ưa tính đối lập mạnh mẽ trong chi tiết, nhưng lại rất hài hoà cân bằng trong tổng thể).

Tình yêu và niềm đam mê với hội họa đã giúp cho họa sĩ Bùi Xuân Phái thêm nghị lực vượt qua những năm tháng muôn trùng khó khăn. Không chỉ là khó khăn về kinh tế mà còn là sự đe dọa của chiến tranh, bom

đạn. Cùng với đó là những tác động từ thói đạo đức giả, nghệ thuật giả tạo, chủ nghĩa cơ hội diễn ra thời kỳ nhân văn giai phẩm từ 1954-1960. Theo học viên thì việc ông tự khép mình, tự độc thoại bằng MT, cũng chính từ bối cảnh nghiệt ngã này mà người nghệ sỹ đã tạo ra cho mình một cá tính riêng, đó là phong cách Bùi Xuân Phái. Dành trọn tâm trí, sức lực tình cảm cho sáng tạo nghệ thuật, mặc dù khó khăn về vật tư, họa phẩm ông có chất liệu nào thì vẽ chất liệu ấy, không nề hà miễn là hiệu quả biểu hiện của tác phẩm mang lại niềm khoái cảm cho chính ông và người xem.

Bùi Xuân Phái không bao giờ tự thỏa mãn với mình trong sáng tạo nghệ thuật, ông cho rằng một họa sỹ chân chính là người biết học hỏi không ngừng. Là một họa sỹ suốt đời khám phá những vẻ đẹp tạo hình của từng góc phố cổ ở Hà Nội, ông cũng cho thấy sự đồng điệu về một vẻ đẹp mộc mạc, thanh tao, nhưng duyên dáng, lung linh của cảnh và người ở đất Hà Thành vốn rất gắn bó với ông. Ông tự cho mình là một nghệ sỹ có nghĩa vụ là lao động sáng tạo mang lại cho người xem một sự đồng điệu, thông cảm sự chia sẻ trân trọng, có thể xem đó cũng là thái độ, trách nhiệm của người nghệ sỹ chân chính mà ông luôn hướng đến “Chính cái hay nhất của anh mới làm quần chúng thích được” [28, tr. 28]. Hay “Cái đẹp trong tranh phải là của chính anh sáng tạo chứ không phải bắt chước người khác; Giá trị nghệ thuật của anh phải do người xem khẳng định...” [28, tr. 8].

## **2.2. Vận dụng nghệ thuật tạo hình trong tranh của họa sỹ Bùi Xuân Phái vào giảng dạy mỹ thuật tại Khoa Giáo dục mầm non, trường ĐH Hồng Đức, Thanh Hoá**

### **2.2.1. Vận dụng bố cục trong tranh của họa sỹ Bùi Xuân Phái**

Trong quá trình giảng dạy và định hình những kiến thức về tìm hiểu bố cục bản thân học viên nhận thấy học sinh mình còn rất yếu và hạn chế ở khả năng sắp xếp các mảng hình trên trang giấy, cách sắp xếp những mảng hình mà mình tìm được, không bao quát được các đối tượng mình cần diễn tả. Tranh của họa sỹ Bùi Xuân Phái với đề tài khá tương đồng với những bài

tập của học sinh nên đây cũng là một gợi ý giúp học sinh tìm hiểu, hiểu hơn về cách bố cục cho một bài tĩnh vật cần những gì để tạo nên được một bức tranh đẹp có hồn, nhuần nhuyễn về cách xử lý hình khối. Không gian của bức tranh được tạo nên như thế nào cho hấp dẫn và hiệu quả.

Khi so sánh các bức tranh với nhau học viên nhận thấy có những bức tranh rất khá và ngược lại có những bức tranh vẽ rất sơ sài và yếu. Nếu xét về trình độ thì các em đều học một bài học giống nhau đều có những dụng cụ hay màu vẽ giống nhau, nhưng trong quá trình học tập, một vài em rất ham học và yêu thích môn vẽ còn một số bạn thì không hứng thú với vẽ nên làm qua loa cho xong, điều đó cần được chỉnh sửa và cần được phát triển hơn để tạo được môi trường hứng thú cho các em. Khi nhận xét tranh GV nhận thấy sự có tham khảo và tìm hiểu nên tư duy về bố cục hình khối có sự đầu tư tìm tòi hơn hẳn những bài vẽ khác. Người nghệ sĩ khi sáng tác cảm xúc là điều không thể thiếu và nó thể hiện rất rõ trên từng tác phẩm. Đối với họa sĩ Bùi Xuân Phái khi sáng tác một bức tranh thì cảm xúc là yếu tố quan trọng nhất để các tác phẩm của ông luôn luôn có hồn và xúc cảm mạnh mẽ. Chất liệu sơn dầu được ông lựa chọn để thể hiện hết những phẩm chất cũng như tài năng của ông có lẽ bởi vì sự tự do không bị gò bó của chất liệu đã giúp ông tạo nên được những tác phẩm có giá trị cho thế hệ sau này. Nhìn vào những bức tranh của học sinh ta thấy người vẽ đã biết truyền tải những nét ngây ngô trong sáng nhất về những đồ vật cũng như hình ảnh của người mẹ thân yêu mà các em được nhìn thấy trước mắt. Người vẽ tranh là người vẽ lại tình yêu của mình với cuộc sống với những vẻ đẹp của con người của thiên nhiên và vạn vật. Ở đây những bức tranh đã thể hiện được nét đẹp riêng của các em, những nét đẹp trong sáng nhất mà chỉ có các em mới cảm nhận được. Những lọ hoa, những quả chỉ là vật vô tri vô giác với người thể hiện. Tất cả các họa sĩ để thành danh được qua các tác

phẩm họ luôn gửi đến những thông điệp về tình yêu thông qua tác phẩm của mình. Không phải tự nhiên mà vẻ đẹp của các hàng phố được họa sĩ Bùi Xuân Phái thể hiện nhiều đến vậy, với ông ngắm hoa đường như là việc hít khí trời để sống, hoa hiện diện trong vô số tác phẩm của ông với vẻ đẹp nhất mà nó có được.

Để ứng dụng được việc cảm nhận bố cục trong tranh học viên nhận thấy có thể áp dụng đối với đề tài về phong cảnh thiên nhiên, bao gồm không gian sống xung quanh, cảnh vật cũng như con người. Việc vẽ hay sáng tác ra một bức tranh cần rất nhiều tư duy về bố cục cũng như tìm hiểu những hoạt động hàng ngày của các em. Các tác phẩm của họa sĩ Bùi Xuân Phái trong đề tài này gợi cho học sinh nhiều ý tưởng khác nhau. Thông qua môn học các em có thể liên hệ thực tế với những gì diễn ra xung quanh cuộc sống của các em để giúp các em nắm bắt được nhiều đặc điểm trong cảm nhận bố cục, tạo nên được hứng thú cho bài vẽ.

Để tạo được sự phấn khởi trong tiết học, mở đầu học viên sẽ không chọn cách tiếp cận truyền thống, mà học viên áp dụng phương pháp liên hệ thực tiễn, để các em có thể tự tìm hiểu bài học mới thông qua trải nghiệm thực tế qua những hoạt động hàng ngày của các em. Tiếp theo học viên sẽ sử dụng phương pháp trò chơi, đưa ra một trò chơi với chủ đề thiên nhiên và trình chiếu những bức tranh khác nhau của họa sĩ Bùi Xuân Phái. Học sinh sẽ quan sát và chọn ra những bức tranh phù hợp với mình để từ đó có thể phát triển thêm bài vẽ của mình. Thông qua hoạt động này học sinh sẽ là đối tượng hoạt động, tổ chức và tìm hiểu bài học mới dựa vào liên hệ thực tiễn và những trò chơi đã được áp dụng. Phương pháp liên hệ thực tiễn dùng trong dạy học luôn đạt hiệu quả tốt vì môn mỹ thuật là môn học gắn với thực tiễn đời sống và các em dựa vào thực tiễn có thể triển khai những kiến thức trong bài học. Qua phương pháp liên hệ thực tiễn để tạo cho các em thói quen quan sát những đồ vật phong cảnh, con người xung quanh để

khi đưa ra một vấn đề hay đề tài các em có thể tìm ra được bố cục của bức tranh không còn bỡ ngỡ thiếu tự tin.

### ***2.2.2. Vận dụng màu sắc trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái***

Môn mỹ thuật được giảng dạy tại Khoa Giáo dục mầm non với thời gian chủ yếu là để cho học sinh thực hành, trong đó có bài tĩnh vật và bài chân dung. Trong quá trình trực tiếp giảng dạy học viên nhận thấy học sinh của mình còn nhiều điểm yếu cần khắc phục, vấn đề đầu tiên là sự thụ động không ham học hỏi của học sinh và việc không tập trung coi môn mỹ thuật là môn học phụ thì việc xác định được hướng đi và hướng sáng tác cho người học, tìm hiểu phong cách phù hợp với từng cá nhân người học là yếu tố quan trọng để học sinh có thể yêu thích môn học. Là một người học nghệ thuật việc định hướng khẳng định cá tính là việc rất quan trọng bởi cần phải hiểu mình muốn gì thích gì và phù hợp với phong cách nào để tìm ra dấu ấn riêng cho từng cá nhân. Trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái một trong những danh họa có tiếng của hội họa Việt Nam hiện đại, khi các bạn học sinh được tìm hiểu có thể gây được sự hứng thú qua các tác phẩm của ông để có thêm tình yêu cho chất liệu mình được học.

Sau khi học sinh được tiếp xúc với các tác phẩm tiêu biểu của một trong những danh họa nổi tiếng của hội họa Việt Nam dường như cách nhìn nhận sáng tác cũng được gợi mở học hỏi trong cách thể hiện về bố cục và màu sắc trong bức tranh. Điểm yếu và bồi rối trong cách sử dụng màu trên tranh vẽ của các em dường như được khắc phục và tốt lên rất nhiều. Bởi trước đây học sinh lúng túng trong cách vận dụng màu đơn sắc, thì nay nhìn vào các bài tập đã thấy có những điểm sáng trong cách học hỏi thể hệ đi trước để đưa màu về tông và gam nhuần nhuyễn hơn. Đây là kết quả quá trình kiên trì cho học sinh làm quen với việc nghiên cứu và tìm hiểu về những tác giả lớn của hội họa Việt Nam từ đó rút ra được những bài học



hữu ích cho bản thân truyền tải được việc kế thừa và phát huy tốt bài học của thế hệ họa sĩ ưu tú trước đây.

Nhìn vào tranh của các em thấy vẫn còn những ngây ngô trong sử dụng hình mảng nhưng đã biết khai thác các yếu tố trang trí và các mảng màu đơn giản để phù hợp với bài vẽ tranh của các em. Cũng như cách dùng màu cũng biết sử dụng những màu mang tính đặc trưng và truyền thống của chất liệu. Qua những bài học thực hành như thế này có thể sẽ có những em cảm thấy được đam mê với môn học mà trước đây chưa từng được biết đến, có thể có những em vì đam mê đó mà gắn bó với một bộ môn nghệ thuật và có thể sau này các em sẽ trở thành những họa sĩ trong tương lai. Đó cũng là một trong những thành công cho việc khơi nguồn những đam mê, là niềm tự hào của những người mang kiến thức mới đến cho các thế hệ tương lai.

Khi áp dụng việc cảm nhận về màu sắc trong tranh của Bùi Xuân Phái vào dạy học, học viên nhận thấy có thể áp dụng được kỹ thuật mảnh ghép, sau khi học sinh đã chọn ra được cho mình những bức tranh với bố cục phù hợp với khả năng sáng tạo của các em. Học viên sẽ cho các em thảo luận theo hai nhóm để tìm ra được những hoạt động cụ thể hay ý nghĩa của từng mảng miếng màu sắc trong tranh, từ đó có thể áp dụng những màu sắc đặc trưng vào bài vẽ của mình. GV đưa ra câu hỏi cho HS trả lời: màu sắc trong tranh các em quan sát được là những màu gì? Có những mảng màu lớn, nhỏ nào trong tranh? Có những màu nào mà em yêu thích nhất? HS sẽ theo cảm xúc của mình mà đưa ra câu trả lời. Thông qua những hoạt động cũng như kỹ thuật dạy học đã áp dụng, thì việc tiếp thu các giá trị trong các tác phẩm tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái sẽ tạo cho học sinh nhìn nhận những mảng miếng màu sắc ở những góc độ khác nhau, từ đó có thể áp dụng những màu sắc đó vào bài vẽ là cho bức tranh thêm phần sống động, tư duy các em sẽ được gợi mở và chủ động hơn trong việc vẽ màu.

### ***2.2.3. Vận dụng về đường nét trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái***

Trong khi sáng tác một bức tranh thì đường nét là yếu tố quan trọng trong việc quyết định nên vẽ đẹp và sự độc đáo trong bức tranh. Một bài vẽ tranh ngoài việc sắp xếp bố cục chặt chẽ thì cách tạo hình đường nét sao cho hợp lí, cân đối, biết cách khai thác và phân phối một cách hợp lí các hình với nhau trong một tổng thể chặt chẽ.

Tùy theo yêu cầu của đề tài, học sinh chọn ra cho mình những mảng miếng yêu thích của mình để thể hiện lên tác phẩm của mình. Bút pháp cũng như cách sắp xếp bố cục, hình mảng, đường nét trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái rất tỉ mỉ và chau chuốt. Việc học hỏi cách thể hiện đường nét trong tranh của ông để áp dụng cho bài học cần được nhân rộng. Khi chú ý đến bút pháp mà ông thể hiện trên tranh, học sinh sẽ cải thiện được lối vẽ sao chép tranh, cách vẽ thiếu tự nhiên, khô khan. Cách viền nét của các nhóm người, nhóm hình, mảng chính, phụ trong tranh đều có sự cân nhắc, tìm nét phù hợp với từng hình mảng. Khai thác đường nét trong tranh của Bùi Xuân Phái khá phù hợp với phong cách vẽ của học sinh các lứa tuổi từ mầm non cho đến tiểu học, THCS. Ngoài ra, những yếu tố đó còn phụ thuộc vào tình cảm cũng như tính cách của từng em học sinh nên trong khi vẽ tranh các em không nên chỉ vẽ một kiểu mà có thể dùng nhiều cách vẽ phương thức vẽ khác nhau trong bài học.

Tuy ở bài vẽ trên lớp chưa đòi hỏi tính thẩm mỹ cao, song không vì thế mà các em có thể lơ là chủ quan với bài học, với mỗi bài học, học sinh cần phải luyện cho mình tính tự giác, tinh thần quyết tâm hoàn thành bài học. Kỹ thuật sử dụng bút hay màu để vẽ với những nét vẽ to, nhỏ áp dụng kiến thức đã học về cách sử dụng mảng miếng phù hợp sẽ tạo cho các em những kỹ năng cơ bản để biết cách vẽ một bức tranh đẹp trong đó có dấu ấn riêng của mình.

Thông qua việc ứng dụng đường nét trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái vào dạy học mỹ thuật, học viên nhận thấy có thể áp dụng yếu tố đường nét để sáng tác các bài vẽ theo chủ đề phong phú khác nhau như tranh phong cảnh, tranh sinh hoạt, đối với các học sinh có năng khiếu vẽ có thể nâng cao trong bài vẽ tranh chân dung.

Để vẽ một bối cảnh gia đình là một chủ đề thực tế dễ dàng tiếp cận với học sinh, học sinh có thể thay phiên nhau đưa ra những thông tin hữu ích về gia đình của mình và gọi lên những không gian trong nhà, thông qua những ý kiến của học sinh, giáo viên có thể hướng dẫn cho học sinh nên đưa những hình gì mảng miếng nào cho phù hợp với một không gian gia đình ấm cúng.

Khi vẽ học sinh có thể sử dụng những đường nét cơ bản như đường thẳng, đường ngang, đường cong, lượn và sắp xếp, xử lý kỹ thuật vẽ sao cho phù hợp với những mảng chính, mảng phụ có thể là người, là vật, là không gian... Vậy qua phần tìm hình và chọn lọc đường nét phù hợp, các em có thể vừa tìm hiểu được tranh, các hình mảng màu sắc trong tranh, liên hệ với thực tiễn và định hình được là mình sẽ vẽ gì lên bức tranh. Các em được tương tác với nhau, hỗ trợ nhau cùng phát triển, cùng sáng tạo thông qua kỹ thuật tạo hình trong tranh. Giáo viên sau khi hoạt động nhóm sẽ khích lệ động viên để các em có tinh thần phát triển hơn trong những giờ học sau.

### **2.3. Thực nghiệm vận dụng nghệ thuật tạo hình trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái trong dạy học môn mỹ thuật tại Khoa Giáo dục mầm non, trường ĐH Hồng Đức, Thanh Hoá**

Thông qua những giá trị nghệ thuật tạo hình trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái, học viên cho HS tìm hiểu những nét độc đáo, đặc trưng trong tranh của họa sĩ ở một số tác phẩm điển hình và ứng dụng linh hoạt vào dạy học tại Khoa Giáo dục mầm non, trường ĐH Hồng Đức nhằm nâng

cao năng lực, phát huy tính sáng tạo, cảm thụ thẩm mỹ, hình thành phẩm chất yêu nước, tự hào dân tộc.

### **2.3.1. Mục tiêu thực nghiệm**

Thực nghiệm sư phạm là kết quả so sánh sự tác động của nhà khoa học lên một nhóm lớp - gọi là nhóm thực nghiệm - với một nhóm lớp tương đương không được tác động - gọi là nhóm đối chứng. Các nhóm thực nghiệm trở thành các nhóm đối chứng và ngược lại, đó là kết quả thuyết phục của nhà nghiên cứu sau một đợt nghiên cứu, có thể hoán đổi vai trò của hai lớp với nhau.

Trên cơ sở những nội dung đã nghiên cứu, phân tích và đưa những yếu tố tạo hình của họa sĩ Bùi Xuân Phái ứng dụng vào trong dạy học phần MT đối với sinh viên ngành Giáo dục mầm non, học viên đã tiến hành thực nghiệm sư phạm những vận dụng trên nhằm đánh giá hiệu quả tác phẩm ứng dụng của sinh viên dựa trên các yếu tố tạo hình mang tính thẩm mỹ và tính sáng tạo. Đồng thời đánh giá kiến thức và khả năng phát huy nghệ thuật, sử dụng bút pháp, màu sắc của Bùi Xuân Phái trong tranh người học.

Giúp người thực hiện thực nghiệm đạt kết quả sau khi tổ chức các tiết học thực nghiệm để có thể chắc chắn đề xuất với cấp trên ứng dụng vào dạy học theo đề tài với phương thức vận dụng những giá trị tạo hình trong tranh họa sĩ nổi tiếng vào chủ đề bài học cụ thể. Thông qua quá trình thử nghiệm áp dụng nghệ thuật tạo hình trong tranh họa sĩ Bùi Xuân Phái vào dạy học theo chủ đề cho học sinh, học viên sẽ giúp học sinh có khả năng khám phá, tìm hiểu và yêu thích môn học hơn đồng thời cảm nhận được vẻ đẹp của phong cảnh bên ngoài cuộc sống, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và biết giữ gìn, trân trọng, bảo vệ môi trường.

Khi đã có những kết quả khởi đầu trong quá trình nghiên cứu mà vẫn cần khẳng định lại cho chắc chắn kết luận đã nêu ra thì việc thực nghiệm sư phạm được sử dụng. Để tiến hành đánh giá những thay đổi trong quá trình

nghiên cứu trên học viên đã dùng những biện pháp đã đề xuất trong nghiên cứu của mình.

### **2.3.2. Nhiệm vụ, nội dung và kế hoạch thực nghiệm**

#### **2.3.2.1. Nhiệm vụ thực nghiệm**

Nhiệm vụ thực nghiệm: Đánh giá khả năng, tinh thần, khả năng lĩnh hội kiến thức và thái độ học tập của học sinh khi áp dụng phương pháp mới.

Đánh giá hiệu quả của tiến trình dạy học khi áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

#### **2.3.2.1. Nội dung thực nghiệm**

Nội dung thực nghiệm: HS tìm hiểu được những giá trị nghệ thuật tạo hình trong tranh khắc gỗ của họa sĩ Bùi Xuân Phái, ứng dụng nghệ thuật tạo hình trong tranh của họa sĩ vào các bài học thực tế hay ứng dụng vào cuộc sống nhằm nâng cao năng lực, phát triển phẩm chất tốt đẹp cho HS thông qua hoạt động giáo dục:

- Nhắc lại các kiến thức MT cơ bản: Về khái niệm vẽ tranh đề tài, tranh minh họa cốt truyện, tranh tĩnh vật, tranh chân dung. Nêu được các nguyên tắc thể hiện khi vẽ tranh và các bước tiến hành khi làm bài tập.

- Giới thiệu về nghệ thuật trong tranh của Bùi Xuân Phái thể hiện trong MT hiện đại ngày nay.

- Đặc điểm của các yếu tố tạo hình trong nghệ thuật của ông.

- Cách sử dụng, màu sắc, bút pháp của họa sĩ, cách khai thác các yếu tố tạo hình theo chủ đề trên chất liệu sơn dầu và màu nước.

- Theo sát, hướng dẫn, nhận xét và khuyến khích sự sáng tạo trong quá trình làm bài.

- Thu kết quả sản phẩm tạo hình của từng loại bài và tổ chức đánh giá sản phẩm khảo sát về vận dụng các yếu tố trong vẽ tranh theo đề tài.

#### **2.3.2.1. Kế hoạch thực nghiệm**

Trong khuôn khổ của đề tài, học viên tiến hành thực nghiệm trên 2

lớp, đó là K23A (nhóm thực nghiệm) và K23B (nhóm đối chứng), năm thứ 2 ngành GDMN, trường Đại học Hồng Đức. Tiến hành các nội dung lên lớp, lí thuyết dạy bình thường theo chương trình đào tạo hiện nay Nhà trường đang áp dụng cho khóa K23 đối với nhóm đối chứng. Số lượng sinh viên là:

+ Nhóm thực nghiệm: 45 SV

+ Nhóm đối chứng: 40 SV.

Giảng viên dạy: Lê Thị Kim Tuyên, Bộ môn mỹ thuật, khoa Giáo dục mầm non. Thời gian dạy: 3 tuần /1 bài, tổng số giờ: 63 tiết.

Bài học phân môn MT cơ bản. Một nhóm (nhóm thực nghiệm) sẽ tiến hành ứng dụng các yếu tố tạo hình trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái như màu sắc, bút pháp, hình ảnh trong tranh... vào trong nội dung bài học. Nhóm còn lại sẽ học theo bình thường, không yêu cầu sử dụng nghệ thuật trong tranh của Bùi Xuân Phái.

Trong dạy học thực nghiệm, GV tổ chức các hoạt động dạy học thể hiện rõ vai trò tích cực, chủ động của SV dưới sự hướng dẫn của GV nhằm đạt mục tiêu bài học. GV sử dụng các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy chiếu, bài mẫu để đạt kết quả tốt nhất. Tại nhóm thực nghiệm, đối chứng đều lấy ý kiến đánh giá sau khi kết thúc từng bài.

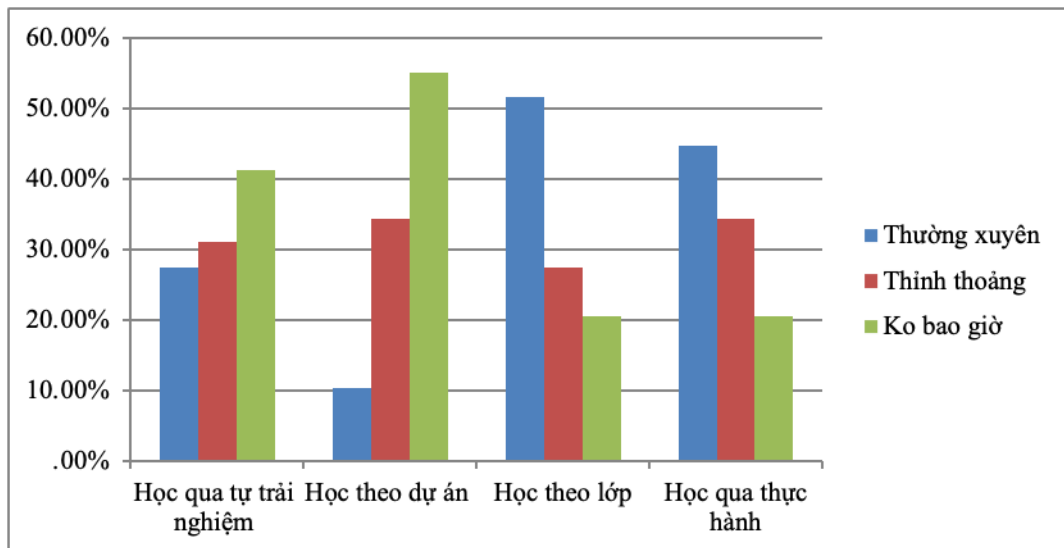
### ***2.3.3. Khảo sát về phương pháp dạy học và nội dung vận dụng***

Nhằm triển khai nội dung nghiên cứu của đề tài, học viên đã tiến hành thực hiện dạy học thực nghiệm theo đề cương chi tiết môn MT cơ bản, hệ Đại học, chuyên ngành GDMN, trường Đại học Hồng Đức.

Theo chương trình đào tạo GDMN ban hành năm 2019 học phần MT cơ bản sẽ thực hiện vào kì 4, tức là kì 2 của năm thứ 2 hệ Đại học. Để thực hiện nội dung nghiên cứu, học viên đã tiến hành khảo sát trên 29 CBGV khoa GDMN về việc vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong quá trình dạy học, mục đích là học viên muốn biết với các môn học khác có vận

dụng hay không? Hiệu quả của việc vận dụng như thế nào? Thông qua khảo sát này học viên muốn nắm được là các em sinh viên đã được tiếp cận với các phương pháp dạy học tích cực của môn học khác có cảm nhận gì so với môn MT khi vận dụng các PPDH tích cực và hình thức tổ chức dạy học tích cực. Thông qua phiếu thăm dò về mức độ sử dụng PPDH tích cực và hình thức tổ chức dạy học mới thuật thể hiện qua các phương pháp dạy học như: Học tập theo nhóm, học theo lớp, học qua tự trải nghiệm, học qua quá trình thực hành, học qua phân tích, học qua tự vận dụng, học qua quan sát, học theo hợp đồng, học theo dự án, học theo góc thu nhận lại kết quả theo phụ lục 2 trang 95 và thể hiện theo sơ đồ như sau:

**Biểu đồ 2.1: Khảo sát thăm dò về mức độ sử dụng PPDH tích cực**



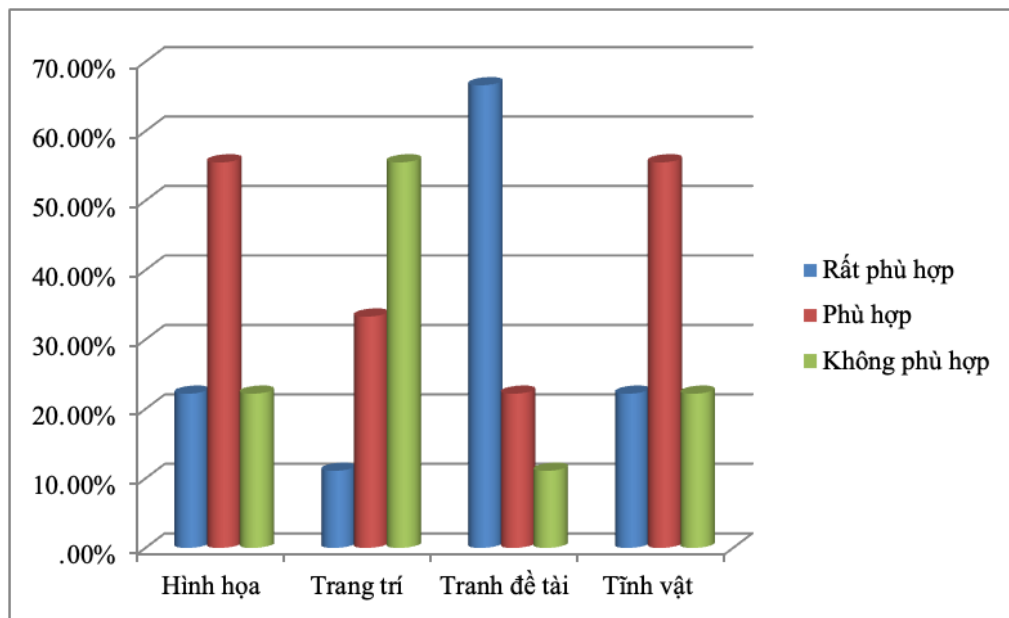
*Nguồn: Tác giả (2022)*

Thông qua phiếu khảo sát về mức độ sử dụng các PPDH tích cực và dạy học truyền thống trong dạy học nói chung và trong dạy học MT nói riêng của 29 CBGV trong khoa đang trực tiếp giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo GV mầm non, nhận thấy rằng khảo sát ở một số phương pháp dạy học thì cho thấy tỉ lệ sử dụng PPDH tích cực là có nhưng đang ở tỉ lệ thấp hơn so với các phương pháp dạy học truyền thống. Đa phần những PP dạy học như dự án, góc, học qua trải nghiệm đang còn ít

GV lồng ghép vào trong giảng dạy các học phần. Mà bên cạnh đó những PP truyền thống như quan sát, vấn đáp, thực hành tỉ lệ sử dụng vẫn đang chiếm ưu thế.

Cùng với việc khảo sát về mức độ sử dụng các PPDH tích cực và PPDH truyền thống trong chương trình GDMN thì học viên cũng tiến hành khảo sát về tính phù hợp của nội dung bài học trong chương trình môn MT cơ bản ngành GDMN theo hướng vận dụng, nội dung khảo sát được thể hiện qua phụ lục 3 trang 96 và được thể hiện qua sơ đồ như sau:

**Biểu đồ 2.2: Khảo sát CBGV về tính phù hợp của nội dung vận dụng**



*Nguồn: Tác giả (2022)*

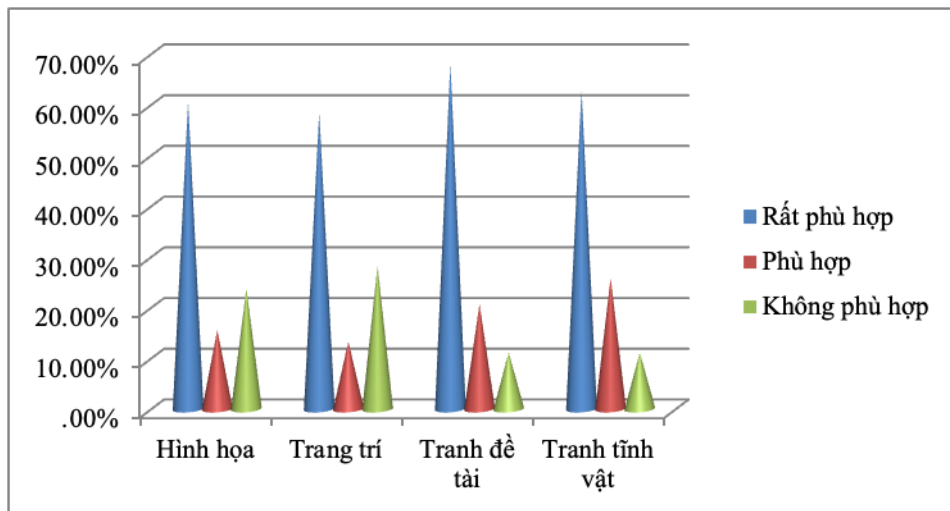
Nhìn vào sơ đồ biểu thị kết quả ta nhìn thấy rằng đa số CBGV trong tổ bộ môn MT đều nhìn nhận thấy rằng tính phù hợp ở nội dung học phần MT cơ bản là có thể vận dụng được các yếu tố tạo hình trong sáng tác nghệ thuật của các họa sĩ nổi tiếng thời kỳ vàng của nền mỹ thuật Việt Nam, trên cơ sở đó học viên cũng đã có sử dụng các phương pháp dạy học tích cực và PPDH truyền thống để vận dụng vào nội dung dạy học cụ thể theo như đã trình bày ở những mục trên. Trong đó nội dung bài học thuộc thể loại trang trí đều nhận được sự đồng thuận của CBGV trong bộ môn là ít có thể vận



dụng được các yếu tố nghệ thuật của Bùi Xuân Phái, chỉ một số ít cho rằng có thể khai thác yếu tố màu sắc trong tranh họa sĩ để biểu đạt cho bài tập của mình, nhưng trong trang trí mầm non thì cần ưu tiên những gam màu sáng, trong mang tính nổi bật thì tranh của phố Phái lại ít bộc lộ điều đó.

Song song với khảo sát đối với CBGV trong bộ môn MT về tính phù hợp trong giảng dạy thì học viên cũng tiến hành thực nghiệm trên 135 em SV K23A, B, C, D. Khảo sát ngẫu nhiên trên toàn khóa gồm 4 lớp tiến hành từ đầu học kì trước khi các em nhập môn học, để nắm bắt nhu cầu và sự hứng thú, và nhu cầu của các em sinh viên trước môn học. Qua phụ lục 4 trang 89. Học viên thu nhận kết quả về 4 thể loại trang trí, vẽ tranh đề tài, vẽ tĩnh vật, vẽ hình họa và biểu thị trên biểu đồ như sau:

**Biểu đồ 2.3: Khảo sát SV về tính phù hợp nội dung vận dụng**



*Nguồn: Tác giả (2022)*

Sau khi tiến hành thực nghiệm sinh viên về tính phù hợp nội dung những bài học có thể vận dụng được những yếu tố tạo hình của họa sĩ thì thấy rằng đa số các em sinh viên đều đánh giá rằng rất phù hợp với việc vận dụng chiếm 50% là được, trong đó tỉ lệ chiếm cao nhất mà các em thể hiện qua phiếu khảo sát là nội dung vẽ tranh đề tài chiếm 68.1%, nội dung

vẽ tranh tĩnh vật và vẽ trang trí các em cho rằng tỉ lệ vận dụng là thấp chiếm 11.1%.

Vậy trên tinh thần khảo sát chuyên môn đối với đối tượng là CBGV trong toàn khoa và GV bộ môn mỹ thuật, sinh viên ngẫu nhiên khóa K23 ĐHGDMN cho thấy rằng thực tiễn chương trình đào tạo là có sự đổi mới của giảng viên và sinh viên tuy nhiên sự đổi mới đó đang còn chậm, tồn đọng là môn MT, một trong những nội dung hoạt động chủ đạo ở trường mầm non nhưng chưa được đầu tư, phải chăng là do đội ngũ giảng viên có chỉ số già về độ tuổi nên ngại nắm bắt triển khai, độ tuổi trẻ mạnh dạn lồng ghép những nội dung dạy mang hướng vận dụng thì một số thầy cô cho rằng như thế là rất khó trong quá trình dạy. Tuy nhiên, trong phạm vi đề tài nghiên cứu cho phép học viên đã tiến hành thực nghiệm giữa 2 lớp để đồng thời có những đánh giá đúng đắn nhất về quan điểm vận dụng vào nội dung chương trình môn MT cơ bản hiện nay đang thực hiện tại cơ sở đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng thực hành đáp ứng năng lực chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của Nhà trường nói chung và khoa GDMN nói riêng.

#### **2.3.4. Các nguyên tắc dạy học môn Mỹ thuật tại trường Đại học Hồng Đức**

Dưới đây là một số nguyên tắc dạy học Mỹ thuật tại trường ĐH Hồng Đức. Ngoài việc dựa vào những kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn còn phải căn cứ vào các nguyên tắc cơ bản sau:

*Đảm bảo tính thực tiễn:* Nguyên tắc này GV giúp SV vận dụng những kiến thức đã học vào tác phẩm theo như cảm nhận của SV.

*Đảm bảo sự thống nhất giữa tính trực quan và tính khái quát:* GV kết hợp trực quan/hình ảnh và thị phạm để SV được quan sát, dễ hiểu, dễ nhớ và áp dụng được.

*Đảm bảo sự thống nhất giữa các cá nhân với tập thể:* GV tổ chức dạy học bằng các hoạt động phong phú để SV thực hành, thảo luận, trải nghiệm cùng nhau qua đó SV tác động lẫn nhau cho ra các ý tưởng phong phú.

*Đảm bảo tính khoa học:* để đạt được hiệu quả trong việc nghiên cứu và vận dụng, cần phải dựa trên những cơ sở và nghiên cứu khác nhau. Cần xác định cụ thể thời gian, đối tượng, mục tiêu cần đạt và các biện pháp vận dụng.

*Đảm bảo tính khả thi:* Các biện pháp vận dụng hội họa trừu tượng của họa sĩ Bùi Xuân Phái vào dạy học tại Trường ĐH Hồng Đức cần bám sát với chương trình học, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của địa phương, của nhà trường. Dựa trên năng lực của đội ngũ GV Mỹ thuật và trình độ nhận thức của SV trong nhà trường để đảm bảo các biện pháp mang tính khả thi.

*Đảm bảo tính đồng bộ hệ thống:* Biện pháp vận dụng hội họa trừu tượng của họa sĩ Bùi Xuân Phái vào dạy học Mỹ thuật tại Trường ĐH Hồng Đức cần có sự nhất quán đồng bộ, tránh sự chông chéo trong khi tổ chức thực hiện.

*Đảm bảo tính hiệu quả:* Các biện pháp nghiên cứu trong đề tài cần phù hợp và triển khai thực hiện đồng bộ đem lại kết quả trong quá trình vận dụng hội họa của họa sĩ Bùi Xuân Phái vào dạy học Mỹ thuật tại trường ĐH Hồng Đức, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

### **2.3.5. Tổ chức thực nghiệm sư phạm**

#### **2.3.5.1. Quy trình**

Bước 1: Chọn lớp thực nghiệm và lớp đối chứng.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch thực nghiệm và chuẩn bị giáo cụ trực quan nhằm phục vụ cho quá trình thực nghiệm.

Bước 3: Tiến hành thực nghiệm trên lớp thực nghiệm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực qua các tác phẩm hoàn thiện, thái độ của SV trong quá trình học.

#### **2.3.5.2. Tiến hành thực nghiệm**

*Đối với lớp tiến hành dạy thử nghiệm:* sau thời gian học lý thuyết trên lớp đến phần thực hành thì giảng viên tổ chức yêu cầu học sinh quan

sát và ghi chép và tập ký hoạ quang cảnh thiên nhiên quanh cuộc sống để làm tư liệu cho bài thực hành. Yêu cầu khi lên lớp sinh viên mang theo những ghi chép ký hoạ để cùng trao đổi, nhìn lại và cùng góp ý cho nhau. Trong quá trình dạy và học trên lớp giảng viên có thể áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như:

+ Phương pháp quan sát, trực quan, gợi mở (những tranh mẫu về tranh phố, tranh phong cảnh, tranh chân dung của hoạ sĩ Bùi Xuân Phái, các bài bố cục, bài kí hoạ có hình ảnh đẹp rồi để sau đó có thể sắp xếp chúng thành bố cục tranh, giảng viên vẽ thị phạm trên bảng...).

+ Phương pháp so sánh, phân tích (các bài mẫu minh hoạ).

+ Phương pháp tự kiểm tra đánh giá kết quả, thực hành luyện tập (khi đã có kết luận về bài thực hành của SV, SV tự nhận xét và cho ý kiến về bài tập của những SV khác).

Ngoài ra để đạt kết quả tốt hơn bản thân học viên vận dụng thêm một số phương pháp học hợp tác theo nhóm để phát huy được tính tích cực, chủ động, phát triển năng lực của học sinh.

Giảng viên chia từng nhóm nhỏ (4-6 sinh viên/ 1 nhóm). Các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ riêng của mình như mỗi bạn ký hoạ ít nhất 2-3 phong cảnh thiên nhiên hoặc quang cảnh đường phố, sau đó tiến hành tập hợp lại, lựa chọn các mẫu có tương quan chung về bố cục, hoà sắc, các nhóm chính nhóm phụ trong tranh. Ngoài ra có có một vài tiêu chí chung của nhóm như là nhóm thể hiện gam màu nóng, màu lạnh hoặc nhóm vẽ theo phong cách bút pháp hay cường điệu hoá... thể hiện cá tính trong tranh của mình...

+ *Bước 1. Làm việc chung cả lớp.*

Giảng viên chia nhóm, xác định mục tiêu, quy định thời gian.

+ *Bước 2. Làm việc theo nhóm.*

Các nhóm cử nhóm trưởng, lập kế hoạch làm việc cùng các thành viên.

Từng cá nhân nhận nhiệm vụ và làm việc cá nhân.

Trao đổi ý kiến, thảo luận trong nhóm.

+ *Bước 3. Thảo luận đưa ra ý kiến chung, hoặc kết quả làm việc.*

Nhóm cử đại diện trình bày kết quả của nhóm mình.

Các nhóm lắng nghe, quan sát và bổ sung.

Giảng viên nhận xét.

Sau thời gian thực hiện hoạt động cùng nhau, các nhóm đã hoàn thiện tác phẩm của mình và tiến hành trình bày.

*\* Thực nghiệm dạy học chủ đề: Vẽ tranh – Bài: Đề tài tranh phong cảnh bốn mùa*

1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, kiểm tra đồ dùng học tập, sự chuẩn bị của sinh viên.

2. Bài mới

### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Để tạo tâm lý thoải mái, hứng khởi và kích thích tính tò mò cho SV khi bước vào bài mới, GV tổ chức cho SV chơi trò chơi khởi động, GV chuẩn bị một bức tranh ghép về phong cảnh, mỗi mảnh ghép là một câu hỏi liên quan đến bức tranh nhằm mục đích tìm ra từ khóa cuối cùng liên quan đến bài học. Các câu hỏi liên quan như: Một năm có mấy mùa? Sự khác biệt của bốn mùa thông qua thời tiết như thế nào? Sự khác biệt của bốn mùa thông qua thiên nhiên như thế nào? GV sẽ gọi các bạn, lật từng ô, mỗi ô sẽ hỏi và các bạn trả lời, khi bức tranh hiện ra thì sẽ ứng với câu hỏi cuối cùng là chìa khóa đi vào bài học.

Trò chơi diễn ra trong 2 phút, kết thúc trò chơi, từ những câu hỏi và chìa khóa của trò chơi GV dẫn dắt, giới thiệu với SV vào bài học mới.

### HOẠT ĐỘNG 2: HƯỚNG DẪN QUAN SÁT- NHẬN XÉT

GV cho SV quan sát một số tranh phong cảnh, tranh phố của họa sĩ Bùi Xuân Phái để sinh viên có thể tìm hiểu về màu sắc, đường nét, cảm

nhận được vẻ đẹp trong tranh, giá trị nghệ thuật trong tranh và vận dụng đường nét trong tranh họa sĩ Bùi Xuân Phái vào thực hành in tranh thủ ấn “Đề tài tranh phong cảnh bốn mùa”.

Một số tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái

+ Tác phẩm: *Xe bò trong phố cổ* được sáng tác năm 1972 bằng chất liệu sơn dầu [PL.9; H2.1; tr.116]

+ Tác phẩm: *Ngõ Phát lộc 2* được sáng tác năm 1968 bằng chất liệu sơn dầu [PL.9; H2.4; tr.117]

+ Tác phẩm: *Trung thu* được sáng tác năm 1982 bằng chất liệu sơn dầu [PL.8; H1.10; tr.112]

+ Tác phẩm: *Phố vùng cao* được sáng tác năm 1968 bằng chất liệu sơn dầu [PL.8; H1.7; tr.111]

+ Tác phẩm: *Hồ Gươm* được sáng tác năm 1968 bằng chất liệu sơn dầu [PL.8; H1.6; tr.110]

GV khuyến khích SV khám phá đường nét trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái bằng những câu hỏi gợi mở như:

GV: Bức tranh trên họa sĩ Bùi Xuân Phái vẽ những gì?

SV: Trả lời câu hỏi gợi mở.

GV: Cảm nhận về đường nét trong tranh của họa sĩ?

SV: Trả lời câu hỏi gợi mở.

GV: Cảm nhận về màu sắc trong tranh họa sĩ?

SV: Trả lời câu hỏi gợi mở.

GV: Đường nét, màu sắc trong tranh họa sĩ có gì đặc biệt?

SV: Trả lời câu hỏi gợi mở.

GV: Nêu cảm nhận chung về tranh của họa sĩ?

SV: Trả lời câu hỏi gợi mở.

GV: Tóm tắt tổng quát lại nội dung.

SV: Quan sát, ghi nhớ.

GV nêu câu hỏi gợi mở để SV tìm tòi, hiểu thêm về dòng tranh in khắc gỗ (Giả chất liệu khắc gỗ) và đường nét, màu sắc trong tranh họa sĩ Bùi Xuân Phái.

GV cho SV quan sát một số tranh phong cảnh hoặc ảnh chụp phong cảnh để SV quan sát. GV đặt những câu hỏi gợi mở cho HS như:

Cảm nhận thế nào về những bức tranh, bức ảnh phong cảnh?

Màu sắc, đường nét trong tranh, ảnh?

SV suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu hỏi gợi mở của GV từ đó nâng cao năng lực thẩm mỹ, tư duy sáng tạo, cảm thụ nghệ thuật cho SV.

GV chốt lại kiến thức cho học sinh thấy được vẻ đẹp của tranh với đường nét chuyển động gợi tả chất, màu sắc độc đáo gợi không gian được thể hiện trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái, định hướng được màu sắc, đường nét quyết định không gian, thời gian trong tranh.

### HOẠT ĐỘNG 3: CÁC BƯỚC VẼ TRANH PHONG CẢNH

GV: Cho sinh viên xem hình ảnh, tranh minh họa các bước vẽ tranh phong cảnh và cho SV trình bày lại các bước.

SV: Trình bày theo cách nhìn nhận của cá nhân.

Giảng viên chốt lại kiến thức để học sinh nắm bắt được quy trình vẽ tranh phong cảnh.

Bước 1: Tìm tranh, phác thảo tranh, chuẩn bị đồ dùng để vẽ tranh.

Bước 2: Can hình (vẽ hình) lên giấy

Bước 3: Dùng màu vẽ theo nét đã can trên hình.

Bước 4: Vẽ các mảng màu theo phác thảo sẵn.

Bước 5: Hoàn thiện bài vẽ

SV: Lắng nghe, theo dõi để nắm bắt các bước và quy trình thực hiện để vận dụng màu sắc và đường nét trong tranh sơn dầu của họa sĩ Bùi Xuân Phái thực hành vẽ tranh với bài học: “Vẽ tranh phong cảnh bốn mùa”.

### HOẠT ĐỘNG 4: HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

Giảng viên chia nhóm đôi để thực hành.

SV: Chia nhóm theo yêu cầu của giảng viên

GV yêu cầu học sinh lựa chọn phác thảo, tranh ảnh phong cảnh vận dụng màu sắc, đường nét trong tranh họa sĩ Bùi Xuân Phái vào đề tài vẽ tranh phong cảnh.

SV phác thảo tranh, tìm tranh (đã được dặn dò từ tiết trước)

GV gọi mở cho SV:

- + Thời tiết bốn mùa ra sao?
- + Hoà sắc trong những bức tranh bốn mùa thường như thế nào?
- + Những bức tranh phong cảnh thường được lột tả bằng những đường nét ra sao?

SV suy nghĩ, thảo luận để tìm ra hướng phù hợp để thực hiện thực hành vẽ tranh phong cảnh của nhóm mình.

GV chốt lại kiến thức để SV nắm bắt thực hành.

SV lựa chọn phác thảo, tranh ảnh để thực hành in tranh giả chất liệu khắc gỗ “Đề tài phong cảnh bốn mùa” vận dụng đường nét, màu sắc trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái và thực hành theo nhóm.

SV bắt đầu thực hành theo nhóm.

GV quan sát, hỗ trợ kịp thời các sinh viên còn lúng túng hay gặp khó khăn trong quá trình thực hành.

#### HOẠT ĐỘNG 5: ĐÁNH GIÁ - CHIA SẺ - THẢO LUẬN

Giảng viên chọn một số bài và trưng bày lên bảng.

Các nhóm cử đại diện SV lên thuyết trình sản phẩm.

Giảng viên tổ chức cho các nhóm đánh giá chéo theo phiếu:

TIÊU CHÍ	ĐIỂM TIÊU CHÍ	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC			
		NHÓM 1	NHÓM 2	NHÓM 3	NHÓM 4
Ý tưởng	20				
Thẩm mỹ (Bố cục, màu sắc, tạo hình,...)	60				
Biểu đạt trong tranh	20				
Tổng điểm	100				



Giảng viên tổng hợp lại ý kiến, nhắc củng cố lại kiến thức, nội dung bài học,

Động viên khích lệ nhóm có sản phẩm tốt, những nhóm có kết quả kém hơn thì động viên, khích lệ, hướng dẫn cho các sinh viên về sửa lại những điểm chưa đạt để sản phẩm hoàn thiện tốt hơn.

GV dặn dò SV về nhà vẽ một số tranh phong cảnh theo mùa khác nhau quan sát từ hiện thực cuộc sống.

SV: Ghi nhớ dặn dò.

GV dặn dò SV chuẩn bị bài học sau.

SV: Ghi nhớ.

*\* Thực nghiệm dạy học chủ đề: Vẽ theo chủ đề – Bài: Vẽ chân dung người thân.*

1. Ổn định tổ chức lớp: Kiểm tra sĩ số, kiểm tra đồ dùng học tập, sự chuẩn bị của sinh viên.

2. Bài mới

### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Để gây hứng thú, thu hút sinh viên vào bài giảng, GV tổ chức cho SV khởi động với trò chơi “Ghép hình”. GV chuẩn bị 4 bức ảnh về tranh chân dung của họa sĩ Bùi Xuân Phái.

Tranh thứ nhất: Tranh Chân dung tự họa, họa sĩ Bùi Xuân Phái (1985).

Tranh thứ hai: Tranh Chân dung thiếu nữ (1986)

Tranh thứ ba: Tranh Chân dung thiếu nữ 3 (1965)

Tranh thứ tư: Tranh Họa sĩ (1967)

Tất cả 4 bức tranh đều đã được cắt rời thành các mảnh nhỏ.

GV chia thành 4 đội chơi, mỗi nhóm sẽ là một đội, đại diện các đội sẽ lên để thực hiện ghép bức tranh của đội mình trong thời gian 1 phút, sau

1 phút đại diện các đội về vị trí để cả lớp nhận xét và bình chọn đội nào xếp đúng nhất, nhanh nhất.

Giảng viên cho SV nhận xét về những bức ảnh trên, từ đó GV dẫn dắt SV vào bài học “Vẽ chân dung người thân” thông qua phong cách vẽ chân dung của họa sĩ Bùi Xuân Phái có tạo hình, bố cục và màu sắc giản đơn mang tính biểu tượng cao. Đường nét trong tranh giản lược, ông bắt đặc điểm của từng nhân vật thông qua các biểu hiện cảm xúc như vui, buồn, giận dữ... thần thái ấy được ông diễn tả qua đôi mắt.

## HOẠT ĐỘNG 2: HƯỚNG DẪN QUAN SÁT- NHẬN XÉT VÀ TÌM ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT

GV: khuyến khích học sinh khám phá về bố cục, màu sắc, đường nét, không gian trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái bằng những câu hỏi gợi mở như:

Giảng viên phân tích: Những bức tranh trên của họa sĩ Bùi Xuân Phái vẽ về những người thân, người bạn của họa sĩ.

GV: Đường nét tạo hình khuôn mặt như thế nào?

GV: Màu sắc trong tranh được họa sĩ Bùi Xuân Phái thể hiện như thế nào?

GV: Anh/ chị cảm nhận gì về chất cảm trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái?

Từ những gợi mở đó, SV sẽ tìm hiểu và trả lời. GV chốt lại kiến thức để học sinh nắm bắt được những giá trị về màu sắc, đường nét, không gian trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái, đó tìm hiểu được về phong cách vẽ tranh chân dung của ông.

*Giảng viên tổ chức cho SV thảo luận theo nhóm 4, trả lời các câu hỏi sau:*

- Anh/ chị có nhận xét gì về tranh chân dung của họa sĩ Bùi Xuân Phái?

Nhóm 1: Tìm hiểu về màu sắc trong tranh chân dung

Nhóm 2: Tìm hiểu về đường nét tạo hình trong tranh.

Nhóm 3: Tìm hiểu về bút pháp đặc tả nhân vật trong tranh.

Nhóm 4: Tìm hiểu về biểu cảm của nhân vật

SV: Thảo luận theo nhóm đã chia

Từ hoạt động trên, GV chốt lại nội dung kiến thức để sinh viên nắm bắt, hiểu về những giá trị nghệ thuật tạo hình trong tác phẩm từ đó rút ra được đặc trưng của tranh chân dung thông qua phong cách sáng tạo của họa sĩ Bùi Xuân Phái.

Học sinh: Chú ý lắng nghe, ghi nhớ.

### HOẠT ĐỘNG 3: CÁC BƯỚC VẼ TRANH CHÂN DUNG

GV: Cho sinh viên xem hình ảnh, tranh minh họa các bước vẽ tranh chân dung và cho SV trình bày lại các bước.

SV: Trình bày theo cách nhìn nhận của cá nhân.

Giảng viên chốt lại kiến thức để học sinh nắm bắt được quy trình vẽ tranh chân dung.

Bước 1: Tìm nhân vật, chuẩn bị đồ dùng để vẽ tranh.

Bước 2: Sắp xếp bố cục cho cân đối trong khuôn khổ tờ giấy

Bước 3: Phác thảo chân dung nhân vật bằng nét chì

Bước 4: Lên phương án màu cho tranh

Bước 5: Hoàn thiện bài vẽ

SV: Lắng nghe, theo dõi để nắm bắt các bước và quy trình thực hiện để vận dụng màu sắc và đường nét trong tranh chân dung sơn dầu của họa sĩ Bùi Xuân Phái thực hành vẽ theo chủ đề với bài học: “Vẽ tranh chân dung người thân”.

### HOẠT ĐỘNG 4: HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

Giảng viên yêu cầu mỗi sinh viên lựa chọn chân dung một người thân để thực hành.

SV: Thực hiện theo yêu cầu của giảng viên

GV yêu cầu sinh viên lựa chọn phác thảo, tranh ảnh chân dung người thân để thực hành vẽ tranh theo chủ đề vận dụng màu sắc, đường nét trong tranh họa sĩ Bùi Xuân Phái vào đề tài vẽ tranh phong cảnh.

SV phác thảo tranh, tìm tranh (đã được dẫn dò từ tiết trước)

GV gọi mở cho SV:

+ Tìm đặc điểm của nhân vật?

+ Hoà sắc trong tranh chân dung có các biểu hiện như thế nào?

+ Những bức tranh chân dung thường được diễn tả bằng những đường nét ra sao?

SV suy nghĩ, thảo luận để tìm ra hướng phù hợp để thực hiện thực hành vẽ tranh chân dung của mình.

GV chốt lại kiến thức để SV nắm bắt thực hành.

SV lựa chọn phác thảo, tranh ảnh người thân để thực hành vẽ chân dung theo chủ đề “Chân dung người mà em yêu quý” vận dụng đường nét, màu sắc trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái và thực hành độc lập.

SV bắt đầu thực hành.

GV quan sát, hỗ trợ kịp thời các sinh viên còn lúng túng hay gặp khó khăn trong quá trình thực hành.

#### HOẠT ĐỘNG 5: ĐÁNH GIÁ - CHIA SẺ - THẢO LUẬN

Giảng viên chọn một số bài và trưng bày lên bảng.

Các nhóm cử đại diện SV lên thuyết trình sản phẩm.

Giảng viên tổ chức cho các nhóm đánh giá chéo theo phiếu:

TIÊU CHÍ	ĐIỂM TIÊU CHÍ	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC			
		NHÓM 1	NHÓM 2	NHÓM 3	NHÓM 4
Bắt được đặc điểm nhân vật	30				
Thẩm mỹ (Bố cục, màu sắc, tạo hình,...)	50				
Biểu đạt trong tranh	20				
Tổng điểm	100				

Giảng viên tổng hợp lại ý kiến, nhắc củng cố lại kiến thức, nội dung bài học,

Động viên khích lệ những sinh viên có sản phẩm tốt, những nhóm có kết quả kém hơn thì động viên, khích lệ, hướng dẫn cho các sinh viên về sửa lại những điểm chưa đạt để sản phẩm hoàn thiện tốt hơn.

GV dặn dò SV về nhà vẽ các tác phẩm chân dung người thân khác.

SV: Ghi nhớ dặn dò.

GV dặn dò SV chuẩn bị bài học sau.

SV: Ghi nhớ.

### **2.3.6. Đánh giá và tổng kết thực nghiệm**

#### **2.3.6.1. Tổng hợp số liệu về kết quả thực nghiệm**

##### **\* Về kết quả điểm số**

Quá trình tiến hành khảo sát, giảng viên đã cho sinh viên tiến hành làm bài tập vẽ tranh đề tài trong đó yêu cầu có vận dụng cách sử dụng màu sắc của họa sĩ Bùi Xuân Phái. Và vẽ tranh phong cảnh có sử dụng hình ảnh, hình tượng nghệ thuật trong cách khai thác vẽ về phố của họa sĩ. Thông qua bài tập 1, thu nhận về kết quả theo bảng sau:

**Bảng biểu 2.1: Thống kê về điểm số sau thực nghiệm**

<b>Mức điểm</b>	<b>Lớp đối chứng (N=40)</b>	<b>Lớp thực nghiệm (N=45)</b>
9-10	5	12
8-8,5	3	17
7-7,5	17	14
6-6,5	13	2
5-5,5	2	0
Dưới 5	0	0

*Nguồn: Tác giả (2022)*

Hiệu số về điểm dựa trên đánh giá kết quả của bài tập thực hành khi cho sinh viên làm bài. Quá trình sinh viên vận dụng các yếu tố tạo hình để tạo ra cho mình sản phẩm thông qua hoạt động dạy của giảng viên, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp và phương tiện dạy học phù hợp với đối tượng và cơ sở vật chất để thực hiện tiết học.

*\* Về hiệu quả, chất lượng học tập*

Dựa trên bảng kết quả về bảng điểm số như trên cho chúng ta số liệu về các mức độ tỷ lệ học lực của người học như sau:

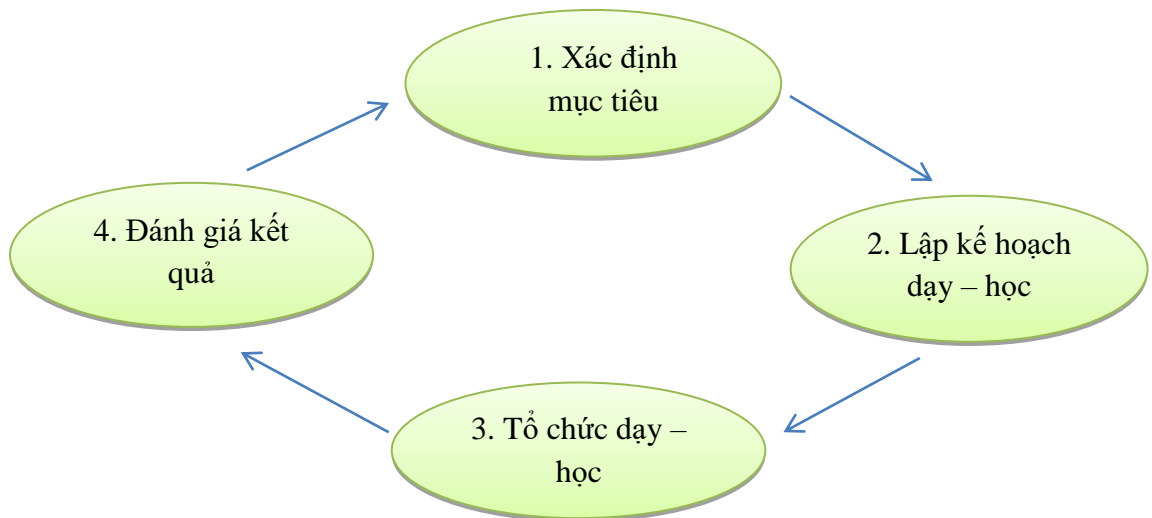
**Bảng biểu 2.2: Thống kê chất lượng kết quả điểm sau kiểm chứng**

Nội dung	SL SV	Kết quả kiểm tra							
		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL (SV)	tỷ lệ (%)	SL (SV)	tỷ lệ (%)	SL (SV)	tỷ lệ (%)	SL (SV)	tỷ lệ (%)
Thực nghiệm	45	29	64.4	14	31.1	02	4.4	0	0
Đối chứng	40	08	20.0	17	42.5	15	37.5	0	0

*Nguồn: Tác giả (2022)*

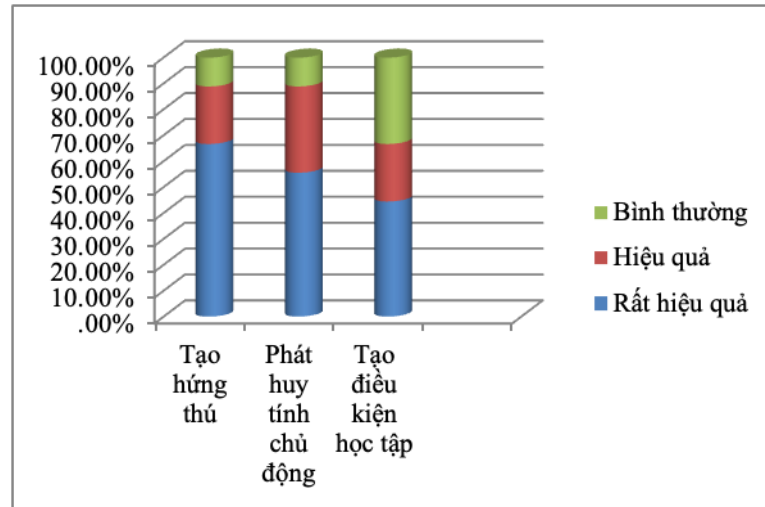
Nội dung vận dụng được tiến hành trên 2 lớp, sau khi bộ môn tiến hành đánh giá sản phẩm của các bạn học sinh thu nhận về các mức độ điểm khác nhau, từ trung bình đến khá giỏi trong đó cả hai nhóm đều có tỉ lệ học sinh đạt điểm giỏi tuy nhiên nhóm đối chứng chỉ chiếm 20% thấp hơn so với nhóm thực nghiệm 44.4%; nhưng tỉ lệ học sinh khá thì nhóm đối chứng lại cao hơn nhóm thực nghiệm chiếm 42.5%. Cả hai nhóm không có học sinh yếu, tỉ lệ học sinh trung bình là thấp. Nhìn qua bảng tổng hợp về học lực tôi đánh giá rằng không phải là các em yếu mà do chúng ta những CBGV chưa tích cực lồng ghép các nội dung và PPDH tích cực, mang lại hơi thở mới trong dạy học, giúp các em tích cực hơn trong việc học mỹ thuật, tạo không khí thoải mái và hứng thú cho các em say mê tìm tòi sáng tạo.

Hoạt động dạy học là một hoạt động có tính mục đích, trong đó đánh giá quá trình dạy học được mô tả theo mô hình tổng quát dưới đây:



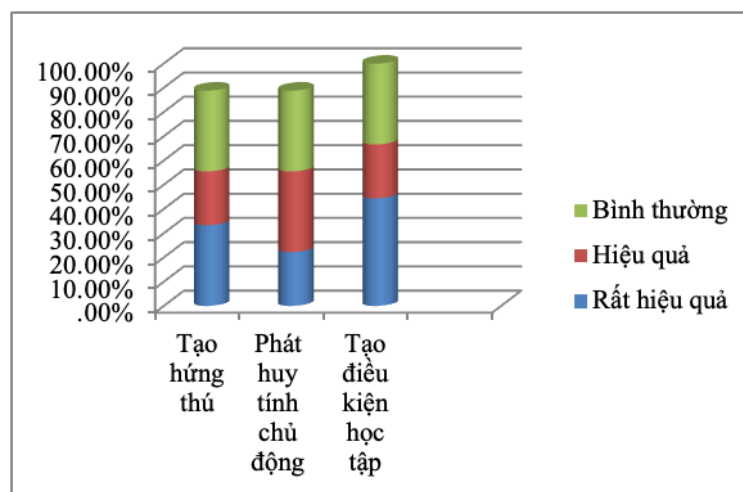
Khâu đánh giá là khâu cuối cùng của quá trình dạy học, nhưng đồng thời là điểm khởi đầu cho một chu trình dạy học tiếp theo. Là một quá trình liên quan đến việc lập kế hoạch, xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học. Đánh giá kết quả thực nghiệm dạy của giáo viên và học của sinh viên theo phương pháp dạy học tích cực, vận dụng các yếu tố tạo hình của họa sĩ Bùi Xuân Phái thì chú trọng tới: Tính hiệu quả của việc vận dụng vào một nội dung bài học cụ thể thông qua thực tế giảng dạy của giáo viên. Đồng thời, là cơ sở để khẳng định rõ những ưu điểm, hạn chế của việc vận dụng các yếu tố tạo hình trong môi trường dạy học cụ thể.

+ Về phía giáo viên dự giờ: Đánh giá tính hiệu quả của các yếu tố tạo hình mà sinh viên sử dụng để vẽ bài tập của mình trong nội dung môn Mỹ thuật của chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non. Triển khai theo nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm về việc phát huy tính tích cực, tự giác, kích thích hứng thú và phát triển các năng lực học tập, năng lực cá nhân của người học trong quá trình dạy học, tạo điều kiện cho học sinh tích cực tham gia vào quá trình học tập thu nhận về kết quả khảo sát theo PL. 5 trang 99 và qua biểu đồ sau:

**Biểu đồ 2.4: GV dự giờ đánh giá nhóm thực nghiệm**

*Nguồn: Tác giả (2022)*

Nhóm thực nghiệm sau khi được GV lồng ghép PPDH tích cực để vận dụng nội dung các yếu tố tạo hình trong tranh họa sĩ Bùi Xuân Phái thì cho thấy hiệu ứng sinh viên tích cực tham gia là cao, trong đó đa số các em đánh giá sự hứng thú trong học tập là có, các em chủ động hơn trong việc tìm hiểu họa sĩ và các ngôn ngữ tạo hình của họa sĩ, sau đó đưa ra những nhìn nhận cá nhân mình lồng ghép sáng tạo ra những sản phẩm. Bên cạnh đó CBGV trong bộ môn cũng dự giờ cùng một nội dung đó của cả 2 lớp thì ở lớp đối chứng cho kết quả biểu thị như sau:

**Biểu đồ 2.5: GV dự giờ đánh giá nhóm đối chứng**

*Nguồn: Tác giả (2022)*

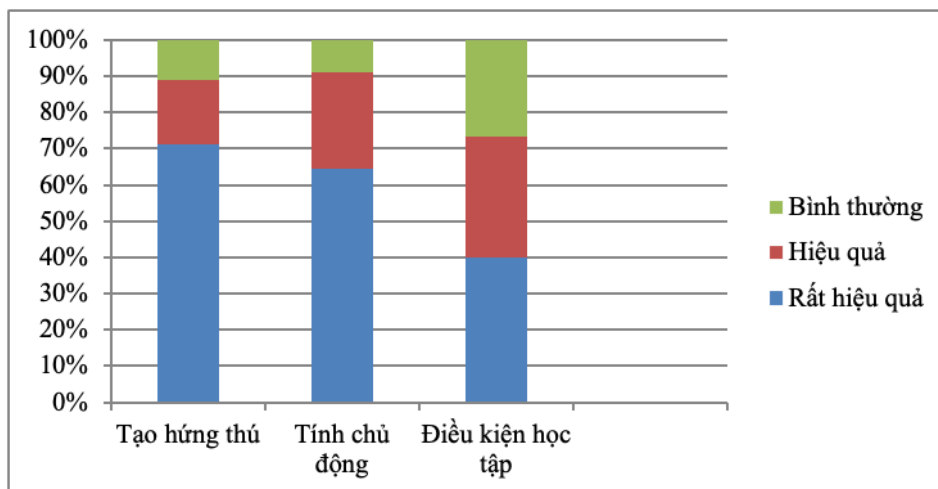


Kết quả phiếu hỏi đối với giáo viên dự giờ tiết học: Điểm chung trong đánh giá giờ dạy thực nghiệm, đa số các cán bộ giáo viên dự giờ đồng tình thấy rõ sinh viên được học tập với hình thức tổ chức lớp sôi động, thoải mái tạo hứng thú, phát huy được năng lực cá nhân, đồng thời các em được giao tiếp, trao đổi với nhau tích cực hơn trong học tập.

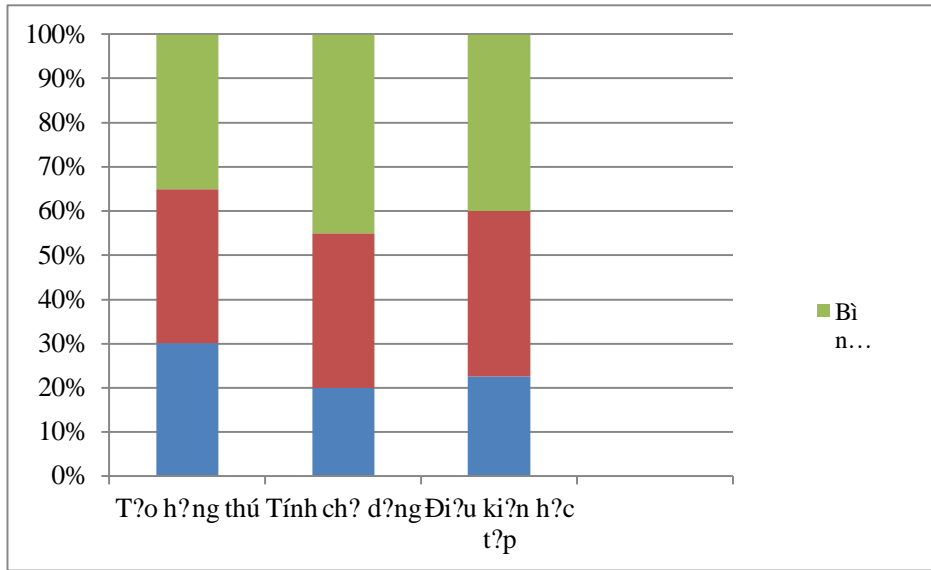
Nhóm đối chứng, cho thấy việc học cũng có phần sôi nổi nhưng hơi mạnh theo trào lưu, chưa tập trung vào nhóm thành ra thiếu chủ động khi ổn định tổ chức lớp học, lí do là người dạy tổ chức hình thức nêu và giải quyết vấn đề, thuyết trình, giảng giải, phát vấn đang còn hạn chế. Trong giờ học chỉ có một số bộ phận sinh viên tích cực, hay nói cách khác đôi khi tích cực trong học tập chỉ tập trung vào thiểu số, chưa phát huy được tất cả.

+ Về phía người học: Đánh giá của người học qua nội dung được vận dụng trong bài học ở cả 2 nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, người học đánh giá về các mức độ tham gia như tạo hứng thú trong học tập, phát huy tính chủ động của năng lực cá nhân, tạo điều kiện cho người học được học tập thoải mái qua phiếu khảo sát ở phụ lục 6 trang 100 và thể hiện qua biểu đồ:

**Biểu đồ 2.6: Người học tự đánh giá của nhóm thực nghiệm**



*Nguồn: Tác giả (2022)*

**Biểu đồ 2.7: Người học tự đánh giá của nhóm đối chứng**

*Nguồn: Tác giả (2022)*

### 2.3.6.2. Đánh giá thực nghiệm

#### \* Ưu điểm

Dạy học tích cực là một trong những định hướng đổi mới của giáo dục nói chung, trong đó chú trọng đến đổi mới phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng nội dung dạy học và điều kiện dạy học. Điều này cho thấy, vai trò của người dạy trong lựa chọn, vận dụng các phương pháp dạy học có ý nghĩa quan trọng trong đổi mới dạy học. Bởi quá trình dạy học bao gồm các yếu tố, thành tố cơ bản: Mục tiêu, nội dung, phương pháp và đánh giá kết quả giờ dạy, học. Các thành tố: Mục tiêu, nội dung, đánh giá rất cần sự cập nhật và điều chỉnh ở những thời điểm cụ thể và cần thiết, song không thể thay đổi hàng ngày hay thường xuyên theo từng bài, từng nội dung mà làm “mới” giờ học với những nội dung dạy học đã có, đang có chính là cách thức, hình thức, phương thức tổ chức dạy học, hay nói cách khác là phương pháp dạy học. Vì vậy, phương pháp dạy học là một trong những yếu tố cơ bản góp phần đạt mục tiêu và nâng cao hiệu quả dạy học. Thông qua các yếu tố tạo hình nghệ thuật trong tranh Bùi Xuân Phái, dựa

vào phương tiện dạy học, phương pháp dạy học tích cực để vận dụng hướng dẫn cho sinh viên thực hiện.

Theo đó, như trên đã nêu, phương pháp dạy học gồm ba bình diện và mối quan hệ, tương tác của các bình diện đó là cơ sở để lựa chọn cách thức tổ chức dạy học phù hợp với những tình huống, nội dung dạy học cụ thể. Trong đó, kỹ thuật dạy học là bình diện nhỏ của phương pháp – dạy học vi mô. Vì vậy, nhằm thực hiện đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục trong dạy học môn MT, năm thứ nhất ngành GDMN ở trường ĐH Hồng Đức, Thanh Hóa, học viên đã vận dụng các yếu tố trong tranh của Bùi Xuân Phái để hướng dẫn sinh viên thực hiện các nội dung trong chương trình môn MT. Thực tế bước đầu vận dụng, qua quan sát, trao đổi và trò chuyện với SV, học viên nhận thấy một số ưu điểm chủ yếu sau:

- Mức độ chủ động, hứng thú và tích cực học tập của từng SV thể hiện rất rõ trong đọc, tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Khả năng nói, thuyết trình, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề của sinh viên có sự tiến bộ rõ ràng; đặc biệt, tính hợp tác, tương tác trong học tập giữa sinh viên với sinh viên được cụ thể bằng những kết quả học tập theo cách mà sinh viên đã chủ động thực hiện.

- Không khí và môi trường học được đa dạng ở hình thức, thao tác thực hiện nhiệm vụ học tập là cách mà sinh viên thấy thoải mái và hiệu quả trong nhận thức và trong quá trình trao đổi giữa giáo viên với người học.

*\* Hạn chế*

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật ở trên, thực tế vận dụng trong dạy học môn Mĩ thuật, năm thứ nhất, ngành GDMN, qua quan sát và tổ chức dạy học, học viên nhận thấy còn một số hạn chế sau:

- Cần lưu ý nếu người dạy không quán triệt ý thức, tinh thần học tập trong thực hiện nhiệm vụ thông qua kỹ thuật tranh luận, ủng hộ và phản hồi

thì dễ dẫn đến muốn “đánh bại” đối phương thay vì cần phải thống nhất trong nhận thức là cốt yếu. Đưa ra những vấn đề tranh luận cần có tiêu chí và nội dung thống nhất vấn đề tranh luận.

- Nếu các câu hỏi dành cho phần tìm hiểu nội dung không rõ ràng, cụ thể, thông tin thu nhận được dễ sai lệch hoặc chung chung với yêu cầu đặt ra ở phiếu bài tập. Với từng nội dung bài học cần đưa thông tin hỏi cụ thể, tránh trường hợp phiếu hỏi mang tính chất trình bày lệch nội dung.

- Nếu trình bày kết quả học tập bằng sơ đồ tư duy quá chi tiết, thiếu khái quát thì dễ dẫn đến thiếu hiệu quả trong nhận thức và thông tin bị vụn vặt, rườm rà. Không khái quát được vấn đề tìm hiểu.

- Nếu tranh luận, ủng hộ và phản hồi thiếu tính trung thực thì dễ dẫn tới suy nghĩ muốn “đánh bại” đối phương, giảm tính giáo dục trong dạy học.

### **\* *Tiểu kết chương 2***

Nghệ thuật của Bùi Xuân Phái là một di sản văn hóa nghệ thuật đối với người Hà Nội cũng như đối với lịch sử mỹ thuật hiện đại Việt Nam. Nghiên cứu tác phẩm điển hình của Bùi Xuân Phái để vận dụng vào dạy học mầm non tại Đại học Hồng Đức là một vấn đề cần thiết nhằm đảm bảo mục tiêu tích cực trong PPDH mỹ thuật mầm non hiện nay.

Đặc trưng của nghệ thuật Bùi Xuân Phái khá đa dạng trong nhiều bình diện: Góc nhìn trực quan, góc nhìn tạo hình, góc nhìn tâm lý thẩm mỹ về Hà Nội cổ kính trên các hình thái không gian, hình ảnh, màu sắc và cảm xúc. Dù trên bình diện nào, hình thức nào thì mỗi tranh của Bùi Xuân Phái vẽ về con người Hà Nội, góc phố Hà Nội, cảnh sắc Hà Nội cũng từ một góc nhìn độc đáo. Từ những góc nhìn trực quan độc đáo đó là vẫn là góc phố quen thuộc hàng ngày, nhưng được tái hiện qua ngôn ngữ tạo hình của Bùi Xuân Phái đã thức dậy trong người xem một hình ảnh mới với sự khác biệt, mới lạ về cảnh, tình, con người Hà Nội ở giữa thế kỷ XX.

Dạy học MT cho đối tượng GVMN cần khai thác những sự trải nghiệm cụ thể mang tính chất lọc nhất, nổi bật nhất về tính cách tạo hình gần gũi với tư duy mỹ cảm trẻ em mầm non. Từ đó vận dụng vào bài học, kích lệ, gợi mở phát triển tư duy thẩm mỹ cho trẻ thông qua sự thụ cảm về phối màu, sử dụng nét, mảng, hình, bố cục ...

Việc thực nghiệm sư phạm đối với luận văn là sự vận dụng di sản mỹ thuật vào dạy học cho GVMN bắt buộc phải qua trải nghiệm cụ thể, tổ chức và đánh giá kết quả thực nghiệm phải đúng quy trình mới có thể đưa vào dạy học chính thức. Luận văn đã thực hiện TNSP đúng quy định tại Khoa Giáo dục mầm non tại Trường Đại học Hồng Đức. Kết quả thực nghiệm đã đưa ra kết luận khả thi của đề tài và góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học MT của ngành GDMN.

## KẾT LUẬN

Thông qua nghiên cứu thực hiện Luận văn thạc sỹ với nội dung: ***“Nghệ thuật tạo hình trong tranh Bùi Xuân Phái, ứng dụng vào dạy học mỹ thuật cho sinh viên mầm non trường Đại học Hồng Đức”***. Học viên xin nêu ra một số kết luận như sau:

Đổi mới chất lượng dạy học Việt Nam nói chung và Giáo dục ngành GDMN là một yêu cầu mang tính cấp bách theo Nghị quyết 29-NQ/TW của Trung ương Đảng CSVN về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo áp dụng vào từng cấp học, ngành học là rất khác nhau bởi mục tiêu, nội dung, hệ thống kiến thức, kỹ năng, đối tượng người học và môi trường GDĐT là rất khác nhau. Chính vì vậy, luận văn hướng đến đối tượng sư phạm là SVMN là *PPDH vận dụng giá trị nghệ thuật của các họa sỹ, các nhà điêu khắc tiêu biểu vào dạy học mỹ thuật mầm non tại trường Đại học Hồng Đức*, đó là một hướng nghiên cứu tích cực và cần thiết.

Luận văn tiếp cận theo hướng nghiên cứu trường hợp họa sỹ Bùi Xuân Phái và nhóm tác phẩm vẽ về Hà Nội của ông. Nghiên cứu này cho phép đưa ra hệ thống tiếp cận mới về *PPDH vận dụng hài hòa giữ mục tiêu chương trình GDMN và nguồn học liệu phong phú* giúp GV thiết kế PPDH tích cực, hiệu quả. Từ đó GV ngành GDMN có thể nhân rộng sử dụng nghệ thuật của nhiều họa sỹ nổi tiếng khác vào thiết kế bài dạy học khác.

Luận văn đưa ra một số nhận định về giá trị nổi bật trong tranh Bùi Xuân Phái, gắn gũi với nhận biết và cảm xúc nghệ thuật hồn nhiên của trẻ mầm non. Đó là tính chất nổi bật, phổ quát trong màu sắc, hình, nét, bố cục của tranh Bùi Xuân Phái ở các thể loại sơn dầu, màu nước và các thể loại đề tài như phố cổ Hà Nội, chân dung, tranh sinh hoạt... đảm bảo tính phù

hợp mục tiêu, chương trình GDMN. Luận văn cũng đồng thời đã chỉ rõ nhiều tranh của Bùi Xuân Phái không phù hợp tư duy thẩm mỹ trẻ em nên không sử dụng trong luận văn (ví dụ như nhóm phối màu phỏ cổ Hà Nội với hòa sắc trầm tĩnh, tối màu, hay nhóm tranh vẽ khỏa thân ở giai đoạn từ 1954- 1961)

Luận văn nêu một số PPDH vận dụng có chọn lọc các nhóm tranh có giá trị tạo hình gắn với yêu cầu của chương trình MT mầm non (màu, nét, hình, bố cục, biểu cảm), từ đó tạo cảm hứng cho GV thiết kế bài vận dụng dạy học cho GVMN.

Luận văn phân tích việc thiết kế các thể loại bài học nhóm bài vẽ theo đề tài, phong cảnh, trang trí khi vận dụng nghệ thuật Bùi Xuân Phái có những điểm khác nhau nên phải lựa chọn nguồn tư liệu từ nghệ thuật Bùi Xuân Phái cho phù hợp. GV cần coi trọng *phương pháp vẽ mô phỏng* cho SV ngành GDMN là đảm bảo tính vừa mức, tính khả thi bởi yêu cầu ngành học và đặc điểm năng lực MT ở mỗi SV rất khác nhau.

Luận văn đã tổ chức hoạt động thực nghiệm sư phạm trong năm 2021 và 2022 cho thấy hiệu quả rõ rệt. Việc vận dụng nghệ thuật trong tranh của Bùi Xuân Phái cho dạy học môn MT cho SV ngành GDMN tại Đại học Hồng Đức trong bối cảnh cả nước đang thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện là rất cần thiết.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thị Thúy Anh, (2022), "Vai trò của thực hành mỹ thuật đối với giáo sinh ngành Giáo dục Mầm non", *Tạp chí Văn học Nghệ thuật*, Số 485, tháng 1/2022.
2. Lê Năng An (1998), *Những trào lưu lớn của nghệ thuật tạo hình hiện đại*, (biên dịch), Nxb Văn hóa Thông tin.
3. Phạm Duy Anh, Lê Phương Dung (2016), *Môn Mỹ thuật Tiểu học Công Nghệ giáo dục*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Trần Thanh Bình (2020), *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 433, Hà Nội.
5. Nguyễn Lăng Bình (2010), *Dạy và học tích cực*, Nxb ĐHSP Hà Nội.
6. Lương Thị Bình, Phan Lan Anh (2014), *Các hoạt động GD - Tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non (theo chương trình GD mầm non mới)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Bộ GD&ĐT (2005), *Tìm hiểu luật giáo dục*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
8. Bộ GD&ĐT (2014), *Chương trình Giáo dục Mầm non*, (Tái bản lần thứ 5), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Bộ GD&ĐT, Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
10. Trịnh Thị Châu, Trịnh Thiệp (1995), *Mỹ thuật*, (Giáo trình dùng trong các trường sư phạm đào tạo giáo viên Tiểu học), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. Phạm Thị Chinh (2005), *Lịch sử mỹ thuật thế giới*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
12. Phạm Thị Chinh (2007), *Giáo trình mỹ thuật học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
13. Phạm Thị Chinh (2008), *Lịch sử mỹ thuật Việt Nam*, Nxb ĐH Sư phạm.
14. Ngô Bá Công (2015), *Giáo trình mỹ thuật cơ bản*, Nxb ĐHSP HN.



15. Nguyễn Văn Cường, Bernd Meier (2010), Dự án phát triển GD Trung học phổ thông, *Một số vấn đề chung về đổi mới phương pháp dạy học ở Trường trung học phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
16. Phạm Xuân Duy, (2018), Thực trạng giảng dạy mỹ thuật cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục mầm non ở trường CĐSP Hà Nam, Luận văn cao học ngành Lý luận và PPDH bộ môn mỹ thuật, Trường ĐHSP nghệ thuật TW, Hà Nội.
17. Lê Thị Đức, Lê Thanh Thủy, Phùng Thị Tường (2014), *Các hoạt động tạo hình của trẻ mầm non* (theo chương trình GD mầm non mới), Nxb GD, Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Hòa (2014), *Giáo dục tích hợp ở bậc học Mầm non*, Nxb ĐHSP Hà Nội.
19. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (2013), *Lý luận dạy học đại học*, Nxb ĐHSP Hà Nội.
20. Nguyễn Phi Hoanh (1997), *Mỹ thuật và nghệ sĩ*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
21. Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành (2007), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
22. Lê Thu Hương, (Cb) (2013), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường Mầm non theo chủ đề*, Nxb GD, Hà Nội.
23. Đỗ Văn Khang (chủ biên) (2004), *Mỹ học Mác- Lênin*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
24. Lê Thanh Lộc (2009), *Các phong trào hội họa*, NXB Thông tin.
25. Đặng Thị Bích Ngân (2012), *Phương pháp dạy mỹ thuật cho trẻ*, Nxb Văn hóa thông tin.
26. Hoài Nha (dịch) (2010), *Mỹ thuật cho trẻ em*, Nxb Dân trí.
27. Bùi Xuân Phái (2011), *Hội họa của tâm cảm Việt*, Nxb Mỹ Thuật, Hà Nội.
28. Bùi Xuân Phái (2018), tái bản, *Con đường hội họa*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
29. Hoàng Phê, tái bản (2021), *Từ điển tiếng việt*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.

30. Họa sĩ Nguyễn Quân (1978), *Khai thác chất liệu truyền thống cho những đề tài đương đại*, Tạp chí nghiên cứu nghệ thuật.
31. Tạp chí Người Hà Nội (19/11/2010), “*Hà Nội có phố Bùi Xuân Phái*”.
32. Tạp chí Thể thao và Văn hóa (21/8/2008), “*Có một con đường vinh danh Bùi Xuân Phái*”.
33. Tạp chí văn nghệ sĩ Mỹ - Việt, New York (3.2017).
34. Tạp chí văn nghệ sĩ Mỹ - Việt, New York (11.2021).
35. Tôn Thị Tâm (2005), *Dạy học theo hướng lấy học sinh làm trung tâm*, Chương trình giáo dục Childfunf Việt Nam.
36. Trần Văn Tâm (2007), *Giáo trình Lịch sử nghệ thuật*, Trường ĐH Đà Nẵng.
37. Lâm Quang Thiệp, (Cb) (2007), *Chương trình và quy trình đào tạo đại học*. (Dành cho bồi dưỡng cán bộ quản lí đào tạo và GV các trường ĐH, CĐ), Học viện quản lí GD.
38. Lê Thị Thanh Thủy, (2015), *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
39. Nguyễn Thu Tuấn (2011), *Phương pháp dạy học mỹ thuật*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
40. Thái Duy Tuyên (1998), *Những vấn đề cơ bản giáo dục học hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
41. Thái Bá Vân (1997), *Tiếp xúc với nghệ thuật*, Nxb Viện Mĩ thuật Việt Nam.
42. Nguyễn Như Ý, Tái bản (12/9/2009), *Từ điển tiếng việt thông dụng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
43. **Tài liệu nước ngoài:**
44. Cynthia Freeland (2010), *Một đề dẫn về lý thuyết nghệ thuật*, Nxb Tri thức.
45. Jean Piaget (2016), *Sự hình thành biểu tượng ở trẻ em*, Nxb Tri thức.
46. Journal, Vol. 7, No. 3 (Mar, 1954), *Artice Symbolism and Art*.

47. Kevin Mahnken (10.4.2019), *Magazines Education Corner*, the 74, New York, Chapter 17.
48. Knud Illeris (2003), *Towards a contemporary and comprehensive theory of learning*, Tên cơ quan xuất bản là: International Journal of Lifelong Education, Denmark.
49. Educational Learning Theorists & Theories of Journal Northern Arizona University.
50. **Tài liệu internet**
51. 47. <https://thethaovanhoa.vn/cac-giai-tt-vh-to-chuc/giai-bui-xuan-phai-vi-tinh-yeu-ha-noi-lan-132020-su-hoi-tu-va-cong-huong-cua-nhung-tam-long-vi-tinh-yeu-ha-noi-n20201007110906312.htm>, (truy cập 20/8/2022).
52. 48. [http://designs.vn/tin-tuc/bui-xuan-phai-danh-hoa-lung-danh-voi-thuong-hieu-pho-phai\\_216448.html.YNrBotUzbIU](http://designs.vn/tin-tuc/bui-xuan-phai-danh-hoa-lung-danh-voi-thuong-hieu-pho-phai_216448.html.YNrBotUzbIU), (truy cập 15/12/2022).
53. 49. <https://vietnamnet>, (truy cập ngày 25 tháng 6 năm 2022).
54. 50. [https://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tracuu/tam\\_tu\\_nghe\\_thuat\\_cua\\_xuan\\_phai-4.html](https://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tracuu/tam_tu_nghe_thuat_cua_xuan_phai-4.html); (truy cập 1/12/2022).
55. 51. <https://thanhvien.vn>, (truy cập 1/12/2022).

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

**LÊ THỊ KIM TUYÊN**

**NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TRONG TRANH  
BÙI XUÂN PHÁI, ỨNG DỤNG VÀO DẠY HỌC  
MĨ THUẬT CHO SINH VIÊN MẦM NON  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**PHỤ LỤC LUẬN VĂN THẠC SĨ**

**Hà Nội, 2023**

**MỤC LỤC**

PHỤ LỤC 1 .....	94
PHỤ LỤC 2 .....	99
PHỤ LỤC 3 .....	100
PHỤ LỤC 4 .....	101
PHỤ LỤC 5 .....	102
PHỤ LỤC 6 .....	103
PHỤ LỤC 7 .....	104
PHỤ LỤC 8 .....	116
PHỤ LỤC 9 .....	108
PHỤ LỤC 10 .....	116
PHỤ LỤC 11 .....	129

**PHỤ LỤC 1****BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

\*\*\*\*\*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

Số: 15/1999/CT-BGD&amp;ĐT

*Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 1999***CHỈ THỊ****VỀ VIỆC ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP  
GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP TRONG CÁC TRƯỜNG SỰ PHẠM**

Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá VIII đã chỉ rõ một nhiệm vụ quan trọng của ngành Giáo dục và Đào tạo là: "Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục - đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thói quen, nề nếp tư duy sáng tạo của người học".

Vì nhà giáo có vai trò quyết định đối với tất cả những đổi mới về nội dung, chương trình, phương pháp ở tất cả các môn học, bậc học nên các trường sự phạm có vị trí quan trọng trong quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy học tập và công việc này phải được bắt đầu từ trường sự phạm.

Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập trong trường sự phạm nhằm tích cực hoá hoạt động học tập, phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực tự học, tự nghiên cứu của học sinh, sinh viên. Nhà giáo giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức, điều khiển, định hướng quá trình dạy học, còn người học giữ vai trò chủ động trong quá trình học tập và tham gia nghiên cứu khoa học.

Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập là nhiệm vụ quan trọng của từng trường (khoa) sự phạm, từng bộ môn, của mỗi giảng viên và của

mỗi học sinh, sinh viên sư phạm, trong đó đi đầu phải là giảng viên các bộ môn phương pháp dạy học.

Để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết TW2, Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các cấp quản lý giáo dục, các trường (khoa) sư phạm thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau đây từ năm học 1999-2000 và các năm học tiếp theo:

### **I. ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG (KHOA) SƯ PHẠM:**

#### **1. Đẩy mạnh hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập.**

Các trường (khoa) sư phạm, các cơ sở đào tạo - bồi dưỡng giáo viên phối hợp với Công đoàn Giáo dục, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phát động cuộc vận động đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập từ năm học 1999-2000. Cuộc vận động đồng thời nhằm vào cả 2 đối tượng: Giảng viên và học sinh, sinh viên.

##### **a/ Đối với giảng viên các trường sư phạm:**

- Đưa hoạt động đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và học tập trong trường sư phạm trở thành công việc thường xuyên và coi đó là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá cán bộ, công chức.

- Hàng năm tổ chức hội thảo, hội thi giáo viên giỏi, tổng kết và vận dụng kinh nghiệm dạy học tiên tiến trong trường, khoa hoặc trong cụm liên kết các trường sư phạm được quy định tại Thông tư số 17/GD-ĐT ngày 16/8/1997 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các giảng viên coi trọng việc hướng dẫn học sinh, sinh viên tự học, tham gia nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập sư phạm; đồng thời chính các giảng viên cũng cần tham gia giảng dạy một số giờ ở trường phổ thông, mầm non hoặc cơ sở giáo dục.

##### **b/ Đối với học sinh, sinh viên:**

- Hưởng ứng phong trào tự học do nhà trường và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội sinh viên phối hợp tổ chức.

- Có ý thức và xây dựng thói quen tự học, tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu, gắn lý thuyết với thực hành, phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo.

- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội và hoạt động giáo dục của trường hoặc của địa phương, liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông, mầm non.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, học tập.

- Tổ chức đề giảng viên nghiên cứu các đề tài khoa học về đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, học tập gắn với yêu cầu chỉ đạo bộ môn và các nghiên cứu thực nghiệm ở các bậc học mầm non, tiểu học, trung học phổ thông chuẩn bị cho sự đổi mới sau năm 2000.

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, học tập với các cơ quan, tổ chức có liên quan (Viện Khoa học giáo dục, các trường đại học sư phạm, ban chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu của Bộ, các đề án...).

3. Xây dựng trường thực hành sư phạm, đổi mới phương pháp giáo dục nghiệp vụ sư phạm.

- củng cố và xây dựng các trường thực hành sư phạm cả về đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất. Những trường sư phạm chưa có trường thực hành cần nghiên cứu quy chế trường thực hành đã ban hành tại Quyết định số 31/1998/QĐ-BGD&ĐT ngày 20-5-1998 để trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Sở Giáo dục - Đào tạo xin mở trường thực hành Sư phạm.

- Tăng cường củng cố xây dựng đội ngũ giảng viên các môn phương pháp dạy học, Tâm lý học, Giáo dục học, từng bước ổn định, hình thành đội ngũ các chuyên gia giỏi thuộc các lĩnh vực trên.

4. Tham gia tích cực vào việc đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập ở giáo dục phổ thông và giáo dục mầm non.



- Năm bắt kịp thời các đổi mới về phương pháp giảng dạy và học tập ở giáo dục phổ thông và giáo dục mầm non: hàng năm nghiên cứu các văn bản hướng dẫn về chuyên môn ở từng bậc học, mời cán bộ các phòng chuyên môn của Sở Giáo dục - Đào tạo tham gia giảng dạy hoặc báo cáo chuyên đề ở trường sư phạm. Tích cực tham gia các hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập của Sở, của phòng Giáo dục và các trường phổ thông, mầm non tiên tiến.

- Từ năm học 1999-2000, các trường sư phạm cần chuẩn bị tích cực để tiếp nhận những thành tựu về đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập ở giáo dục mầm non, về bậc tiểu học mới của giai đoạn sau năm 2000, về đổi mới cách đánh giá kiểm tra ở tiểu học, góp ý kiến về các dự thảo chương trình các môn học ở trung học cơ sở, chương trình chính lí trung học phân ban. Chuẩn bị điều kiện để bồi dưỡng các nội dung mới, phương pháp mới cho giáo viên các trường phổ thông, mầm non khi Bộ ban hành các chương trình nói trên.

5. Xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị thí nghiệm, thư viện..., bảo đảm thực hiện có kết quả chủ trương đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập ở trường sư phạm.

- củng cố và nâng cấp thư viện, tăng số lượng đầu sách về khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, chú ý các tài liệu về phương pháp giảng dạy, học tập và đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập. Bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ các chương trình đào tạo.

- củng cố và đưa vào hoạt động có hiệu quả các phòng thí nghiệm lý, hoá, sinh, kỹ thuật, tin học, các thiết bị học tiếng. Sử dụng các phương tiện dạy - học hiện đại trong quá trình đào tạo.

- Phát động trong học sinh, sinh viên phong trào tự làm đồ dùng dạy học phục vụ các bài học trong trường sư phạm, trường phổ thông, mầm non và các bài trong chương trình thực tập sư phạm.

## II. ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM.

Các trường (khoa) đại học sư phạm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ nêu trong phần I của Chỉ thị này. Ngoài ra các trường đại học sư phạm phải có trách nhiệm hỗ trợ và phát huy tác dụng đối với các trường sư phạm cấp dưới trong việc nghiên cứu, thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập ở giáo dục phổ thông, mầm non.

Để thực hiện việc đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập trong các trường sư phạm có chất lượng, đạt hiệu quả, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu:

- Các Ông (Bà) Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo các tỉnh, thành phố, các ông (bà) Hiệu trưởng các trường (khoa) Sư phạm, các cơ sở đào tạo bồi dưỡng giáo viên trong toàn quốc thực hiện tốt những nội dung đã nêu trong Chỉ thị. Định kỳ theo năm học, các Sở Giáo dục - Đào tạo, các trường (khoa) sư phạm báo cáo Bộ về kết quả thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập.

- Các Ông (Bà) Vụ trưởng các Vụ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ nêu trong Chỉ thị. Vụ Giáo viên là cơ quan đầu mối, tham mưu cho Bộ xây dựng kế hoạch phối hợp giữa các cơ quan nhằm đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất của Bộ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ này ở các trường sư phạm.<sup>1</sup>

<sup>1</sup> <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Chi-thi-15-1999-CT-BGD-DT-day-manh-hoat-dong-doi-moi-phuong-phap-giang-day-hoc-tap-truong-su-pham/47416/noi-dung.aspx>

**PHỤ LỤC 2**

Phiếu thăm dò về mức độ sử dụng PPDH tích cực và hình thức tổ chức dạy học mỹ thuật của giảng viên tại khoa GDMN năm học 2021- 2022

<b>Phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động môn Mỹ thuật N=29</b>	<b>Mức độ sử dụng</b>		
	<b>Thường xuyên</b>	<b>Thỉnh thoảng</b>	<b>Chưa bao giờ</b>
Học tập theo nhóm nhỏ	12 41.3%	10 34.4%	07 24.1%
Học tập theo lớp	15 51.7%	08 27.5%	06 20.6%
Học qua tự trải nghiệm	08 27.5%	09 31.0%	12 41.3%
Học qua quá trình thực hành	13 44.8%	10 34.4%	06 20.6%
Học qua phân tích	08 27.5%	12 41.3%	09 31.0%
Học qua tự vận dụng	05 17.2%	09 31.0%	15 51.7%
Học qua đọc hiểu	18 62.0%	03 10.3%	08 27.5%
Học qua quan sát	16 55.1%	08 27.5%	05 17.2%
Học theo hợp đồng	02 6.89%	10 34.4%	17 58.6%
Học theo dự án	03 10.3%	10 34.4%	16 55.1%
Học theo góc	03 10.3%	08 27.5%	18 62.0%

*Một số ý kiến khác (nếu*

### PHỤ LỤC 3

Phiếu khảo sát về tính phù hợp của nội dung bài học trong chương trình môn mỹ thuật cơ bản ngành GDMN theo hướng vận dụng

(Phiếu dành cho CBGV bộ môn mỹ thuật, N=9)

Nội dung bài học/ mức độ phù hợp	Vẽ hình họa		Vẽ trang trí cơ bản		Vẽ tranh đề tài		Vẽ tranh tĩnh vật	
	T.số	%	T.số	%	T.số	%	T.số	%
Rất phù hợp	2	22.2	1	11.1	6	66.6	2	22.2
Phù hợp	5	55.5	3	33.3	2	22.2	5	55.5
Không phù hợp	2	22.2	5	55.5	1	11.1	2	22.2

*Một số ý kiến khác (nếu có)*

### PHỤ LỤC 4

Phiếu khảo sát dành cho người học về tính phù hợp của nội dung bài học trong chương trình môn mỹ thuật cơ bản ngành GDMN theo hướng vận dụng

(Khảo sát trên 135 SV K23A,B,C,D hệ ĐHGDMN)

Nội dung bài học/ mức độ phù hợp	Vẽ hình họa		Vẽ trang trí cơ bản		Vẽ tranh đề tài		Vẽ tranh tĩnh vật	
	T.số	%	T.số	%	T.số	%	T.số	%
Rất phù hợp	82	60.7	79	58.5	92	68.1	85	62.9
Phù hợp	21	15.5	18	13.3	28	20.7	35	25.9
Không phù hợp	32	23.7	38	28.2	15	11.1	15	11.1

*Một số ý kiến khác (nếu có)*

### PHỤ LỤC 5

Phiếu đánh giá của giảng viên dự giờ thông qua nội dung dạy học cụ thể chương trình mỹ thuật đào tạo ngành Sư phạm Mầm non.

(Dành cho CBGV bộ môn Mỹ thuật, N=9)

Nội dung đánh giá	Nhóm thực nghiệm			Nhóm đối chứng		
	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường
Kích thích hứng thú và phát triển nhận thức trong quá trình học tập	6 66.6%	2 22.2%	1 11.1%	3 33.3%	2 22.2%	3 33.3%
Phát huy tính chủ động và các năng lực cá nhân của học sinh	5 55.5%	3 33.3%	1 11.1%	2 22.2%	3 33.3%	3 33.3%
Tạo điều kiện cho học sinh tích cực tham gia vào quá trình học tập và thoải mái	4 44.4%	2 22.2%	3 33.3%	4 44.4%	2 22.2%	3 33.3%

## PHỤ LỤC 6

Phiếu đánh giá của người học qua nội dung dạy học được vận dụng cụ thể bài học trong chương trình mỹ thuật đào tạo ngành GDMN.

(Phiếu khảo sát trên K23A,B ĐHGDMN, N= 85)

Nội dung đánh giá	<i>Nhóm thực nghiệm</i> N=45			<i>Nhóm đối chứng</i> N=40		
	<i>Rất hiệu quả</i>	<i>Hiệu quả</i>	<i>Bình thường</i>	<i>Rất hiệu quả</i>	<i>Hiệu quả</i>	<i>Bình thường</i>
Kích thích hứng thú và phát triển nhận thức trong quá trình học tập	32 71.1%	8 17.7%	5 11.1%	12 30%	14 35%	14 35%
Phát huy tính chủ động và các năng lực cá nhân của học sinh	29 64.4%	12 26.6%	4 8.8%	8 20%	14 35%	18 45%
Tạo điều kiện cho học sinh tích cực tham gia vào quá trình học tập và thoải mái	18 40%	15 33.3%	12 26.6%	9 22.5%	15 37.5%	16 40%

## PHỤ LỤC 7

### KẾ HOẠCH BÀI HỌC

#### Chương 4 : TRANG TRÍ HÌNH CƠ BẢN

(Số tiết : 17 ; Lý thuyết : 05 ; Bài tập, thảo luận : 12)

##### **A. Mục tiêu**

- Sinh viên nắm được vai trò của trang trí hình tròn trong cuộc sống.
- Hiểu và biết cách sắp xếp bố cục các họa tiết trong trang trí hình tròn... qua việc vận dụng các nguyên tắc trang trí cơ bản.
- Thể hiện được kỹ năng tô màu khéo léo, mịn, từ đó biết vận dụng vào trang trí trường lớp.

##### **B. Chuẩn bị**

- Giáo viên :
- + Giáo trình :
- 1. Ngô Bá Công (2015), *Giáo trình mỹ thuật cơ bản*, Nxb ĐHSP Hà Nội.
- 2. Tạ Phương Thảo (2004), *Giáo trình trang trí*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
- + Máy chiếu
- + Tranh, ảnh tham khảo.
- Sinh viên: Bút chì, tẩy, giấy vẽ, màu vẽ...

##### **C. Nội dung**

##### ***1. Vai trò của trang trí trong đời sống***

Trang trí nói chung, có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, từ viên gạch hoa, đến khăn trải bàn, đến đồ dùng hàng ngày như đĩa, bát, vải vóc, bàn ghế...đều được con người trang trí cho phù hợp nhu cầu thị hiếu thẩm mỹ từng thời kỳ. Tất cả các hình trang trí trong cuộc sống (trang trí ứng dụng) đều xuất phát từ những hình trang trí cơ bản. Nghệ thuật trang trí ngày càng phát triển và được áp dụng rộng rãi cho phù hợp đời sống kinh tế, phù hợp với nhu cầu thẩm mỹ của con người.



## **2. Đặc điểm của trang trí hình tròn**

- Họa tiết trang trí được bố trí ở trọng tâm và xung quanh hình tròn tạo thế xoay tròn cho hình tròn. Tất cả các điểm trên hình tròn cách đều tâm bằng bán kính.

## **3. Các nguyên tắc trang trí**

### **3.1. Nguyên tắc cân đối, đăng đối:**

Các họa tiết giống nhau về hình và màu đối xứng nhau qua một hay nhiều trục tạo sự cân đối, hài hòa về bố cục.

### **3.2. Nguyên tắc nhắc lại:**

Một hoặc nhóm họa tiết giống nhau về hình, màu được nhắc đi nhắc lại nhiều lần ở vị trí đối xứng nhau hoặc xếp liên tiếp. Có thể được nhắc lại cùng chiều hoặc ngược chiều.

### **3.3. Nguyên tắc xen kẽ**

Các họa tiết khác nhau về hình, màu, các mảng to, nhỏ khác nhau được sắp xếp xen kẽ trong bố cục tạo sự thay đổi, sinh động vui mắt cho hình trang trí.

### **3.4. Nguyên tắc phá thế**

Nhiều mảng bố cục khác nhau, hình, đường nét có sự thay đổi khác nhau được kết hợp tạo sự hài hòa, chặt chẽ cho bố cục trang trí, tránh sự đơn điệu nhàm chán của các hình giống nhau.

*\* Tổ chức quan sát về nội dung vận dụng.*

- Tiến hành cho sinh viên quan sát về màu sắc trong tranh sơn dầu của họa sĩ Bùi Xuân Phái. Nhóm thực nghiệm K24 ĐH GDMN bao gồm 25 bạn.

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của SV</b>	<b>ĐD, PTDH</b>
------------------	-----------------	-------------------------	-------------------------	---------------------

10 phút - 15 phút	Quan sát về màu sắc trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái. Khai thác cách họa sĩ vận dụng gam màu nóng/ lạnh; màu trầm. Vận dụng vào bài tập trang trí hình tròn	Giao nhiệm vụ cho từng nhóm nhỏ tìm và thảo luận về nội dung màu sắc trong tranh họa sĩ BXP - Phát tờ giấy khổ A0, trong đó đã chia các phần cho Sv làm việc. - Định hướng bằng một số tranh mẫu, gợi mở câu trả lời cho người học phát huy tích cực của mỗi cá nhân khi làm việc	SV tìm phác thảo theo ý đồ cá nhân.	- Giấy A0, A4 - Máy chiếu
----------------------------	--	--	--	------------------------------------

#### ***4. Phương pháp tiến hành một bài trang trí hình tròn***

##### **4.1. Phác thảo mảng:**

Kẻ trục ngang dọc, vẽ phác mảng chính ở giữa trọng tâm, mảng phụ ở xung quanh hình tròn. Phân chia các mảng sao cho có sự thay đổi phong phú về diện tích mảng (có mảng to, mảng nhỏ...). Vẽ phác mảng sao cho các mảng họa tiết tạo thể xoay tròn, có trọng tâm, các họa tiết có xu thế hướng tâm tránh phân chia mảng làm phá vỡ thể xoay tròn của hình. Triệt để khai thác vận dụng các nguyên tắc trong trang trí vào bài vẽ.

##### **4.2. Tìm họa tiết trong mảng**

Căn cứ trên các mảng đã tìm để đặt các họa tiết phù hợp, họa tiết mảng chính được ưu tiên hơn, sử dụng các họa tiết hợp lý, thống nhất, hòa

hợp nhau, ví dụ: Hoa với chim, bướm; cá với tôm và rong rêu; côn trùng hoặc các con vật trên cạn...lưu ý hình ở các mảng trống cũng phải có sự thay đổi, chặt chẽ. Tất cả các họa tiết ở cat mảng chính và phụ phải tạo được một thể thống nhất hài hòa, cân đối và đẹp.

#### 4.3. Tìm đậm nhạt

Dựa vào phác thảo hình đã vẽ để tìm đậm nhạt, tìm độ đậm nhạt từ sáng đến đậm tạo trọng tâm của hình nổi bật hơn nhưng không quá nổi bật. Các độ đậm nhạt ở trọng tâm cũng được chuyển ra họa tiết phụ ở xung quanh để chạy màu sắc. Sao cho có sự hài hòa giữa đậm nhạt ở mảng chính và phụ.

#### 4.4. Phác thảo màu

Căn cứ vào phác thảo đậm nhạt để làm phác thảo màu, tìm màu sắc ăn ý với nhau sao cho tạo được sự hài hòa, đẹp mắt, không nên dùng quá nhiều màu trong một bài trang trí, hạn chế trong khoảng 5-6 màu. Không nên dùng quá nhiều màu trắng sẽ dễ bạc bài. Nên tìm nhiều phác thảo màu theo các gam màu khác nhau để dễ chọn bài tốt nhất khi thể hiện lên bài chính.

#### 4.5. Phóng hình, thể hiện bài

Dựa vào phác thảo đã chọn để phóng to theo khuôn khổ đã cho, Có thể quét màu nền trước sau đó can bản nét lên, tô đều, mịn, gọn gàng, sạch sẽ.

**PHỤ LỤC 8**  
**NHÓM TRANH CHÂN DUNG, PHONG CẢNH, LỄ HỘI**  
**CỦA HỌA SĨ BÙI XUÂN PHÁI**



Hình 1.1. Chân dung tự họa, Họa sĩ Bùi Xuân Phái (1985); Sơn dầu.

Nguồn: [49]



Hình 1.2. Chân dung thiếu nữ (1986); Sơn dầu.

Nguồn: [49]



Hình 1.3. Chân dung thiếu nữ 3 (1965); Sơn dầu.

Nguồn: [49]



Hình 1.4. Họa sĩ (1967); Sơn dầu.

Nguồn: [51]



Hình 1.5. Chân dung tự họa (1967); Bút sắt.

Nguồn: [51]



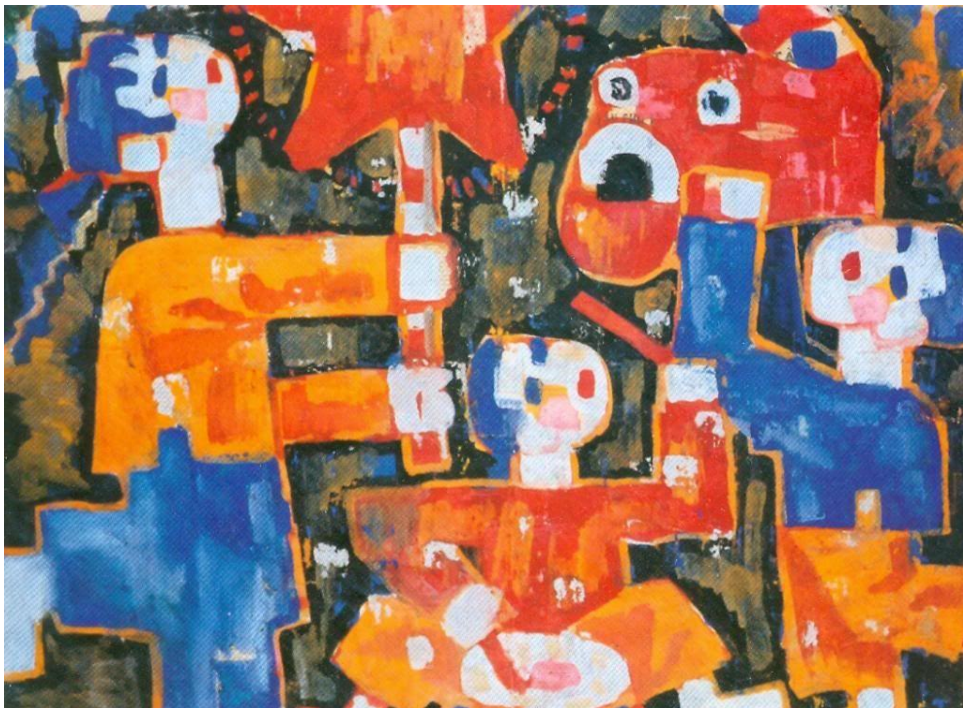
Hình 1.6. Hồ Gươm (1968); Sơn dầu.

Nguồn: [51]



Hình 1.7. Phố vùng cao (1968); Sơn dầu.

Nguồn: [50]



Hình 1.8. Trung thu (1982); Màu nước.

Nguồn: [50]



Hình 1.9. Trung thu đã đến (1982); Màu nước.

Nguồn: [50]



Hình 1.10. Diễn viên chèo (1968); Màu nước.

Nguồn: [50]





Hình 1.11. Trước giờ biểu diễn (1976); Sơn dầu  
Nguồn: [50]

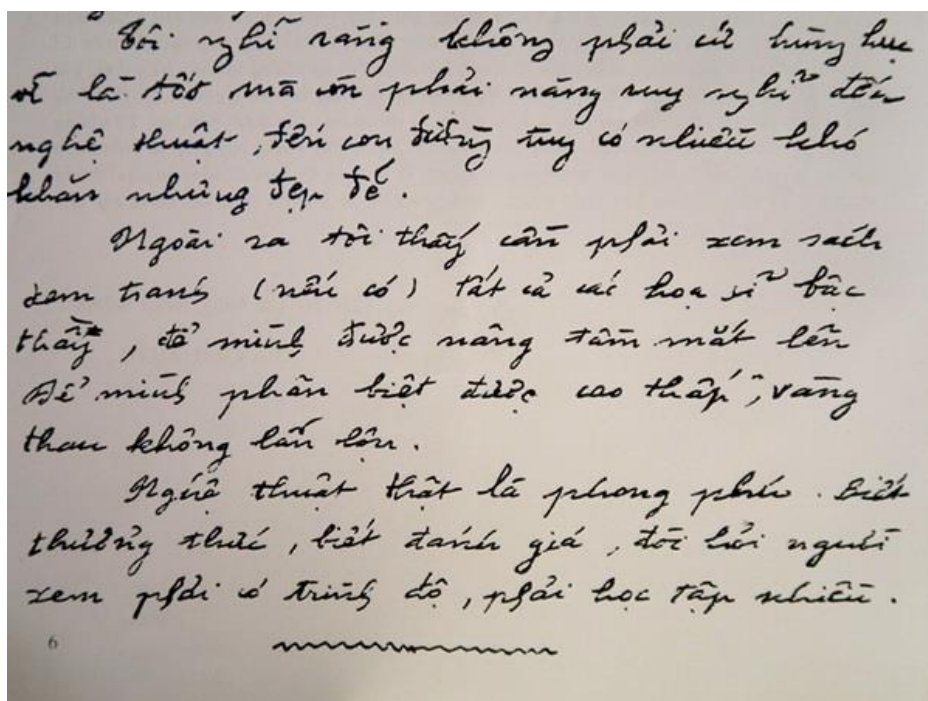


Hình 1.12. Vợ chồng nhà chèo (1986); Sơn dầu.  
Nguồn: [50]



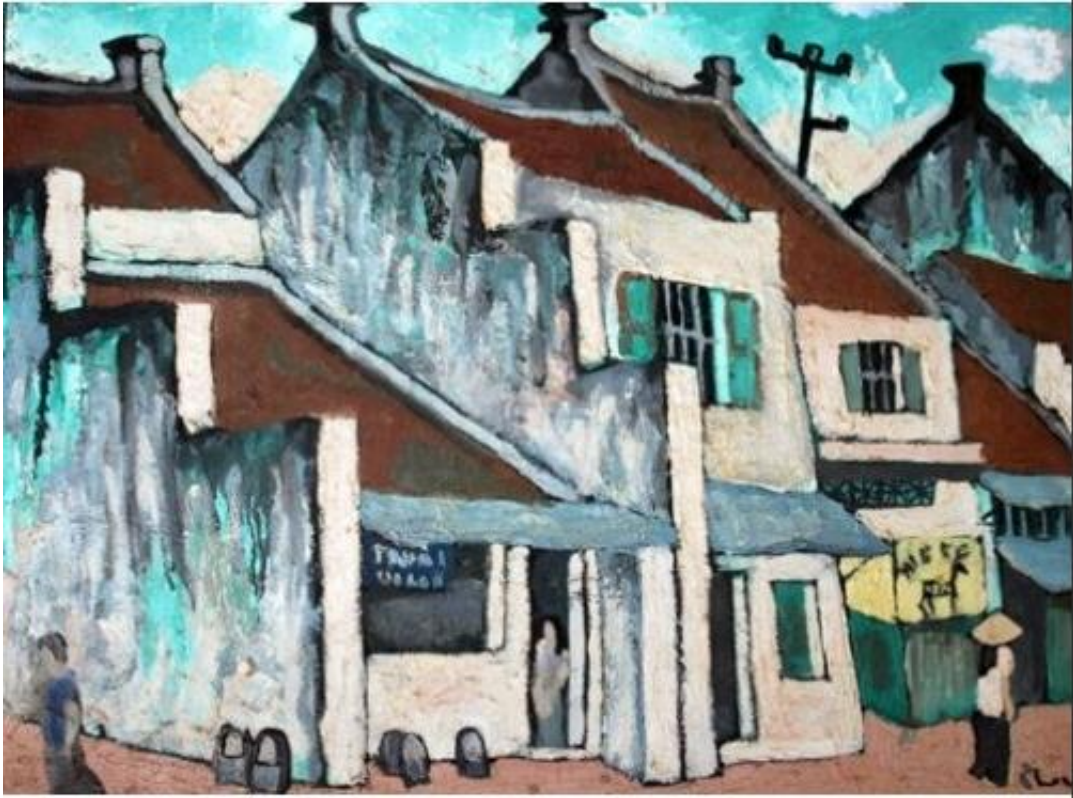
Hình 1.13. Chân dung Bùi Xuân Phái 2, tự họa (1952); Bột màu.

Nguồn: [49]



Hình 1.14. Trang nhật ký nêu quan điểm sáng tác của HS Bùi Xuân Phái

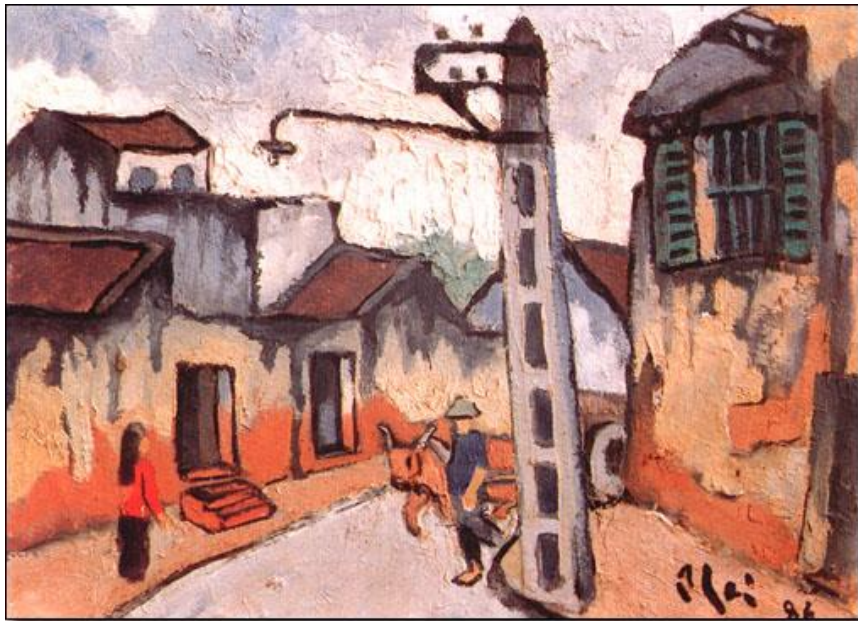
Nguồn: [49]



Hình 1.15. Góc phố 2 (1970); Sơn dầu.

Nguồn: [49]

**PHỤ LỤC 9**  
**NHÓM TRANH PHỐ CỔ HÀ NỘI**



Hình 2.1. Xe bò trong phố cổ (1972), sơn dầu

Nguồn: [49]



Hình 2.2. Ngõ Phát Lộc (1968); Sơn dầu.

Nguồn: [49]



Hình 2.3. Phố Phái 1 (1961); Sơn dầu.

Nguồn: [49]



Hình 2.4. Ngõ Phát lộc 2 (1968); Sơn dầu.

Nguồn: [49]



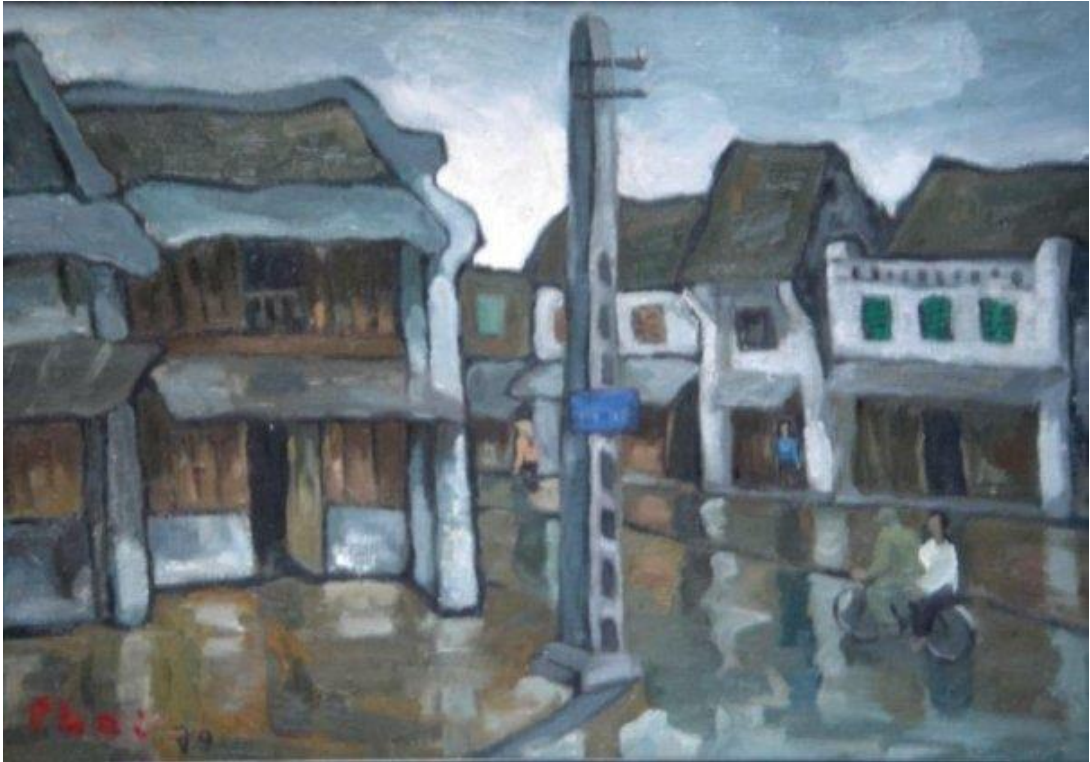
Hình 2.5. Phố Phái 2 (1965); Sơn dầu.

Nguồn: [49]



Hình 2.6. Ngõ Phát lộc 3 (1967); Sơn dầu.

Nguồn: [49]



Hình 2.7. Hà Nội kháng chiến (1968); Sơn dầu.

Nguồn: [49]



Hình 2.8. Phố cổ Hà Nội (1972); Sơn dầu.

Nguồn: [49]



Hình 2.9. Phố cổ Hà Nội (1972); Sơn dầu.

Nguồn: [49]



Hình 2.10. Góc Phố cổ Hà Nội (1972); Sơn dầu.

Nguồn: [49]





Hình 2.11. Xe bò trên phố cổ (1976); Sơn dầu.

Nguồn: [49]

**PHỤ LỤC 10**  
**MỘT SẢN PHẨM, BÀI HỌC THỰC NGHIỆM**



Hình 2.12. Bài Xé dán của SV. Nguyễn Thị Ngân lớp K23A

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.13. Bài Xé dán của SV. Lê Thị Hoa, lớp K23A

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.14. Bài Xé dán của SV. Đỗ Thị Thùy Linh, lớp K23A

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.15. Bài vẽ của SV. Mai Thị Năm, lớp K23A

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.16. Bài vẽ của SV. Lê Thị Tuyết, lớp K23A

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.17: Tranh vẽ của sinh viên

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.18: Tranh vẽ phong cảnh của sinh viên

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.19: Tranh vẽ Lễ trung thu của sinh viên

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.20: Tranh vẽ Lễ trung thu của sinh viên

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.21: Tranh vẽ của sinh viên

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.22: Tranh xé dán của sinh viên

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



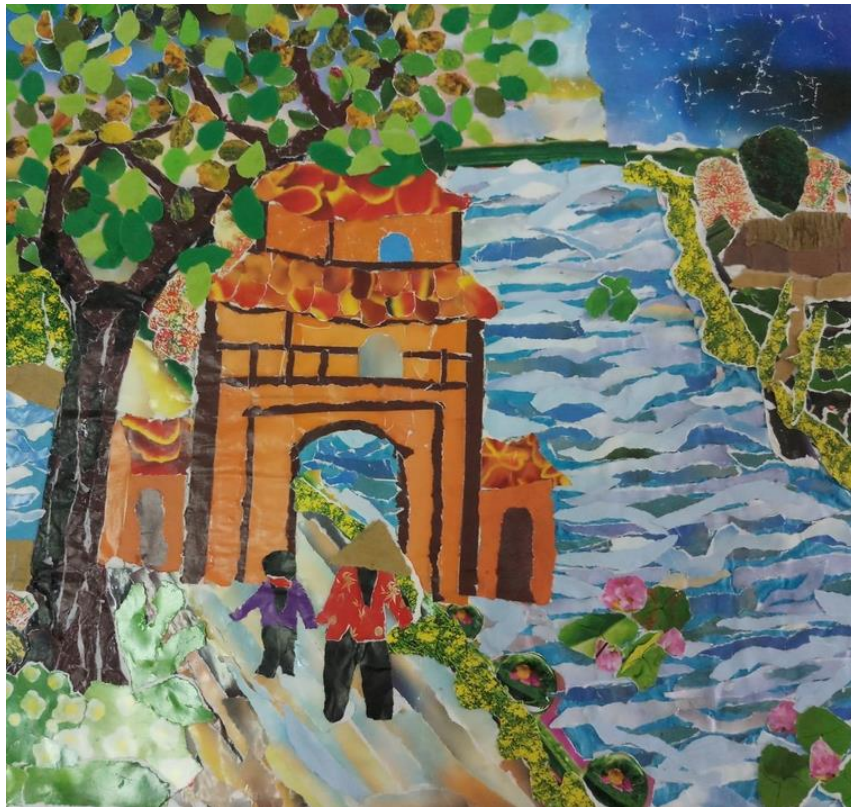
Hình 2.23: Tranh xé dán của sinh viên

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.24: Tranh xé dán của sinh viên

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



Hình 2.25: Tranh xé dán của sinh viên

Nguồn: Tác giả sưu tầm (2022)



**Phụ lục 11**  
**MỘT SỐ HÌNH ẢNH THỰC NGHIỆM**



Hình 2.26: Sinh viên thảo luận

Nguồn: Tác giả (2022)



Hình 2.27: Sinh viên thực hành

Nguồn: Tác giả (2022)